

M22



TẠP CHÍ

# Thủy Sản

CƠ QUAN  
NGÔN LUẬN  
CỦA  
BỘ THỦY SẢN

ISSN 0866 -



**NHỚ LỜI BÁC HỒ DẠY, NGÀNH THỦY SẢN QUYẾT TÂM  
PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH THẮNG LỢI NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 1998**

**Bảo đảm an toàn**

**CHO NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN BIỂN**

*Thuế, lệ phí cho khai thác hải sản*

**CHUYỂN PHONG TRÀO LAO ĐỘNG SÁNG TẠO...**

**2**  
**1998**

*CN 107*

**NGHIÊM CẤM SỬ DỤNG CHẤT NỔ, XUNG ĐIỆN, CHẤT ĐỘC ĐỂ KHAI THÁC THỦY SẢN**

# BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO NGƯỜI & PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN BIỂN

◆ TCTS

**B**ảo đảm an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển được thể hiện trên 3 mặt: an toàn kĩ thuật của phương tiện, thiết bị; an toàn lao động, sinh mạng của con người và an toàn hàng hải.

Thực hiện các nội dung trên, những năm qua Nhà nước đã ban hành hàng chục văn bản để điều chỉnh hoạt động của người và phương tiện nghề cá, tổ chức cả một hệ thống các cơ quan quản lí từ trung ương đến các địa phương để bảo đảm an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển, đặc biệt năm 1997 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 39/TG về việc bảo đảm an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển. Mặc dù có nhiều văn bản, có cơ quan quản lí nhưng tổn thất về người và phương tiện vẫn thường xuyên xảy ra và có chiều hướng ngày càng gia tăng. Năm 1996 thiên tai đã cướp đi trên 200 người, trên 1000 tàu bị đắm, hư hỏng đối với ngư dân các tỉnh từ Thái Bình đến Quảng Nam; năm 1997, riêng cơn bão số 5 đã có trên 700 người chết, hơn 2000 người mất tích, hàng ngàn người bị thương, gần 3.700 tàu của ngư dân các tỉnh Nam Bộ và nam Trung Bộ bị chìm, mất tích. Trong tổn thất trên không ít tàu bị chìm, hư hỏng, ngư dân bị chết, bị thương là do tàu không bảo đảm an toàn, thiếu các trang thiết bị an toàn.

Có tình hình trên là do, các văn bản của Nhà nước tuy nhiều nhưng lại thiếu nhất quán, một số qui định còn chống chéo giữa các ngành dẫn đến các văn bản kém hiệu lực, tính khả thi không cao.

Các qui phạm, tiêu chuẩn hiện hành có nhiều điểm chưa phù hợp nhất là các qui định về cấp tàu, trang bị trên tàu. Chưa có qui phạm cho tàu từ 20m đường nước thiết kế trở xuống - ở Việt Nam đại bộ phận tàu thuyền hoạt động nghề cá lại là tàu có đường nước dưới 20 m. Các qui định về cấp bằng, về thuyền viên còn nhiều điểm chưa phù hợp với nghề cá...

Với đặc thù nghề cá, về thiết bị an toàn đến nay chưa có đơn vị sản xuất nào cung ứng bảo đảm chất lượng và phù hợp với khả năng tài chính của ngư dân.

Thêm vào đó phải kể đến việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng còn lỏng lẻo nhất là khâu đóng tàu và trang bị tàu cá. Hệ thống tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ được hình thành nhưng chưa có thực lực, trang bị yếu, tính khả thi còn bị hạn chế.

Cuối cùng là về phía ngư dân, trình độ dân trí thấp, nhận thức về trang bị an toàn còn quá yếu nên nhiều tàu thuyền còn rất thiếu trang bị, những tàu

thuyền có trang bị nhưng việc bảo quản, sử dụng còn nhiều hạn chế nên không phát huy được tác dụng.

Để khắc phục tình hình trên, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển, trong năm 1998 và những năm tiếp theo cần tập trung vào một số giải pháp.

1. Do đặc thù của ngành, để khắc phục tình trạng thiếu nhất quán, chống chéo của các qui định cần qui về một đầu mối là Bộ Thủy sản chịu trách nhiệm về mặt nhà nước để bảo đảm an toàn cho người và hoạt động nghề cá trên biển.

2. Các cơ quan chức năng của Nhà nước cần rà soát lại các qui định hiện hành để ban hành, sửa đổi, bổ sung các qui phạm, tiêu chuẩn kĩ thuật về trang bị an toàn và cứu nạn cho người và phương tiện nghề cá cho phù hợp với từng vùng nước, từng loại phương tiện, bảo đảm cho tất cả mọi phương tiện nghề cá có đủ các trang bị an toàn, bảo đảm chất lượng theo qui định.

3. Cần sớm tổ chức các doanh nghiệp có trợ giúp của Nhà nước hoặc doanh nghiệp công ích để sản xuất đủ, có chất lượng cao và cung ứng kịp thời, các trang bị an toàn, cứu nạn cho ngư dân. Tổ chức kiểm tra xác nhận chất lượng phao và trang bị an toàn từ sản xuất đến lưu thông và trên tàu cá.

4. Rà soát lại đội ngũ thanh tra, kiểm tra, chỉ bố trí những cán bộ có đủ trình độ, năng lực, phẩm chất làm công tác này. Cần thường xuyên tổ chức các lớp huấn luyện và tuyên truyền để ngư dân và các chủ phương tiện hiểu rõ lợi ích và tầm quan trọng của việc trang bị đầy đủ các trang bị an toàn và nắm được cụ thể về nơi trú đậu khi có bão, áp thấp nhiệt đới xảy ra.

5. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong việc thực hiện các qui định của Nhà nước về an toàn. Các cơ quan kiểm tra của Nhà nước về an toàn được giao nhiệm vụ ở địa bàn nào, địa phương nào nếu phát hiện thấy làm không đủ chức trách để tai nạn xảy ra phải được xử lí kịp thời, nghiêm minh.

6. Công tác bảo đảm an toàn về người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển không phải là công việc riêng của ngành thủy sản mà cần có sự phối hợp chặt chẽ hơn nữa của các ngành, các cấp và các tổ chức từ trung ương đến địa phương. Ở trung ương là các Bộ, ngành: Giao thông vận tải, Khoa học Công nghệ và Môi trường, Lao động - Thương binh và xã hội, Quốc phòng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Khí tượng thủy văn, Ban chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương, Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn trên không và trên biển. Ở địa phương là các cơ quan tương ứng dưới sự chỉ đạo của UBND các địa phương ■

# AO CÁ BẮC HỒ

trong khu di tích

## Phủ Chủ tịch

◆ NGUYỄN VĂN CÔNG

Với diện tích 3320 m<sup>2</sup>, độ sâu 3,2 m, Ao cá Bắc Hồ trong khu di tích Phủ Chủ tịch có "trữ lượng" khoảng 5000 kg cá các loại, thuộc 14 loài với 6 nhóm. Trong đó, Việt Nam có chép, trôi, trắm; châu Phi có rô phi vàng, rô phi đen; Trung Quốc có mè hoa, mè trắng, trắm cỏ; châu Âu có chép Hung-ga-ri (kính, vảy); Ấn Độ có rô hu, mrigar, catla; Đông Nam Á có chép vàng Indônexia. Trong các loài cá trên, rô phi và mrigar nếu đánh bắt cho sản lượng trên 1000 kg. Có loài có con nặng tới 20kg như cá trắm đen, chép. Trong các loài cá trên có nhiều loài có màu sắc sặc sỡ như chép vàng, đỏ, tím, đen, hung, sáng kính.... Đặc biệt trong đó có những loài cá được Bác Hồ trực tiếp nuôi dưỡng; theo dõi quá trình sinh trưởng vẫn còn lưu giữ đến ngày nay mà điển hình như chép, trắm đen.

Với Vườn cây, Nhà sàn, Ao cá, cảnh quan đơn sơ mà thấm đượm bản sắc văn hoá dân tộc Việt Nam. Và với Ao cá Bắc Hồ trong khu di tích Phủ Chủ tịch, lại thêm một minh chứng sống động về phong cách giản dị, thanh cao của Người - trước đó vẫn thế và 15 năm cuối đời (1954 - 1969) vẫn thế.

Trước tháng 10/1954, nơi đây là chỗ của hươu nai trong vườn sau Phủ Toàn quyền ( nay là Phủ Chủ tịch) xuống uống nước. Thủ đô được giải phóng, từ chiến khu Việt Bắc về, Bác Hồ đã gợi ý anh em bảo vệ sửa sang lại ao, vớt bùn đắp bờ và cho thả cá. Sau này xây thành bờ uốn lượn vòng quanh ao duyên dáng, có trồng nhiều cây xanh, bóng mát của những liễu, phượng vĩ, bụt mọc, dừa... in xuống mặt hồ nơi đàn cá tung tăng bơi lội.

Sinh thời sau giờ làm việc hàng ngày, Người giữ nếp quen ngồi chọ cá ăn ở cầu ao Nhà sàn. Đúng giờ, khi nghe tiếng Bác vỗ tay gọi là đàn cá quen thuộc đến tranh nhau ăn, có nhiều chú cá hầu ăn trườn lên cả bậc xây cầu ao và bàn tay Người.

Một chiều khi đi công tác xa về, như thường lệ, Bác xuống cầu ao vỗ tay gọi đàn cá, không thấy con cá chép đỏ, Bác hỏi đồng chí phục vụ và nói ở nhà chắc đã có chủ nào câu được con cá đỏ, nên không thấy nó về ăn nữa? Nghe xong đồng chí phục vụ chỉ dám thưa với Bác, "Thế ạ"? Bỗng đi mấy bữa, con cá chép đỏ nghe tiếng vỗ tay của Bác đã trở lại cầu ao. Bác bảo "Con cá ấy lại về đây ăn mỗi rội chú ạ, ở nhà các chú không cho cá ăn đúng bữa thành thử nó đã bỏ đi thói quen". Lời nhắc nhở ân cần của Bác làm anh em bảo vệ chợt nhận ra: rèn luyện được thói quen tốt đòi hỏi phải có đức tính kiên trì, bền bỉ.

Trại cá giống Đình Bảng - nay là Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản I - được mang nhiều giống cá tốt thả vào ao, giống được tuyển chọn kĩ,



phù hợp, chăm sóc chu đáo nên sinh trưởng và phát triển tốt, lớn nhanh có con lên tới 24 kg. Bác bảo đánh bắt những con cá to để tránh "Cá lớn nuốt cá bé". Bác thường bảo anh em phục vụ lấy tre làm thành khung thả bèo cho cá mát về mùa hè và ấm về mùa đông. Hàng năm vào dịp sinh nhật Bác, Bác thường cho bắt các loại cá thịt để biếu các đồng chí lãnh đạo, các cụ, già, các em nhỏ và anh chị em trong cơ quan cải thiện.

Năm 1959, HTX Tiến Phong - nay là Yên Sở, Thanh Trì, Hà Nội - là đơn vị đầu tiên được Bác Hồ gửi cho giống cá rô phi để nuôi. Làm theo lời dặn của Người: "Dân ta có nghề cổ truyền nuôi cá, điều quan trọng là phải quyết tâm, có kế hoạch tốt thì sẽ có cá ăn, nuôi cá sẽ có kết quả...", từ 94 con cá rô phi ban đầu ấy, hợp tác xã đã nhân lên và xây dựng thành Ao cá Bác Hồ kiểu mẫu, chăn nuôi theo kỹ thuật tiến bộ và phát triển lên hàng 100 ha diện tích mặt nước ao hồ nuôi cá với năng suất cao, cho sản lượng hàng ngàn tấn/năm.

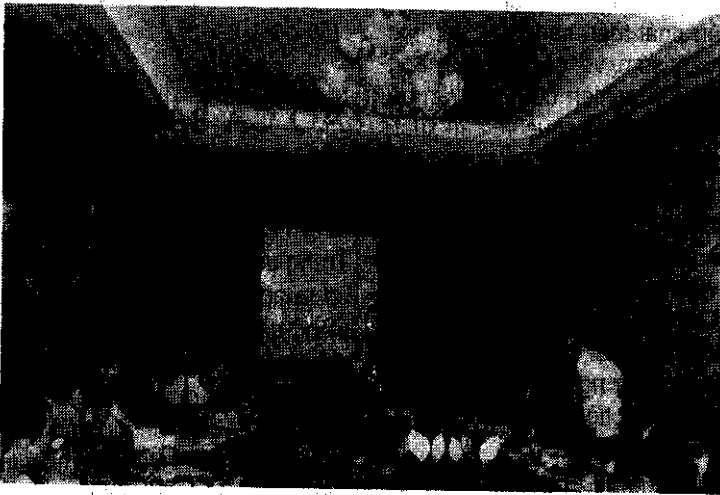
(Xem tiếp trang 4)

# PHÓ THỦ TƯỚNG NGUYỄN CÔNG TÂN làm việc với Bộ Thủy sản VỀ QUI HOẠCH TỔNG THỂ THỜI KÌ 1996-2010

**N**gay 7/3/1998 tại Hà Nội, Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tân đã làm việc với lãnh đạo Bộ Thủy sản về Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội ngành thủy sản thời kì 1996-2010. Cùng làm việc với Phó Thủ tướng có đại diện lãnh đạo các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Tài chính.

Sau khi nghe Bộ trưởng Bộ Thủy sản báo cáo dự án Quy hoạch tổng thể và ý kiến phát biểu của các Bộ, Phó Thủ tướng kết luận:

1. Trong những năm qua ngành thủy sản đã đạt được những thành tích quan trọng, nhất là về xuất khẩu, đời sống ngư dân từng bước được cải thiện; tuy nhiên chúng ta đang đứng trước những thách thức mới, khó khăn mới, cụ thể là : do phương tiện còn nhỏ bé và trang bị chưa đầy đủ nên phải khai



thác vùng ven bờ, mà sản lượng vùng ven bờ đang bị khai thác quá mức; vươn ra đánh bắt ở vùng biển xa bờ lại chưa đủ điều kiện vì số phương tiện có công suất lớn, có trang bị tương đối đầy đủ còn ít; việc điều tra khảo sát nguồn lợi chưa đủ kết luận về trữ lượng và sản lượng cho phép khai thác; nuôi trồng thủy sản còn thiếu các cơ sở vững chắc về công nghệ, cung ứng con giống, mô hình nuôi chuyên canh và về thị trường tiêu thụ.

Trong thách thức mới còn chứa đựng nhiều mâu thuẫn như nền kinh tế thị trường đòi hỏi hàng hóa có chất lượng cao nhưng chế biến của ta còn thô sơ chất lượng chưa bảo đảm các yếu cầu của thị trường, cơ sở hạ tầng của ngành còn lạc hậu, khoa học công nghệ chưa tiến kịp, tổ chức sản xuất chưa có mô hình rõ nét và có tính bền vững, chưa đầy đủ những căn cứ đặt nền móng cho việc xây dựng phát triển ngành.

2. Ngành thủy sản có tiềm năng lớn, theo số liệu báo cáo (tuy chưa có căn cứ điều tra khoa học vững chắc) sơ bộ đánh giá trữ lượng hải sản ở vùng biển Việt Nam có khoảng 4 triệu tấn, có thể khai thác hàng năm khoảng 1,7 triệu tấn; có trên 2 triệu ha mặt nước có thể nuôi trồng thủy sản và vị trí nước ta tương đối gần các thị trường tiêu thụ, chúng ta cần từng bước hiện đại hóa và công nghiệp hóa trong khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, nhằm tận dụng tiềm năng đã có để đạt được mục tiêu đảm bảo yêu cầu cung cấp thực phẩm giàu đạm cho nhân dân và hàng hóa có chất lượng cao, giá thành hạ cho xuất khẩu, xây

dựng thủy sản là một trong các ngành hàng tạo ra nhiều việc làm, tăng thu nhập cho ngư dân là ngành có giá trị xuất khẩu cao

3. Để phát triển ngành thủy sản, trong định hướng chỉ đạo Bộ Thủy sản cần chú trọng kết hợp hài hòa giữa khai thác và nuôi trồng thủy sản cho phù hợp với thực tiễn sản xuất. Trong khai thác phải chú ý phát triển nghề đánh bắt xa bờ đi đôi với đánh bắt gần bờ, sao cho vừa bảo vệ và tái sinh được nguồn lợi, vừa khai thác được tiềm năng vùng xa bờ và từng bước cải thiện, nâng cao đời sống ngư dân; trong nuôi trồng phải phát triển cả nuôi cá nước mặn, nước lợ và nước ngọt bằng nhiều hình thức phong phú và thích hợp theo từng vùng, từng đối tượng, trước mắt coi trọng nuôi trồng thủy sản nước ngọt, cố gắng để trong một thời gian ngắn có được những mô hình nuôi công nghiệp, nuôi thâm canh cao trên các khu ruộng trũng, canh tác lúa kém hiệu quả, nhất là ở các tỉnh phía Bắc để phổ biến cho nhân dân học tập và làm theo; về xuất khẩu phải coi trọng nâng cao chất lượng, hạ giá thành, đa dạng hóa mặt hàng, giữ vững các thị trường truyền thống và mở rộng thêm thị trường mới, chú ý thị trường Trung Quốc là thị trường lớn và ở gần có thể xuất khẩu nhiều loại tươi sống với số lượng lớn.

4. Về biện pháp: Đồng ý với các biện pháp Bộ nêu, trước mắt tập trung vào một số biện pháp cụ thể sau đây:

- Tăng cường điều tra nguồn lợi kể cả ở biển và nội địa, để có căn cứ hoạch định bước đi vững chắc. Trước mắt, xây dựng ngay đề án điều tra nguồn lợi của một số đối tượng chủ yếu vùng xa bờ, có thể sử dụng nguồn vốn biển đông và hải đảo thực hiện ngay việc này trong năm 1998. Bộ Thủy sản phải xây dựng đề án cụ thể, báo cáo Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Xây dựng các dự án về vùng chuyên nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là dự án đưa ruộng trũng ở các tỉnh phía Bắc vào nuôi trồng thủy sản, dự án phải cụ thể, rõ về cơ cấu, đối tượng nuôi, qui mô phát triển... để có sản phẩm chiến lược có khả năng cạnh tranh xuất khẩu.

- Đưa khoa học và công nghệ đi trước một bước để phục vụ yêu cầu phát triển sản xuất, tiếp tục hoàn thiện và có kết luận sớm về các đề tài đang nghiên cứu, đồng thời tiếp tục nghiên cứu các vấn đề cơ bản, lâu dài, tập trung vào hướng phục vụ sản xuất, điều tra dự báo ngư trường, nâng cao chất lượng, hạ giá thành và đi sâu vào các đặc sản để phát huy được lợi thế so sánh. Vấn đề cấp bách hiện nay là nghiên cứu sản xuất đủ các loại giống tôm, cá có giá trị kinh tế cao cung ứng cho nhân dân nuôi trồng và phổ biến qui trình công nghệ đã được nghiên cứu. Riêng về các loại đặc sản quý (riêng Việt Nam có) cần được ưu tiên nghiên cứu cả về giống và công nghệ nuôi trồng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, ưu tiên cấp vốn cho các dự án nghiên cứu này.

5. Về tổ chức sản xuất: Ở nước ta nghề cá nhân đang chiếm tới trên 90% về tổng sản lượng, tuy vậy trong khu vực nhân dân chủ yếu hiện nay vẫn là tư nhân và các tổ hợp tác sản xuất qui mô chưa lớn, cần nghiên cứu để có tổ chức sản xuất cho phù hợp như các hình thức tổ hợp tác theo đơn vị thuyền nghề, công ti tư nhân, công ti cổ phần, đi đôi với việc củng cố, sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước theo hướng dịch vụ hậu cần cho nghề cá nhân dân, tập trung xây dựng một số doanh nghiệp mạnh để làm nòng cốt trong việc đưa ngư dân vươn ra đánh cá xa bờ.

6. Về đầu tư: Việc tiếp tục đầu tư cho ngành thủy sản là cần thiết, nhưng nhất thiết phải thông qua các chương trình hoặc dự án cụ thể và trình duyệt theo qui định. Trước mắt tập trung vào một số nội dung: Xây dựng cơ sở hạ tầng, vùng chuyên canh nuôi thủy sản, hệ thống cơ sở chế biến và nghiên cứu phục vụ khai

thác hải sản xa bờ để trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt.

7. Về các chính sách đối với nghề cá: Để phát triển ngành thủy sản trong tình hình mới cần có những chính sách cụ thể và phù hợp. Bộ Thủy sản rà soát lại các chính sách hiện hành, nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách mới cho phù hợp với tình hình, làm việc với các Bộ có liên quan và trình Thủ tướng Chính phủ xét duyệt. Trước mắt Bộ sớm xây dựng Nghị định về đảm bảo an toàn cho người và phương tiện nghề cá hoạt động trên biển và các vấn đề cần tháo gỡ kịp thời để phục vụ phát triển sản xuất, chuẩn bị xây dựng Luật Nghề cá.

8. Bản qui hoạch tổng thể đã nêu được những định hướng lớn phát triển ngành đến năm 2010, các Bộ cũng đã tham gia đóng góp ý kiến bổ sung, Bộ Thủy sản hoàn chỉnh lại để làm căn cứ cho việc xây dựng các dự án cụ thể và kế hoạch hàng năm. Thủ tướng Chính phủ sẽ phê duyệt các dự án cụ thể để Bộ triển khai thực hiện ■

## AO CÁ BẮC HỒ... ( Tiếp trang 2)

Năm 1979, kỷ niệm 10 năm thực hiện Di chúc của Người, với sáng kiến của Bộ Thủy sản và Viện bảo tàng Hồ Chí Minh, được sự đồng ý của Ban Bí thư Trung ương Đảng, từ Ao cá Bắc Hồ tại Phủ Chủ tịch, 2 cơ quan trên cùng với Bộ Nông nghiệp - nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - đã phát động phong trào xây dựng Ao cá Bắc Hồ nhằm thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng đối với nghề cá. Và như chúng ta đã biết, phong trào vừa được phát động, quần chúng từ Bắc chí Nam, từ miền ngược đến miền xuôi, từ nông thôn đến thành thị, từ làng xã đến các cơ quan, trường học, lực lượng vũ trang... nhiệt liệt hưởng ứng. Sau một thời gian ngắn phong trào thực sự "Đã đem lại kết quả to lớn, có tác dụng thiết thực về mặt kinh tế và giáo dục tư tưởng sâu sắc", đưa nuôi trồng thủy sản cả nước từ sản xuất tự cung tự cấp thành sản xuất hàng hoá, đóng góp ngày càng nhiều cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Nếu như năm 1980 sản lượng nuôi trồng thủy sản cả nước mới đạt 160 ngàn tấn, đến năm 1997 đã đạt 492 ngàn tấn, trong 18 năm tính từ ngày phát động phong trào, tốc độ tăng bình quân hàng năm là 17,1%.

Ao cá Bắc Hồ, là di sản văn hoá quốc gia. Thường xuyên chăm sóc, bảo vệ là việc làm cần thiết, không những thế đó còn là địa chỉ tham quan, học tập của đồng bào cả nước và khách quốc tế ■

# NHỜ LỜI BẠC HỒ DẠY NGÀNH THỦY SẢN QUYẾT TÂM PHẤN ĐẤU HOÀN THÀNH THẮNG LỢI NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 1998

LTS: Ngày 30/3/1998 tại Hà Nội, Bộ Thủy sản tổ chức Lễ kỉ niệm lần thứ 39 ngày Bác Hồ về thăm làng cá và Ngày truyền thống ngành thủy sản (1/4/1959 - 1/4/1998). Bộ trưởng Thủy sản Tạ Quang Ngọc đã có bài phát biểu quan trọng, TCTS giới thiệu cùng bạn đọc.



Thưa các vị đại biểu,  
Thưa toàn thể các đồng chí.

Hôm nay trong không khí toàn ngành đang triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương IV (khóa VIII), tập trung sức khắc phục khó khăn, hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kế hoạch năm 1998 từ tháng đầu, quý đầu chúng ta kỉ niệm lần thứ 39 ngày Bác Hồ về thăm làng cá và Ngày truyền thống ngành thủy sản.

Bối hồi nhớ lại 39 năm trước đây vào những ngày cuối tháng 3 đầu tháng 4 này, mặc dù bận trăm công ngàn việc của Đảng và Chính phủ khi mới có một nửa đất nước được hoàn toàn giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm làng cá và bà con ngư dân trên các đảo Tuần Châu, Cát Bà, Cát Hải... thuộc tỉnh Quảng Ninh và thành phố Hải Phòng. Tại đây, Người đã dạy: "Tiến bạc của ta do nhân dân ta làm chủ". Người đã thăm già hoi trẻ, Người lại căn dặn cán bộ về công việc sản xuất và chăm lo đời sống nhân dân vùng biển.

Ngành thủy sản trở thành một ngành kinh tế kĩ thuật trong nền kinh tế của đất nước kể từ khi Tổng cục Thủy sản ra đời vào năm 1960, thống nhất tổ chức và quản lí ngành. Được sự quan tâm chăm sóc của Đảng và Chính phủ, nhất là sau ngày thống nhất đất nước, ngành thủy sản ngày một phát triển, có vai trò quan trọng: cung cấp nguồn đạm thực phẩm từ thủy sản cho nhu cầu dinh dưỡng của nhân dân, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và một số ngành công nghiệp khác, thức ăn cho chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản phẩm cho xuất khẩu, tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh quốc phòng vùng biển.

Từ năm 1981 đến nay, 17 năm liền ngành thủy sản hoàn thành vượt mức nhiệm vụ kế hoạch hàng năm, năm sau cao hơn năm trước. Trong 10 năm qua (1987 - 1997) đã đạt được những thành tích đáng chú ý: Năm 1991 sản lượng thủy sản vượt qua ngưỡng 1 triệu tấn, năm 1994 giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản vượt ngưỡng 500 triệu USD, tốc độ tăng bình quân về sản lượng là 6,9%/năm, về giá trị kim ngạch xuất khẩu là 40%/năm, để đến năm 1997 đạt sản lượng 1.570.000 tấn, trong đó sản lượng hải sản đạt 1.078 triệu tấn và xuất khẩu được 776 triệu USD, giải quyết việc làm cho hơn 3 triệu lao động. Ngành thủy sản đã được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, trong những năm đổi mới vừa qua, cùng những lợi thế do phát huy nguồn lực các thành phần kinh tế đi vào cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, những thời cơ mới về thị trường đầu tư và thị trường xuất khẩu cho một ngành lấy xuất khẩu là mũi nhọn, thì cũng là những năm xuất hiện các khó khăn nảy sinh từ đặc thù kinh tế - xã hội ngành thủy sản. Bước phát triển tiếp đôi hỏi không chỉ xem xét sự phát triển của ngành bằng tốc độ tăng trưởng của các con số như trên mà phải kể đến các nhân tố khác nữa về cơ cấu từ đầu tư đến sản phẩm để cho một ngành cá không bị cạn kiệt về nguồn lợi, hủy hoại về môi trường, hiệu quả thấp kéo theo giảm thu nhập và bớt việc làm của người lao động nghề cá. Do vậy hình thành qui hoạch các chiến lược phát triển ngành được đặt ra và chú ý xây dựng, đặc biệt là trong một số năm gần đây. Theo đó, những cố gắng của ngành hướng vào sử dụng tốt các

nguồn lực phát triển đã có, đặc biệt là nguồn lực quản lý ngành hướng mọi nỗ lực của doanh nghiệp và lao động nghề cá vào sự biến đổi cơ cấu nêu trên, sử dụng có hiệu quả nhất sự hỗ trợ của Nhà nước và các nguồn bên ngoài.

Trong nuôi trồng thủy sản, hơn 600 ngàn ha mặt nước đã được đưa vào nuôi trồng thủy sản, không những phục vụ lượng nguyên liệu lớn cho chế biến xuất khẩu mà bước đầu giúp cho các chương trình xóa đói giảm nghèo, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, vùng biển. Thời kì 1993-1997 đã đầu tư 72 dự án 773, gồm 6 dự án thuộc khối ngành trung ương và 66 dự án thuộc khối địa phương với 187,47 tỉ đồng từ nguồn vốn đầu tư ngân sách và 5,1 tỉ đồng từ nguồn vốn vay ngân sách, tạo việc làm cho 15.241 lao động, đạt sản lượng thủy sản 35.032 tấn, gần 6.288 tấn tôm, 4.571 tấn cua và 24.593 tấn cá.

Thực hiện đường lối chủ trương phát triển kinh tế biển của Đảng và Nhà nước mà gần đây nhất là Nghị quyết IV của Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VIII và Chỉ thị 20-CT ngày 22/9/1997 của Bộ Chính trị, chương trình vươn ra khai thác xa bờ đang được thực hiện có sự đồng tình hưởng ứng của các cấp các ngành và đặc biệt là bà con ngư dân. Bước đầu trong năm 1997 Chính phủ đã giành 400 tỉ đồng vào việc cho vay ưu đãi đóng tàu đánh cá xa bờ có công suất từ 90CV trở lên. Đến cuối tháng 3/1998 đã thực hiện được 209 dự án, đóng mới 311 chiếc, có 171 chiếc loại từ 90CV - 100CV và 139 chiếc loại từ 150 - 450CV, cải hoán 12 chiếc và đã đi biển sản xuất được 61 chiếc. Một chương trình toàn diện đang được xây dựng lo hậu cần, tiêu thụ, đào tạo và chuyển giao công nghệ, dự báo ngư trường, tổ chức đánh bắt cùng với kiện toàn nâng cấp hạ tầng cơ sở nghề cá ven biển phục vụ nghề cá xa bờ.

Đòi hỏi với vươn ra khai thác xa bờ, tổ chức tốt việc khai thác đi đôi với việc tái tạo nguồn lợi vùng ven bờ đang là sự quan tâm lớn của Đảng và Nhà nước. Điểm nổi bật có thể thấy là cùng chung nhịp độ tăng trưởng, ngành đã thực hiện được một số kết quả trong việc chuyển đổi cơ cấu chuẩn bị cho bước tiếp theo đi vào năm 2000 và đầu thế kỉ 21 có một nghề cá phát triển bền vững xét trên các mặt tài nguyên, lao động và hiệu quả kinh tế- xã hội.

Cùng với sự phát triển của ngành, Hội Nuôi thủy sản Việt Nam và Hội Nghề cá Việt Nam là tổ chức quần chúng rộng rãi, thu hút, động viên đông đảo những người làm nghề cá vào hoạt động chuyên ngành để góp phần phát triển sản xuất và cải thiện đời sống. Công đoàn TSVN mới thành lập đã tích cực hoạt động góp phần xây dựng ngành, chăm lo lợi ích của công nhân viên chức và người lao động nghề cá. Quý nhân đạo Nghề cá Việt Nam đi vào hoạt động và phát huy tác dụng tích cực.

Thưa các đồng chí

Ngành thủy sản kỉ niệm Ngày truyền thống của mình năm nay, năm 1998, trong quyết tâm cao thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch với sản lượng khai thác và nuôi trồng là 1.575.000 tấn, giá trị kim ngạch xuất khẩu 850 triệu USD. Với chỉ tiêu này, quyết tâm năm nay lại càng cao hơn bởi phần trong những điều kiện khó khăn chưa bao giờ có, đó là hậu quả nặng nề của cơn bão số 5 cuối năm 1997 cướp đi sinh mạng của gần 3.000 lao động nghề cá, hàng ngàn tàu thuyền còn chưa được khôi phục, đời sống của hàng ngàn ngư dân chưa được ổn định. Cộng vào đó ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính tiến tẹ khu vực và trên thế giới mà trước hết là tác động đến thị trường, giá cả đối với hàng xuất khẩu thủy sản nước ta, cho khả năng đầu tư tài chính, cho phát triển mọi mặt kinh tế- xã hội bảo vệ và tái tạo nguồn lợi. Đạt được mục

tiêu phấn đấu cho năm 1998 cần một sự nỗ lực cao, nghiêm túc rút kinh nghiệm khắc phục các yếu kém nhất là các yếu kém trong quản lý ngành, nhanh nhạy triển khai các chủ trương của Đảng và Nhà nước trong đổi mới kinh tế, đi sát với người lao động và doanh nghiệp hơn để có các giải pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn ở mọi nơi, mọi lúc. Tiếp tục làm tốt hơn việc khôi phục sản xuất sau cơn bão số 5, phát huy vai trò làm chủ của ngư dân ta là: Làm chủ để dân giàu, nước mạnh trên chính tài nguyên biển và mặt nước của chúng ta, làm chủ để bảo vệ và tái tạo nguồn lợi cho một nghề cá phát triển bền vững, làm chủ để bảo vệ tốt nhất chủ quyền vùng biển Tổ quốc ta.

Nước ta hiện có hơn 3 triệu lao động nghề cá, trong đó hơn 400 ngàn lao động trên biển, hơn 300 ngàn người hoạt động trên lĩnh vực nuôi trồng thủy sản và hàng trăm ngàn lao động trong các nhà máy và cơ sở chế biến, những người trực tiếp làm ra con tôm con cá, ra sản phẩm góp phần đáng kể nuôi sống nhân dân ta làm giàu cho đất nước ta. Bác Hồ dạy: "Cán bộ chăm lo đời sống cho nhân dân vùng biển". Các cấp lãnh đạo ngành từ Bộ đến các địa phương, cơ sở hơn ai hết phải chăm lo cho ngư dân sản xuất an toàn về tài sản và tính mạng, có hiệu quả và thu nhập, có điều kiện phát huy kinh nghiệm truyền thống và sự sáng tạo của mình cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa để các thế hệ con em vùng biển được học hành, dân trí ngày càng văn minh cùng với sự phồn vinh của kinh tế đất nước.

Thưa các đồng chí

Nhớ Bác Hồ, nhớ 39 năm về trước Người đã thăm bà con ngư dân, nhớ lời căn dặn của Người, chúng ta quyết thực hiện lời Bác dạy để Ngày hội truyền thống ngành thủy sản chúng ta luôn luôn là những ngày vui nhất của lao động nghề cá cả nước, mở đầu vụ cá Nam hàng năm ■

## **TRÍCH CHỈ THỊ 06/1998/CT/BTS NGÀY 13/3/1998 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THỦY SẢN VỀ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO, GIẢM NHỆ THIÊN TAI VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN CHO NGƯỜI VÀ PHƯƠNG TIỆN NGHỀ CÁ HOẠT ĐỘNG TRÊN BIỂN**

... Để chủ động phòng, chống thiên tai đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân và Nhà nước, giảm đến mức thấp nhất thiệt do lụt bão gây ra, nhằm đẩy mạnh sản xuất, ổn định đời sống của những người làm nghề cá cả nước, Bộ yêu cầu Cục trưởng Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản và các Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, các đồng chí giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lý thủy sản), thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ trong năm 1998 thực hiện tốt các việc sau đây:

1/ Căn cứ vào Pháp lệnh của Nhà nước, Nghị định của Chính phủ, các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ và của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn để tiến hành kiểm điểm rút kinh nghiệm về công tác phòng, chống lụt bão năm 1997 và đề ra phương hướng, biện pháp phòng, chống lụt bão năm 1998, nhiệm vụ này phải hoàn thành chậm nhất trong tháng 3/1998. Các tỉnh Nam Bộ và nam Trung Bộ căn cứ vào Quyết định số 985/TTg ngày 20/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ kiểm điểm rút kinh nghiệm sâu sắc các nguyên nhân về chỉ đạo và quản lý trong phòng chống bão và tổ chức cứu nạn qua cơn bão số 5.

2/ Kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn, hoàn chỉnh qui chế làm việc, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; công tác này phải hoàn thành trong tháng 3/1998.

3/ Xây dựng các phương án phòng, chống lụt bão, tổ chức tốt việc gọi và tổ chức trú ẩn cho tàu thuyền khi bão lớn xảy ra và tìm kiếm cứu nạn một cách cụ thể, chi tiết ở các địa phương, đơn vị cơ sở, đảm bảo ứng phó kịp thời khi có thiên tai xảy ra. Công việc này phải hoàn thành trong tháng 3/1998.

4/ Các tỉnh Nam Bộ và cực nam Trung Bộ tiếp tục khắc phục hậu quả của cơn bão số 5 gây ra theo Quyết định số 985/TTg ngày 20/11/1997 của Thủ tướng Chính phủ nhằm nhanh chóng ổn định đời sống nhân dân, đẩy mạnh sản xuất phát triển.

5/ Trước mắt, giao Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản kiểm tra, cấp chứng nhận chất lượng phao cứu sinh sử dụng đi biển và chịu trách nhiệm về chất lượng phao sử dụng trên tàu thuyền đánh cá. Kiểm tra, đánh giá chất lượng tàu thuyền, nơi trú đậu, kiểm tra chặt chẽ các tàu thuyền trước khi đi biển. Kiên quyết không được cấp giấy phép hoạt động cho các tàu thuyền không bảo đảm điều kiện an toàn, không có đủ phao cứu sinh bảo đảm chất lượng. Các phương tiện hoạt động trên biển phải bảo đảm đủ dụng cụ phòng hộ lao động, các trang bị an toàn, nhất là các dụng cụ cứu sinh, cứu nạn.

6/ Bảo đảm hệ thống thông tin liên lạc suốt nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác chỉ huy, chỉ đạo của Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão từ trung ương đến ngư dân trên biển, chuẩn bị và hướng dẫn cho ngư dân cách phòng, tránh bão và các địa điểm cho tàu thuyền trú bão an toàn. Văn phòng Bộ Thủy sản có trách nhiệm thông báo đến các Sở Thủy sản và đơn vị trực thuộc hệ thống thông tin này.

Các địa phương và cơ sở phải xây dựng phương án sản xuất gắn với việc phòng, chống bão, áp thấp nhiệt đới và tìm kiếm cứu nạn khi có lụt bão xảy ra, tùy từng nơi mà có hình thức kết hợp tổ chức diễn tập theo phương án trước mùa mưa bão.

7/ Các Sở Thủy sản có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan bảo hiểm địa phương để tổ chức bắt buộc ngư dân và các chủ phương tiện mua bảo hiểm thuyền viên và bảo hiểm thân tàu. Cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản làm việc với các Công ty Bảo hiểm để việc cấp phép hoạt động trên biển và bán bảo hiểm đủ phiên hà nhất cho ngư dân.

8/ Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn từ Bộ đến địa phương, cơ sở phải cử cán bộ trực 24/24 giờ hàng ngày trong mùa mưa bão. Các tỉnh từ Thanh Hóa trở ra trực từ 15/5 đến 30/10. Các tỉnh từ từ Nghệ An trở vào trực từ 1/6 đến 30/11 hàng năm. Trường hợp khi có bão, áp thấp nhiệt đới, lụt xảy ra sớm hoặc muộn hơn so với thời gian qui định trên, Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão các Sở, đơn vị phải tổ chức trực kịp thời và đầy đủ để chỉ huy chống lụt bão có kết quả.

9/ Các vụ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính - Kế toán, Nghề cá có trách nhiệm hướng dẫn các địa phương đóng mới, sửa chữa tàu thuyền, bến cảng, nơi trú bão, các công trình đê bao, công đập trước mùa mưa bão. Đối với các công trình cần đầu tư bằng vốn Nhà nước, Vụ Kế hoạch và Đầu tư cần sớm liên hệ với các cơ quan có trách nhiệm của trung ương, địa phương phải tìm nguồn vốn kinh phí bảo đảm tối thiểu cho phòng chống thiên tai cũng như đầu tư kinh phí cho công tác phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của ngành.

Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão của Bộ có trách nhiệm phối hợp với Ban chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương, Ủy ban quốc gia tìm kiếm cứu nạn và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo công tác phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn kịp thời, có kết quả.

Vụ Hợp tác quốc tế có trách nhiệm làm đầu mối trong việc tranh thủ viện trợ của nước ngoài phục vụ cho công tác phòng, chống lụt bão và trợ giúp ngư dân các vùng bị thiệt hại do lụt bão gây ra.

10/ Các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lý thủy sản), các đơn vị trực thuộc Bộ căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình cùng các cơ quan hữu quan của Bộ và địa phương có nhiệm vụ cụ thể hóa để triển khai hướng dẫn, thực hiện đầy đủ các nội dung trên đây; đồng thời thường xuyên tổ chức kiểm tra việc chấp hành của các chủ phương tiện, ngư dân và thuyền viên đối với việc đảm bảo đầy đủ trang bị an toàn, cứu nạn. Những tàu thuyền và ngư dân không đủ điều kiện an toàn như qui định thì kiên quyết không được để ngư dân và tàu thuyền đi biển.

Giám đốc các Sở, thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc để xảy ra thiệt hại về tài sản, ngư dân, thuyền viên bị chết do thiếu các phương tiện thiết bị an toàn, dụng cụ cứu sinh, cứu nạn.

Giám đốc các Sở Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lý thủy sản), thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, các Vụ, Cục, Thanh tra, Văn Phòng Bộ trong phạm vi trách nhiệm của mình khẩn trương tổ chức thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị này và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo nhiệm vụ được giao khi xảy ra thiệt hại về người và tài sản do thiếu trách nhiệm ở mọi khâu công việc và ở mỗi đơn vị.

Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn của Bộ xây dựng chương trình thực hiện chỉ thị này, phối hợp với Thanh tra Bộ kiểm tra đôn đốc các địa phương, đơn vị thực hiện nghiêm Chỉ thị và thường xuyên báo cáo Bộ trưởng để kịp thời chỉ đạo.



# KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

## 1. Mở đầu

Những năm gần đây đã có nhiều công trình nghiên cứu nhằm rút ngắn thời gian sản xuất nước mắm để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng. Việc rút ngắn thời gian sản xuất có ý nghĩa quan trọng về kinh tế, mở ra triển vọng to lớn trong công nghệ sản xuất nước mắm. Tuy nhiên, nước mắm ngắn ngày có nhược điểm là hương vị kém đặc trưng. Do vậy việc nghiên cứu cải thiện hương thơm đặc trưng cho nước mắm ngắn ngày là vô cùng cần thiết, nhằm hoàn thiện công nghệ sản xuất nước mắm ngắn ngày ở Việt Nam. Trong thời gian qua chúng tôi đã có những nghiên cứu để cải thiện hương cho nước mắm loại này (2). Một trong những nghiên cứu đó là phân lập vi khuẩn gây hương nước mắm từ

chượp cá cơm chín và ứng dụng vào việc cải thiện hương cho nước mắm ngắn ngày. Trong bài này chúng tôi xin trình bày những kết quả bước đầu đạt được.

## 2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Đối tượng

Chượp cá cơm đã chín, có mùi đặc trưng của nước mắm, chúng tôi lấy mẫu cả cái và nước trên bề mặt và trong lòng khối chượp (cách bề mặt 0,4-0,6cm) nghiên cứu phân lập vi khuẩn yếm khí.

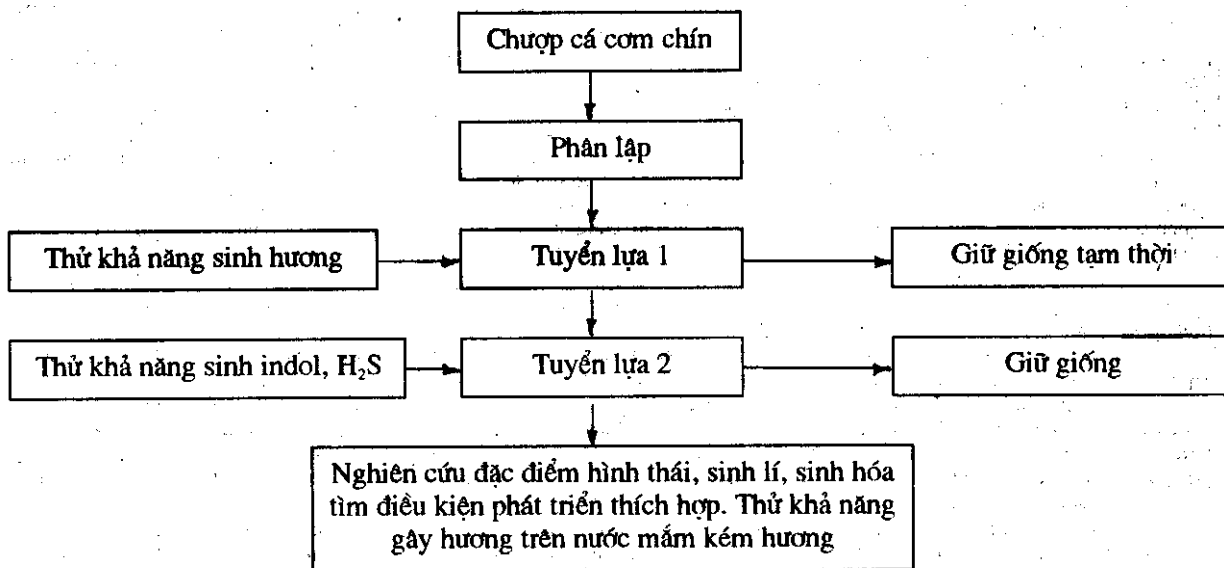
### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nước mắm kém hương được sản xuất theo phương pháp dùng enzyme proteaza của nấm mốc.

Thí nghiệm được bố trí theo sơ đồ sau:

## BƯỚC ĐẦU NGHIÊN CỨU PHÂN LẬP VI KHUẨN gây hương nước mắm từ chượp cá cơm chín

KS. ĐẶNG VĂN HỢP, GSTS. NGUYỄN TRONG CÁN\*



Phân lập vi khuẩn theo phương pháp Robert Koch trên môi trường thạch đặc (1);

Giữ giống vi khuẩn hiếu khí dùng môi trường thạch nghiêng. Giữ giống vi khuẩn yếm khí dùng môi trường Thioglycolate (1);

Phân loại vi khuẩn theo khóa phân loại của Bergey (1);

Xác định khả năng phát triển của vi khuẩn bằng phương pháp đo độ đục (1);

\* Trường đại học Thủy sản

Xác định khả năng gây hương nước mắm bằng phương pháp cảm quan - xác định điểm đầu mùi (2).

### 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

#### 3.1. Phân lập chọn chủng vi khuẩn có khả năng gây hương nước mắm

Để chọn được chủng vi khuẩn có khả năng gây hương nước mắm chúng tôi dựa vào điều kiện sau:

Phải có khả năng sinh hương nước mắm trên môi trường nước cá - pepton;

Không sinh Indol trên môi trường MIL;

Không sinh H<sub>2</sub>S trên môi trường KIA.

Kết quả:

Phân lập mẫu 1 (vi khuẩn hiếu khí) thu được các chủng không thoả mãn điều kiện trên;

Phân lập mẫu 2 (vi khuẩn yếm khí) ở môi trường có nồng độ muối 10% và 15% thu được các chủng cấu khuẩn không thoả mãn điều kiện trên. Còn ở nồng độ muối 0% thì thu được 6

chủng vi khuẩn thoả mãn điều kiện trên đây, do đó chúng tôi chọn 6 chủng này để nghiên cứu tiếp.

#### 3.2. Kết quả nghiên cứu các chủng vi khuẩn gây hương đã chọn













a. Đặc điểm hình thái: Tất cả các khuẩn lạc đều có dạng R, màu trắng sữa, tế bào hình quả, bắt màu Gram (+), có khả năng di động và hình thành nha bào. Bào tử không bắt màu khi nhuộm đơn bằng Ruchin hoặc Tím gentian. Khi nhìn dưới kính hiển vi thấy bào tử không màu nằm trong tế bào bị nhuộm màu.

b. Đặc điểm nuôi cấy: Tốc độ sinh trưởng nhanh, sau 24 giờ đã hình thành khuẩn lạc. Trên môi trường thạch các chủng trên đều mọc riêng rẽ màu trắng sữa. Trên môi trường dịch thể các chủng đều làm đục môi trường.

c. Đặc điểm sinh lí, sinh hóa:

Kết quả được thể hiện như bảng 1 sau đây:

**Bảng 1:** Đặc tính sinh lí - sinh hóa của các chủng vi khuẩn gây hương đã chọn

Màu	1	2	3	4	5	6
Dạng tế bào	Hình que, mập ngắn G <sup>+</sup>	Hình que, mập ngắn G <sup>+</sup>	Hình que, mảnh dài G <sup>+</sup>	Hình que, mập xếp thành chuỗi G <sup>+</sup>	Hình que, mập dài G <sup>+</sup>	Hình que, mảnh dài G <sup>+</sup>
Dạng khuẩn lạc						
Bào tử						
Khả năng sinh hương	+	+	+	+	+	+
Indol	-	-	-	-	-	-
H <sub>2</sub> S	-	-	-	-	-	-
Glucoza	+	+	+	+	+	+
Lactoza	-	-	-	-	-	-
Di động	+	+	+	+	+	+
Catalaza	+	+	+	+	+	+

Về hô hấp: Trong môi trường Thioglucoлатê đều làm đục môi trường. Khi cấy trích sâu trong môi trường MLI thì phát triển khắp môi trường. Ở môi trường thạch dinh dưỡng trên hộp lồng petri trong điều kiện yếm khí và hiếu khí thì chúng vẫn phát triển được.

Vì vậy chúng tôi cho rằng các chủng vi khuẩn trên đây thuộc nhóm yếm khí không bắt buộc.

#### 3.3. Phân loại vi khuẩn gây hương đã phân lập được

Căn cứ vào kết quả nghiên cứu về đặc điểm hình thái, đặc điểm nuôi cấy, sinh lí, sinh hóa của 6 chủng vi khuẩn trên đây, dựa vào khóa phân loại của Bergey chúng tôi đã phân loại các chủng đó thuộc:

Giống: Bacillus

#### 3.4. Kết quả xác định khả năng gây hương của các chủng đã phân lập được

Tiến hành xác định điểm đầu mùi của dịch canh trùng đã gây hương bằng các chủng vi khuẩn trên đây. Kết quả như bảng 2 sau đây:

**Bảng 2:** Điểm đầu mùi của các dịch canh trùng đã gây hương

Chủng số	1	2	3	4	5	6
Giá trị trung bình điểm đầu mùi (x 10 <sup>4</sup> )	4,1	3,3	10,3	3,0	8,7	13,0

Từ kết quả bảng 2 chúng tôi thấy chủng số 2 và chủng số 4 có khả năng gây hương mạnh nhất (điểm đầu mùi thấp nhất) so với các chủng còn lại. Vì vậy chúng tôi chọn 2 chủng này để nghiên cứu tiếp.

3.5. Xác định điều kiện thích hợp để phát triển 2 chủng vi khuẩn gây hương đã chọn.

a. Ảnh hưởng của nhiệt độ

Kết quả như bảng 3 sau đây:

**Bảng 3: Quan hệ giữa số lượng vi khuẩn và nhiệt độ môi trường**

Chủng số	Giá trị trung bình của độ đục				
	30°C	35°C	37°C	40°C	45°C
2	0,69	0,92	0,96	0,89	0,60
4	0,64	0,82	0,90	1,0	0,72

Qua bảng 3 cho thấy: nhiệt độ thích hợp cho sự phát triển đối với chủng số 2 là 37°C, còn chủng số 4 là 40°C. Ở các nhiệt độ trên và dưới nhiệt độ thích hợp đó thì chủng phát triển rất chậm. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế là

khí sản xuất nước mắm ở điều kiện nhiệt độ từ 37°C đến 40°C cho mùi thơm hơn.

b. ảnh hưởng của nồng độ muối

Kết quả như bảng 4 sau đây:

**Bảng 4: Quan hệ giữa số lượng vi khuẩn và nồng độ muối**

Chủng số	Giá trị trung bình của độ đục ở các nồng độ NaCl					
	0,25%	0,75%	1,25%	2,75%	5,25%	7,75%
2	0,95	1,03	0,97	0,58	0,06	0,00
4	0,92	0,87	0,75	0,49	0,02	0,00

Qua bảng 4 cho thấy: 2 chủng vi khuẩn gây hương đã chọn phát triển tốt ở nồng độ muối dưới 2%, chủng số 2 phát triển tốt nhất ở  $C_{NaCl} = 0,75\%$  và chủng số 4 ở  $C_{NaCl} = 0,05\%$ . Như vậy ta thấy vi khuẩn gây hương nước mắm là vi khuẩn không ưa muối. Sở dĩ trong sản xuất nước mắm chúng vẫn tồn tại và gây hương được là do chúng

đã thích nghi dần với điều kiện muối cao. Điều này cho thấy muốn sử dụng vi khuẩn này để gây hương cho nước mắm kém hương cần phải luyện khả năng chịu muối cho chúng.

c. Ảnh hưởng của pH môi trường

Kết quả thí nghiệm như bảng 5 sau đây:

**Bảng 5: Ảnh hưởng của pH đến sự phát triển của 2 chủng vi khuẩn gây hương**

Chủng số	Giá trị trung bình của độ đục ở các giá trị pH				
	pH = 5	pH = 6	pH = 7	pH = 8	pH = 9
2	0,30	0,62	0,95	0,55	0,11
4	0,25	0,52	0,91	0,60	0,17

Qua bảng 5 thấy 2 chủng vi khuẩn gây hương đã chọn đều phát triển tốt ở pH=7, khi pH >7 hoặc pH <7 sẽ kìm hãm sự phát triển. Điều đó chứng tỏ rằng trong môi trường tự nhiên của chúng vi khuẩn gây hương phát triển tốt.

Tóm lại: Điều kiện thích hợp cho 2 chủng vi khuẩn gây hương số 2 và số 4 phát triển là:  $t^{\circ}C = 37^{\circ}C - 40^{\circ}C$ ,  $C_{NaCl} < 2\%$ , pH = 7.

3.6. Luyện khả năng chịu muối cho 2 chủng vi khuẩn đã chọn

Để ứng dụng 2 chủng vi khuẩn đã chọn vào việc cải thiện hương cho nước mắm ngăn

ngày chúng tôi tiến hành luyện khả năng chịu muối của chúng bằng cách cấy truyền vào dịch nước thịt cá + pepton có nồng độ muối tăng dần 1% đến 22%, kết quả cho thấy: 2 chủng này có khả năng quen dần với nồng độ muối cao, nhưng khả năng gây hương của chúng ở nồng độ muối cao rất chậm, cả 2 chủng này có khả năng hoạt động ở nồng độ muối 22%.

3.7. Thử nghiệm khả năng gây hương của 2 chủng vi khuẩn trên nước mắm kém hương

Kết quả như bảng 6 sau đây:

Kết quả như bảng 6 sau đây:

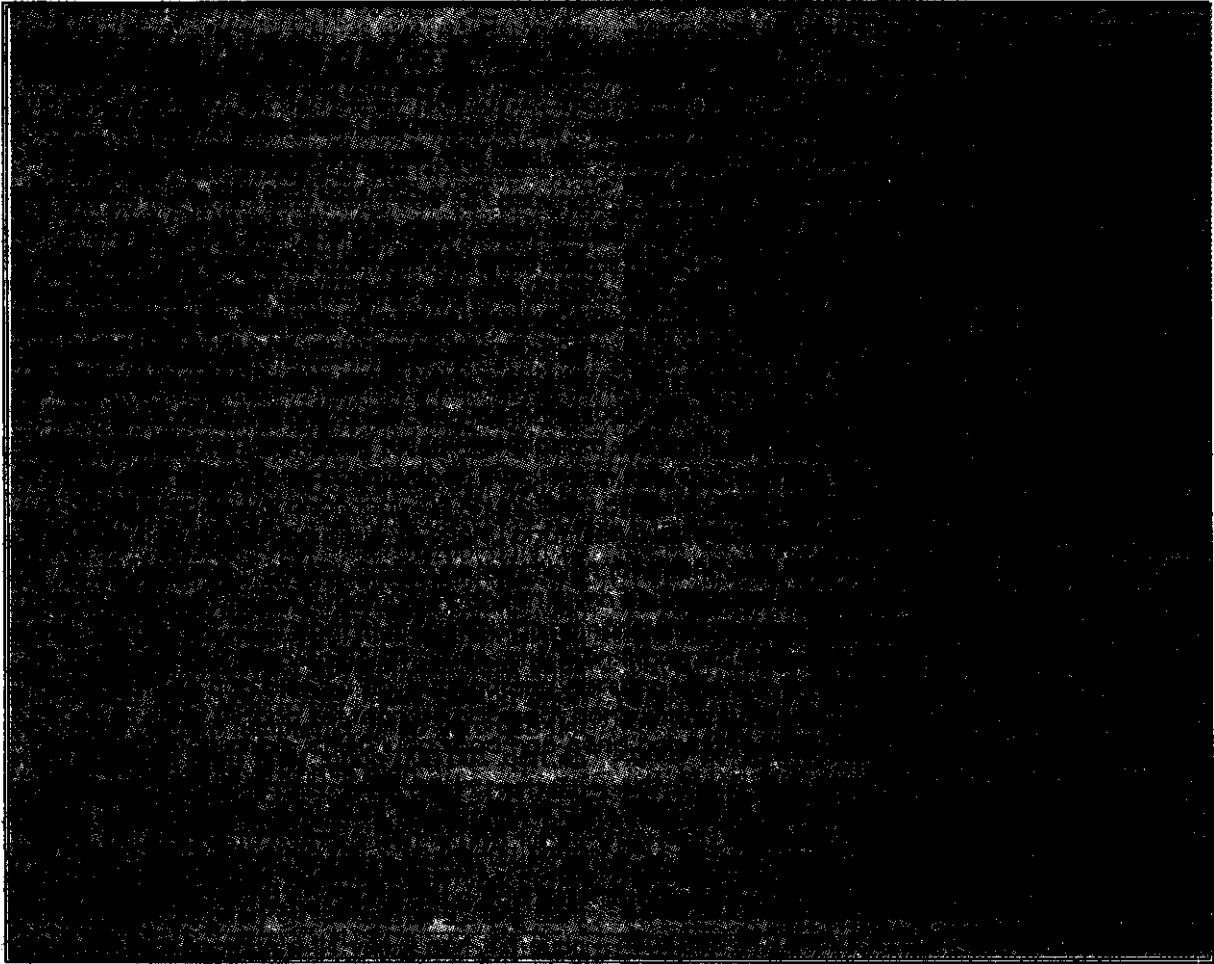
Chủng số	Giá trị trung bình điểm đầu mùi của nước mắm sau khi gây hương		
	1ml dd/200ml n.m	2ml dd/200ml n.m	3ml dd/200ml n.m
2	1,04	0,83	0,73
4	1,20	0,96	0,77
Mẫu đối chứng	3,24		

Qua bảng 6 cho thấy, cường độ mùi thơm của nước mắm tăng lên khi lượng dung dịch vi khuẩn gây hương tăng lên. Chủng số 2 gây hương mạnh hơn chủng số 4 ở cùng nồng độ. Mùi thơm của nước mắm đã được cải thiện hẳn so với mẫu đối chứng.

**Kết luận:** Bước đầu nghiên cứu phân lập vi khuẩn gây hương nước mắm từ chượp cá cơm chín chúng tôi đã:

- Phân lập được 6 chủng có khả năng gây hương nước mắm, trong đó có 2 chủng có khả năng sinh hương mạnh hơn cả. Các chủng này thuộc giống Bacillus. Chúng phát triển tốt ở  $t^{\circ}\text{C} = 37^{\circ}\text{C} - 40^{\circ}\text{C}$ ,  $\text{pH} = 7$  và  $\text{C}_{\text{NaCl}} < 2\%$ .

- Luyện khả năng chịu muối của 2 chủng này rồi cấy lên nước mắm kém hương thì có tác dụng cải thiện hương rất rõ so với mẫu đối chứng. Điều đó mở ra triển vọng lớn để áp dụng trong công nghệ sản xuất nước mắm ■.

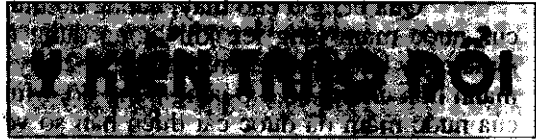


## SUMMARY

INITIAL STEP ON RESEARCHING TO SORT BACTERIAS THAT PRODUCE FISHI - SAUCE FLAVOUR FROM LONG - JAWED ANCHOVY BRINED FISH

Dang Van Hop, Nguyen Trong Can

The using proteaza enzyme is big meaning to cut short time in fishi -sauce processing. However the flavour of fishi - sauce is not specific. To improve flavour for this fishi - sauce and also to undurstand essence of flavour producing of fishi - sauce we began to reseach to sort bacterias that produce fishi - sauce flavour from long - jawed anchovy brined fish and use them.



# Thuế, lệ phí cho khai thác hải sản ĐÔI ĐIỀU CẦN NÓI

**T**huế là công cụ để điều tiết nền kinh tế, đồng thời là nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Đối với nghề cá, tính từ khâu đầu là sản xuất tạo ra nguyên liệu đến sản phẩm cuối cùng phục vụ cho tiêu dùng hoặc xuất khẩu, thông thường chịu các loại thuế: môn bài, tài nguyên, doanh thu, lợi tức, thu trên vốn, thuế sử dụng ruộng đất (cho nuôi trồng thủy sản) và nhiều loại lệ phí như: trước bạ, đăng kiểm tàu cá, giấy phép đăng kí tàu thuyền, giấy phép hoạt động nghề cá, giấy di chuyển ngư trường, bến bãi. Ngoài ra ngư dân còn phải nộp nhiều khoản khác như tham gia bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm nhân mạng,...

Do khuôn khổ, bài viết này chúng tôi chỉ đề cập đến thuế, lệ phí cho khai thác hải sản.

Để phù hợp với thực tiễn và khuyến khích sản xuất phát triển, thuế, lệ phí đối với nghề cá Nhà nước đã có nhiều sửa đổi tích cực. Về Luật thuế Tài nguyên, khung thuế suất từ 2 - 7%, Nghị định của Chính phủ, Thông tư 30 BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn thống nhất thuế suất là 4% với khai thác hải sản và 3% với khai thác cá sông, ngoài ra ngư dân còn phải nộp thuế doanh thu 2%, thuế lợi tức khoán 1% doanh thu. Cộng cả 3 sắc thuế ( tài nguyên, doanh thu, lợi tức ) là 7%. Thuế doanh thu đã giảm thuế suất cho các sản phẩm chủ yếu: nước đá cho bảo quản hải sản ( khai thác và chế biến ) từ 6% xuống 2%, sản xuất nước mắm từ 6% xuống còn 3%, lưới đánh cá từ 4% xuống còn 1%. Lệ phí trước bạ từ 4% xuống còn 2%...

Đối với khai thác hải sản xa bờ, năm 1993 tại Quyết định 400TTg Chính phủ đã cho miễn thuế tài nguyên, doanh thu, lợi tức 3 năm đầu. Và gần đây, ngày 29/5/1997 Chính phủ đã ban hành Quyết định 358 TTg cho tàu thuyền khai thác hải sản xa bờ được giảm 50% thuế tài nguyên và thuế doanh thu phải nộp trong 3 năm đầu, được miễn nộp thuế lợi tức trong 3 năm đầu

kể từ khi có lợi tức chịu thuế. Về lệ phí trước bạ chỉ phải nộp 1% trên giá trị tài sản.

Tuy nhiên, trong chính sách về thuế, lệ phí hiện nay vẫn còn một số vấn đề cần đặt ra.

Nông dân khai thác mặt đất để gieo trồng chỉ có nghĩa vụ nộp một loại thuế - thuế sử dụng đất nông nghiệp, ngư dân khai thác mặt nước để đánh bắt hải sản tương ứng như nông dân phải nộp thuế tài nguyên đó là lẽ công bằng. Nhưng ngư dân ngoài nghĩa vụ nộp thuế tài nguyên còn phải thực hiện thêm một số sắc thuế: môn bài, doanh thu, lợi tức. Việc quy định thuế môn bài cho khai thác hải sản là coi ngư dân vừa là nông dân, vừa là thương nhân. Đây là bất hợp lí thứ nhất.

Do phải chịu nhiều loại thuế, nên tỉ lệ nộp thuế của ngư dân là rất lớn. Lấy ví dụ, tại xã Phú Hải, Phan Thiết, Bình Thuận. Theo báo cáo của UBND xã ngày 3/1/1998, toàn xã có 70% số dân sống bằng ngư nghiệp, 30% số dân sống bằng nông nghiệp. Năm 1997, tổng thuế nghề cá đã thu 630 triệu đồng, bình quân mỗi lao động nghề cá nộp 700.000 đồng; tổng thuế sử dụng ruộng đất thu 12 triệu đồng, bình quân một hộ nông dân nộp 62.500 đồng. Nếu tính bình quân một hộ nông nghiệp có 2 lao động, thì trong năm 1997 tại xã này một lao động đánh bắt hải sản nộp thuế gấp 22 lần so với hộ nông nghiệp. Để khắc phục bất hợp lí này Nhà nước cần bỏ thuế môn bài và để khoan sức dân, các sắc thuế còn lại (tài nguyên, doanh thu, lợi tức) gộp chung lại với mức 4% là phù hợp với sản xuất nghề cá.

Về lệ phí, với lệ phí trước bạ, tàu thuyền đánh cá là tư liệu sản xuất, mặc dù Nhà nước đã hạ mức thu như phần trên đã nêu nhưng thu như vậy còn quá cao, chưa khuyến khích ngư dân đầu tư cho sản xuất. Cần có chính sách thu với tỉ lệ thấp để đủ chi phí cho việc làm lệ phí trước bạ đúng với tính chất là lệ phí. Thêm vào đó với mức thu này cũng không tạo nên được sự khuyến

khích mạnh để ngư dân nhanh chóng bỏ nghề lạc hậu, nghề phá hoại nguồn lợi thủy sản để đổi mới phương tiện có năng suất cao, sản xuất bền vững.

Ví dụ, sắm một tàu đánh cá công suất 33 - 45CV hết 500 - 600 triệu đồng, lắp máy 90CV hết 1 - 1,2 tỉ đồng, lắp máy 140CV hết 1,5 - 1,7 tỉ đồng. Ngư dân ta hiện nay còn nghèo, muốn sắm tàu phải đi vay. Với những giá đó, mỗi lần thay đổi phương tiện phải nộp 2% lệ phí trước bạ (tàu khai thác hải sản xa bờ nộp 1%) quả là số tiền không nhỏ, cao hơn cả tiền lãi vay ngân hàng để sắm các phương tiện đó (lãi suất vay đóng tàu khai thác hải sản xa bờ hiện tại chỉ có 0,81%).

Trong những năm gần đây Nhà nước thực hiện chế độ thu lệ phí giao thông của các phương tiện cơ giới sử dụng đường bộ qua giá xăng dầu. Riêng trong năm 1997, trong mỗi lít dầu chứa 300 đồng lệ phí đường bộ. Đây chính là chính sách nhằm tạo nguồn thu để xây dựng cơ sở hạ tầng đường bộ, nhưng chính sách này lại áp dụng cho khai thác hải sản, nghề mà không liên quan gì đến đường bộ. Điều vô lý hơn phí xăng dầu còn cao hơn cả thuế.

Ví dụ, một đôi tàu đánh cá lưới kéo có công suất 66 CV ở Bình Thuận mỗi năm phải nộp khoảng 17 triệu đồng tiền thuế. Chi phí đánh cá một chuyến biển cần trung bình 6.500 lít dầu đi ê zen và 600 lít dầu nhớt, với số nhiên liệu tiêu thụ trên, lệ phí giao thông qua giá dầu hết 1,95 triệu đồng. Mỗi năm trung bình đi 10 chuyến biển, tổng

lệ phí giao thông qua giá dầu hết 19,5 triệu đồng, gấp 1,17 lần tổng các sắc thuế tài nguyên, lợi tức, môn bài mà ngư dân phải nộp. Đây thực sự lại là điều vô lý. Thêm nữa mới đây Nhà nước lại tính phụ thu nhập khẩu xăng 15%, dầu 18%, nếu tính sản lượng bình quân của một chuyến biển của đôi tàu trên khoảng 5 tấn cá, như vậy cứ mỗi kg cá phải nộp phí giao thông qua giá dầu cộng với phụ thu nhập khẩu xăng dầu tới gần 1000 đồng, chiếm trên 13% trong tổng chi phí sản xuất, trong khi đó giá cá đầu ra không tăng do vậy hiệu quả sản xuất ngày càng thấp. Đây là điều bất hợp lý thứ ba. Đề nghị Nhà nước bãi bỏ thu lệ phí giao thông cho tàu thuyền đánh cá; còn muốn khỏi thất thu khi người đánh cá sử dụng xăng dầu vào mục đích khác thì Nhà nước thoái thu trên sản lượng cá đánh bắt được cho từng loại nghề.

Chúng ta được biết, như nhiều nước trên thế giới xếp nghề đánh bắt cá biển vào loại nghề đặc biệt nặng nhọc, độc hại - ngang với lao động khai thác hầm lò, xuất đầu tư lớn và lại chịu nhiều rủi ro. Với Việt Nam có vùng biển rộng lớn, gấp 3 lần đất liền, có nguồn hải sản phong phú, là nguồn cung cấp thực phẩm lớn cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu, thêm vào đó hoạt động khai thác hải sản còn góp phần bảo vệ vùng biển thiêng liêng của Tổ quốc. Để góp phần thúc đẩy nghề cá phát triển, xây dựng ngành thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước, bà con ngư dân mong Nhà nước sớm nghiên cứu cho sửa đổi những bất hợp lý nêu trên ■

TRUNG TUẤN

## TIÊU CHUẨN NGÀNH MỚI BAN HÀNH

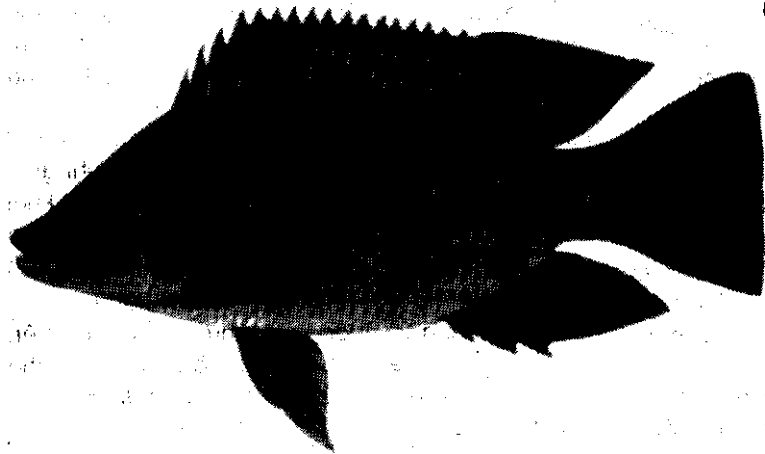
Tại Quyết định số 129/1998/QĐ-BTS ngày 19/3/1998 Bộ Thủy sản đã ban hành 9 tiêu chuẩn ngành:

TT	TÊN QUI TRÌNH	MÃ SỐ
1	Rong biển-Giống rong cầu chỉ vàng-Yêu cầu kĩ thuật	28TCN 108/1998
2	Quy trình sản xuất giống rong cầu chỉ vàng	28TCN 109/1998
3	Quy trình công nghệ nuôi tôm sú, tôm he bán thâm canh	28TCN 110/1998
4	Quy trình phòng bệnh cho cá nước ngọt nuôi lồng, bè	28TCN 111/1998
5	Quy trình nuôi cá cam bằng lồng, bè trên biển	28TCN 112/1998
6	Quy trình kĩ thuật sản xuất ba ba giống	28TCN 113/1998
7	Quy trình nuôi ba ba thương phẩm	28TCN 114/1998
8	Lưới rê 3 lớp khai thác mực nang-thông số và kích thước cơ bản	28TCN 115/1998
9	Lưới rê 3 lớp khai thác mực nang-kĩ thuật đánh bắt	28TCN 116/1998



# Cá rô phi

## sản xuất và thương mại trên thế giới



**S**o với các loài cá khác, rô phi được nuôi từ rất sớm (các bức khắc trên đá trong Kim Tự Tháp - Ai Cập cho thấy cá rô phi đã là vật nuôi thời bấy giờ), tuy vậy chỉ mới khoảng thập kỉ gần đây lĩnh vực này mới thực sự phát triển mạnh mẽ trở thành ngành nuôi công nghiệp cho sản lượng thương phẩm lớn và đạt hiệu quả cao.

**Sản lượng cá nuôi tăng nhanh, chất lượng sản phẩm được nâng cao rõ rệt**

*Tỉ trọng sản lượng cá nuôi và mức tăng giảm 1995 so với 1986*

Tên loài	% trong sản lượng cá nuôi	Mức tăng (+), giảm (-)
<i>O. niloticus</i>	72%	(+) 430%
<i>O. tilapia spp</i>	18%	(-) 9,3%
<i>O. mossambicus</i>	8%	(+) 311%

Chỉ ba loài trên đã chiếm tới 98% sản lượng cá rô phi nuôi hiện nay. Riêng rô phi gốc sông Nil (Ai Cập) chiếm tỉ lệ áp đảo 72% sản lượng rô phi nuôi thế giới và được coi là đối tượng nuôi đầy triển vọng. Sau 10 năm nói trên sản lượng nuôi của loài *O. niloticus* có mức tăng trưởng 430% (là mức tăng cao nhất trong các loài cá nuôi hiện nay).

Điều đáng chú ý là mức tăng nhanh về sản lượng cá nuôi đi kèm với chất lượng sản phẩm cá thương phẩm nuôi cũng được nâng cao không ngừng để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Chỉ sau một thời gian ngắn, quan niệm của người tiêu dùng về cá rô phi nuôi đã có những thay

Theo công bố mới đây của FAO sản lượng cá rô phi nuôi tăng rất nhanh trong thập kỉ qua từ 253 nghìn tấn, năm 1986 lên 410 nghìn tấn, năm 1990 và 659 nghìn tấn, năm 1995 (sau 10 năm mức tăng là 260%). Nếu như đầu thập kỉ 80 sản lượng cá nuôi mới chiếm 25% thì tới đầu thập kỉ 90 đã cân bằng với sản lượng cá khai thác tự nhiên, rồi sau đó tới năm 1995 đã chiếm 60% tổng sản lượng cá rô phi.

Có nhiều loài cá rô phi được nuôi (theo công bố của FAO hiện có 14 loài), tuy nhiên chỉ có ít loài cho sản lượng lớn và có ý nghĩa thương mại quan trọng, cụ thể là:

đổi cơ bản. Trước đây cá rô phi chỉ được xếp vào hàng cá "bình dân" thì nay được đánh giá cao, có nhu cầu tăng nhanh trên thị trường thế giới, thậm chí ở một số nước còn xếp vào hàng "đặc thủy sản". Sản phẩm cá rô phi nuôi thương phẩm ngày nay ngoài phẩm chất đặc biệt là thịt thơm ngon còn có khối lượng lớn, kích cỡ đồng đều, màu sắc hấp dẫn, được nuôi trong môi trường nước sạch, thức ăn tinh... nên được người tiêu dùng ưa chuộng. Theo đánh giá của FAO giá trị cá rô phi nuôi thương phẩm (tính bằng USD/tấn nguyên liệu tươi) tăng lên rất nhanh so với các loài cá truyền thống khác, cụ thể là:

Cá nuôi	Giá trị sản lượng cá nuôi thương phẩm, USD/kg	
	1986	1995
Cá rô phi	1,03	1,40
Cá chép	1,52	1,24
Cá trắm cỏ	1,27	0,87
Cá trắm đen	1,75	1,65
Cá mè trắng	1,07	0,93
Cá mrigal	0,80	0,90
Cá catla	0,70	0,90

Như vậy là hiện nay, trong các loài cá nuôi truyền thống, cá rô phi được đánh giá cao hơn cá chép và bỏ xa các loài truyền thống khác như mè, trôi, trắm cỏ về giá trị. Đây thực sự là điều rất đáng mừng báo hiệu tương lai phát triển mạnh mẽ cho nghề nuôi cá rô phi.

#### Khu vực nuôi cá tập trung, các nước có sản lượng cá nuôi lớn không nhiều

Có nguồn gốc từ châu Phi và do đặc điểm sinh vật học của mình nên cá rô phi đã lan rộng ra hầu khắp các châu lục và được nuôi ở rất nhiều quốc gia. Tuy vậy hiện nay cá rô phi chỉ được nuôi tập trung ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á. Đây thực sự là quê hương thứ hai của cá rô phi và đang cung cấp tới 83% sản lượng cá rô phi nuôi của thế giới. Tại khu vực này cá rô phi cũng chỉ được nuôi tập trung vào một số nước, lãnh thổ dưới đây:

**Trung Quốc:** Khi mới bước vào thời kỳ cải cách và mở cửa, sản lượng cá rô phi nuôi của Trung Quốc chỉ tính tới con số nghìn tấn. Thế rồi sau 10 năm sản lượng vọt lên tới 106 nghìn tấn (1990) vượt lên dẫn đầu thế giới. Từ bấy đến nay vị trí "siêu cường về cá rô phi" càng được củng cố với mức tăng sản lượng rất cao, năm 1992-157 nghìn tấn, năm 1993-191 nghìn tấn, năm 1994 - 235 nghìn tấn và năm 1995 - 314 nghìn tấn, chiếm 48% sản lượng cá rô phi trên thế giới. Lại trong lĩnh vực nuôi cá rô phi Trung Quốc sẽ không có đối thủ. Đặc điểm chính trong nuôi cá rô phi của Trung Quốc chỉ nuôi một loài *O. niloticus* và chỉ nuôi trong nước ngọt, tuy phương thức nuôi rất đa dạng như nuôi ghép, nuôi đơn, nuôi trong ao, trong hồ, trong ruộng lúa, trong lồng. Đi đôi với việc tăng nhanh sản lượng, về chất lượng sản phẩm và tuyên truyền quảng cáo cũng được đặc biệt chú ý. Chỉ sau thời gian ngắn, thiện cảm của người tiêu dùng ở Trung Quốc đã chuyển từ các loài cá nuôi khác sang cá rô phi. Hiện nay cá rô phi được xếp vào hàng "cá được ưa chuộng" nhất.

**Philippin:** Trước khi bị Trung Quốc đuổi kịp và bỏ xa, Philippin đã từng đứng đầu thế giới về nuôi cá rô phi. Cá rô phi có vị trí đặc biệt trong nghề

cá của quốc gia này. Về ý nghĩa kinh tế, rô phi là đối tượng nuôi đứng thứ ba sau cá măng biển và tôm sú, còn về sản lượng thì đứng thứ hai trong 3 loài cá nuôi trên. Ngày từ năm 1990 "Chương trình quốc gia về nuôi cá rô phi" đã được triển khai. Tới năm 1992 đạt sản lượng cao nhất là 93 nghìn tấn, đứng thứ hai thế giới. Đến năm 1995 sản lượng giảm xuống còn 80 nghìn tấn. Philippin có nhiều đóng góp quan trọng cho nghề nuôi cá rô phi ở khu vực và thế giới. Tại đây nhiều dòng rô phi phẩm chất cao được tạo ra. Các mô hình nuôi công nghiệp được thực hiện từ lâu. Nuôi cá rô phi trong ao, đầm, trong lồng ở nước lợ rất phát triển. Kỹ thuật nuôi luân canh, nuôi ghép với nhiều loài hải sản khác cho kết quả khả quan. Sản phẩm rô phi nuôi vừa phục vụ thị trường trong nước vừa xuất khẩu. Xuất khẩu cá rô phi sống làm cá cảnh sang Nhật Bản và Mỹ cũng đạt kết quả tốt.

Những thành tựu và kinh nghiệm nuôi cá rô phi của Philippin rất đáng để tham khảo, nghiên cứu và học tập.

**Indônêxia:** Nghề nuôi cá rô phi phát triển rất nhanh và đạt kết quả cao. Sản lượng cá nuôi tăng từ 10 nghìn tấn, đầu thập kỷ 80 lên 20 nghìn tấn năm 1986 và lên 65 nghìn tấn, năm 1995 đứng hàng thứ ba thế giới. Cá rô phi là đối tượng nuôi quan trọng thứ tư sau tôm sú, cá măng biển và cá chép. Điều đặc biệt là Indônêxia chỉ chọn nuôi chủ yếu loài *O. mossambicus* chiếm 85% sản lượng cá rô phi nuôi ở quốc gia này và chiếm 90% sản lượng nuôi loài cá này của thế giới. Một nửa sản lượng nuôi trong nước lợ. Hình thức nuôi rất phong phú như nuôi ghép, luân canh trong ao nuôi tôm sú, nuôi trong lồng.

Kinh nghiệm và sự thành công về nuôi rô phi *O. mosambicus* của Indônêxia rất đáng được trân trọng bởi lẽ loài cá này đã vào nước ta từ rất sớm (có tài liệu nói từ năm 1950). Thế nhưng năm tháng qua đi, loài cá quý này cứ mai một đi rồi bị lãng quên.

**Đài Loan:** Cá rô phi chiếm vị trí quan trọng trong nghề nuôi trồng thủy sản của Đài Loan. Mục tiêu chính là xuất khẩu nên họ tạo ra đủ các mặt



hàng như cá bố mẹ, cá giống, cá thương phẩm, công nghệ nuôi trình độ cao, thức ăn tinh cho cá... Sản lượng cá rô phi nuôi đạt kỉ lục là 57 nghìn tấn, năm 1993 và giảm xuống còn 46 nghìn tấn, năm 1995. Do mục tiêu xuất khẩu là chính nên mặt hàng rô phi của họ có chất lượng rất cao và giá bán lại rất "mềm". Chính vì vậy mà sản phẩm rô phi đông nguyên con, sống, file của họ chiếm lĩnh được các thị trường quan trọng. Đài Loan mở rộng liên doanh liên kết về nuôi cá rô phi theo phương pháp công nghiệp với nhiều nước trên thế giới.

**Thái Lan:** Cá rô phi nuôi cho sản lượng lớn nhất trong các loài cá nuôi của Thái Lan, với mức cao nhất là 60 nghìn tấn, năm 1994 rồi lại giảm nhanh xuống còn 30 nghìn tấn, năm 1995. Loài *O. niloticus* chiếm 90% sản lượng cá và là mặt hàng xuất khẩu có tiếng. Nuôi cá rô phi đã thành lĩnh vực sản xuất công nghiệp đạt hiệu quả cao.

Ngoài các nước nói trên, các nước có sản lượng cá nuôi từ 10-20 nghìn tấn/năm còn phải kể đến Ai Cập, Mô Dâm Bich, Cu Ba. Các nước có sản lượng từ 5-10 nghìn tấn/năm là Mĩ, Coxta Rica, Êcuado, Ixraen, Sanvado, Giamaica...

Rất tiếc là đến nay chưa có số liệu thống kê tin cậy về sản lượng cá rô phi nuôi của chúng ta. Có tài liệu ước chừng khoảng 15 nghìn tấn/năm, chủ yếu ở miền Nam. Dù con số thực tế có cao hơn nữa thì chúng ta vẫn phải thừa nhận một điều là không chỉ về sản lượng cá nuôi mà còn về công nghệ nuôi, về chất lượng sản phẩm nuôi, giá thành và về thương mại các sản phẩm cá rô phi nuôi của chúng ta còn khoảng cách khá xa so với các nước nói trên, mặc dù cá rô phi đã có lịch sử ở Việt Nam có khi còn lâu hơn một số nước nói trên.

### Thị trường các sản phẩm cá rô phi nuôi đang mở rộng

Nếu như trước đây cá rô phi nuôi chủ yếu để phục vụ nhu cầu tại chỗ và trong nước thì gần đây đã trở thành mặt hàng xuất khẩu có giá trị.

Thị trường cá rô phi lớn nhất hiện nay là Trung Quốc. Đã sản xuất gần một nửa sản lượng cá rô phi nuôi của thế giới nhưng chủ yếu phục vụ cho nhu cầu trong nước, tuy vậy họ vẫn phải nhập khẩu thêm cá rô phi đông nguyên con của Đài Loan. Người tiêu dùng ở Trung Quốc đang ưa chuộng cá rô phi nuôi, đến mức mà khi vạch ra kế hoạch phát triển nuôi cá nước ngọt tới năm 2010 họ xếp rô phi *O. niloticus* là một trong 4 loài cá được ưu tiên phát triển hàng đầu (cùng với cá hồi nước ngọt, cá chim nước ngọt và cá chép). Các nhận định đều cho rằng

đây là thị trường đầy triển vọng cho các sản phẩm cá rô phi nuôi.

Thị trường cá rô phi nuôi ở Mĩ cũng rất sôi động. Mặc dù đã tăng rất nhanh sản lượng cá nuôi trong nước từ 2.268 tấn, năm 1991 lên 7.242 tấn, năm 1996 nhưng Mĩ vẫn phải nhập khẩu tới 25 nghìn tấn, năm 1995, rồi 28 nghìn tấn, năm 1996 và 33 nghìn tấn, năm 1997. Như vậy Mĩ là nước nhập khẩu cá rô phi nuôi lớn nhất thế giới. Cá rô phi nuôi nhập khẩu vào Mĩ đứng hàng thứ ba trong các sản phẩm nuôi trồng chỉ sau tôm biển nuôi và cá hồi nuôi, sản phẩm chủ yếu là rô phi đông nguyên con từ Đài Loan (22 nghìn tấn năm 1996), rô phi file ướp lạnh từ Giamaica, Côlômbia, Coxta Rica và Êcuado.

"Hội nuôi cá rô phi" của Mĩ là tổ chức có tín nhiệm, hội kéo được đông đảo các nhà khoa học, các chủ trang trại, các nhà kinh doanh tham gia. Cuối năm ngoái họ đã phối hợp với ICLAM, "Hội nuôi cá bang Florida" tổ chức "Diễn đàn quốc tế lần thứ 4 về nuôi cá rô phi" (ISTA) ở ngay "Thế giới Disney" bang Florida. Như vậy thị trường cá rô phi nuôi ở Mĩ sẽ còn đầy triển vọng.

Thị trường cá rô phi nuôi đang mở rộng ở Nhật Bản, nhưng sản phẩm được ưa chuộng lại là cá rô phi sống vận tải bằng hàng không từ Đài Loan, Philippin... để phục vụ cho chế biến món shashimi truyền thống.

Ngoài ra thị trường rô phi file đông cũng đang tiến triển ở Ixraen, Pháp và Tây Ban Nha.

Điều rất đáng mừng là gần đây một số cơ sở ở Nam Bộ đã mạnh dạn phát triển nuôi các dòng rô phi có phẩm chất tốt theo phương pháp công nghiệp. Sản phẩm rô phi nuôi có chất lượng cao đã có bán trên thị trường và đã xuất khẩu sang một số nước. Có cơ sở còn nhập khẩu cá rô phi đông nguyên liệu từ Đài Loan vào để tái chế biến xuất khẩu vì cá nhập có khối lượng lớn, cỡ đồng đều và giá lại "mềm".

Tuy nhiên cá rô phi ở nước ta phục vụ cho nhiều đối tượng người tiêu dùng. Vì vậy sản phẩm cá thương mại cũng phải rất đa dạng về chất lượng, kích cỡ và đặc biệt là về giá cả. Những sản phẩm rô phi nuôi có chất lượng cao chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu, cho các khách sạn và cho người có mức sống khá chủ yếu ở các đô thị lớn. Quảng đại người lao động chỉ cần sản phẩm cá rô phi trung bình có giá cả phù hợp. Hi vọng rằng cá rô phi nuôi sẽ lấy lại được thiện cảm của người tiêu dùng trong nước và có sức cạnh tranh cao trên thị trường thế giới ■

P.T

# Chuyện kể về nguyên nhân một số vụ đắm tàu

LTS: Thực hiện chủ trương đánh bắt hải sản xa bờ, nhiều tàu thuyền có công suất lớn đang được đóng lắp, cải hoán. Tàu thuyền là công trình kỹ thuật phức tạp, nếu muốn an toàn phải tuân thủ những yêu cầu kỹ thuật nếu không sẽ trả giá.

Một số mẫu chuyện trong bài viết này là những lời cảnh báo cho những ai không thực hiện đúng, đủ các yêu cầu kỹ thuật.

**C**hình phục biển cả là ước mơ bao đời của con người. Với trí sáng tạo và sức lao động con người đã từng bước bắt biển cả hung dữ khuất phục. Ngày nay khoa học kỹ thuật đã tiến được những bước dài, các con tàu ngày càng hiện đại nhưng vẫn còn không ít những con tàu bị nhấn chìm. Vậy do đâu xảy ra đắm tàu? Có phải tất cả do thiên nhiên gây ra hay không? Chúng ta hãy cùng nhau ngược dòng thời gian đi tìm lại một vài vụ đắm tàu từ những thế kỷ trước.

Thế kỷ XVII, Vương quốc Thụy Điển do Hoàng đế Gustaf Adolf II trị vì có một hạm đội tàu biển rất hùng mạnh so với các quốc gia trong khu vực nhưng tất cả các con tàu đó chưa làm vừa lòng Hoàng đế, vì vậy ông ta quyết định đóng kì hạm Vaza mang tên dòng họ của ông. Ông ta muốn đây là con tàu có hoá lực mạnh nhất, chạy nhanh nhất, lộng lẫy nhất và mọi kẻ thù khi đương đầu với nó đều phải khiếp sợ. Tất cả những thợ đóng tàu giỏi nhất, những rừng gỗ sồi tốt nhất đều được phục vụ cho việc đóng tàu. Công việc tiến hành suôn sẻ, đến cuối năm 1627 con tàu

được hạ thủy và tiếp tục được hoàn tất. Ngày đi thử chuyến biển đầu tiên đã đến, đó là ngày 10/8/1628. Hôm đó thủ đô của Thụy Điển như ngày hội, dân chúng nô nức kéo nhau ra bến cảng để tiễn chiếc kì hạm nổi tiếng của Hoàng đế đi chuyến đầu tiên. Hoàng đế và các cận thân bước trên các tấm thảm xuống xem xét con tàu trước khi nó đi thử trong tiếng nhạc hùng tráng và tiếng tung hô của dân chúng. Sau khi rời tàu, Hoàng đế đã hạ lệnh xuất phát. Neo và dây buồm được kéo lên, tàu từ từ tách bến hướng mũi ra khơi, các đại bác trên tàu bắn hai loạt để chào, các đại bác trên bờ cũng bắn mấy loạt đáp lễ. Khói súng phủ kín con tàu và tiếng hô Vaza vang khắp một vùng. Nhưng chỉ một lát sau khi khói súng tan đi, tất cả lặng đi vì cảnh tượng hãi hùng đập vào mắt họ. Vaza bị nghiêng và đập các cột buồm xuống nước, ít phút sau nơi đó chỉ còn mấy cột buồm giương lên. Thế là ngay từ những phút đầu của chuyến đi đầu tiên, kì hạm Vaza đã "hành trình" thẳng xuống đáy biển. Vậy đâu là nguyên nhân của tai nạn khủng khiếp này? Chúng ta hãy cùng đi tìm vài nét

về con tàu: nó được đích thân Hoàng đế duyệt kích thước: dài 51,2m, rộng 12 m, cao 14 m ba boong liên tục. Về vũ khí, Hoàng đế cho đặt 64 khẩu đại bác (gấp đôi số đại bác của một chiến thuyền của Thụy Điển thời đó) trọng lượng khoảng 80 tấn được bố trí làm ba hàng trên các tầng boong. Để tăng tốc độ, Hoàng đế cho đặt các cột buồm cao bằng các toà nhà hàng chục tầng. Để tỏ rõ sự oai phong, các thượng tầng mũi và đuôi làm cao hàng chục mét với trạm trở hết sức cầu kì, riêng con sư tử há mõm trong tư thế chuẩn bị nhảy ở mũi tàu cũng cao tới 4m. Ngày đó, tuy chưa có cơ sở tính toán lí thuyết nhưng với kinh nghiệm nghề nghiệp những người thợ đóng tàu thấy rằng để thoả mãn các yêu cầu trên của Hoàng đế thì con tàu phải tăng chiều rộng thêm 2 m nữa nhưng Hoàng đế không chấp nhận. Tất cả những ý đồ phi kỹ thuật cộng thêm tính bảo thủ của Hoàng đế đã đẩy trọng tâm tàu lên quá cao, giết chết tính ổn định của con tàu và đó là nguyên nhân gây ra tai nạn. Vaza chìm đem theo hơn 400 người trong đó có 30 quan chức triều đình và cả tham vọng của Hoàng đế xuống đáy biển.

Hơn 200 năm sau lịch sử lại lặp lại một lần nữa, lần này ở Anh. Vào một ngày trong tháng 9/1870 đô đốc Mine nhận được lệnh dẫn hạm đội gồm 11 tàu chiến trong đó có thiết giáp hạm Captain lần đầu đi tập trận trên biển tại mũi Philipqtes, tây bắc Tây Ban Nha. Hôm đó thời tiết tốt, cuộc hành quân diễn ra suôn sẻ. Đêm xuống, sóng gió nổi

lên, các tàu được lệnh hạ bớt buồm để tránh nguy hiểm. Gân sáng, sóng gió dịu, đồ đốc Mine nhận được tin : không thấy Captain trong đội hình. Chẳng nhẽ với một con tàu mới, cộng với thuyền trưởng và thủy thủ đoàn dày dặn kinh nghiệm đi biển biển của hạm đội Anh mà mới qua sóng gió trong một đêm như vậy đã lạc đường? Tất cả bỏ đi tìm, khi gặp được các mảnh ván vỡ nổi trên mặt nước và một chiếc xuồng chở 13 người sống sót thì mọi người đã hiểu. Đồ đốc Mine bỏ dở cuộc tập trận quay về. Đến đây không ít người đặt câu hỏi: con tàu xấu số này ra đời từ đâu? Xin thưa rằng nó là một thiết giáp hạm được cải hoán từ tàu chiến Monarch của hạm đội Anh. Đồ đốc Kohns là cha đẻ con tàu này. Để tăng hỏa lực ông ta cho đặt thêm pháo hạng nặng lên tàu. Để tránh tổn thất khi trúng đạn ông cho bọc thép, để tăng tốc độ ông cho tăng chiều cao cột buồm và hàng nghìn mét vuông buồm được chất lên và thêm nữa để tránh đạn, ông quyết định hạ thấp mạn khô xuống còn 2m trong khi các tàu cùng loại mạn khô là 7m. Tất cả các ý đồ trên nghe qua đều hợp lý nhưng đã vấp phải sự phản đối quyết liệt của kỹ sư trưởng hạm đội Reed. Nói bằng lời không được Reed đã tính toán và vẽ ra đồ thị. Đồ thị đã chỉ ra rằng: ở góc nghiêng 20° cánh tay đòn ổn định của Captain còn 0,8m; thế mà con tàu Monarch (chưa cải hoán) khi nghiêng ở góc nghiêng 40° cánh tay đòn ổn định vẫn là 2m. Đây là đồ thị

của ngành đóng tàu trên thế giới (Sau này người ta đã lấy tên ông đặt cho đường cong này). Có thể nói rằng lẽ phải đã được trình bày đơn giản và thuyết phục nhất nhưng vẫn không được đồ đốc Kohns chấp thuận. Và theo ý đồ đã vạch ra người ta cứ đề Manarch ra "làm thịt" để "cải hoán" cho nó thành thiết giáp hạm Captain. Chiến hạm này đã trở thành quan tài chung cho 533 người trong chuyến biển đầu tiên trong đó có đồ đốc Kohns.

Để ghi nhớ nỗi ô nhục này trong lịch sử hàng hải Anh người ta đã khắc bia và treo nó ở gian lớn của nhà thờ thánh Paul, nơi tổ chức lễ cầu hồn cho 533 người thiệt mạng trong vụ đắm tàu. Và 13 năm sau thảm họa của Captain lại có thêm một con tàu xấu số nữa. Chuyện xảy ra vào ngày 3/7/1883 khi xưởng "Aléhxan đơ Stéphan và các con" hạ thủy chiếc tàu Đapné, một con tàu vỏ thép dùng để chở súc vật có dung tích 400 tấn đăng kí. Cuộc hạ thủy tiến hành tuyệt vời. Nhưng khi con tàu đã nổi trên mặt nước, nó đột ngột bị nghiêng đến khoảng 45°, nước đã trào lên boong, ít phút sau con tàu bị lật úp. Thật không may lúc đó trên tàu có 195 người, các xuồng đã lao ra và cứu được 71 người còn lại đã chìm theo tàu.

Để xác định nguyên nhân tai nạn, người ta đã trục vớt tàu và tiến hành kiểm tra ổn định ở trong ụ. Reed đã xác định rằng chiều cao tâm ban đầu là 4 inches (10,16m), khi góc nghiêng là 10° cánh tay đòn ổn định là 11/16 inches

và ở góc nghiêng 20° cánh tay đòn ổn định là 3/4 inches cánh tay đòn ổn định sẽ an khi góc nghiêng gần 50°.

Ở xưởng này, người thiết kế đã không tính đến tính ổn định cho tàu và chỉ xác định kích thước trên cơ sở kinh nghiệm, còn các trang thiết bị thì ông ta ghi "tương tự như tàu Braia" nhưng những người đóng tàu đi không hiểu được rằng tương tự chỉ là kiểu dáng còn kích thước phải nhỏ hơn vì tàu Braia kích thước lớn hơn tàu Đapné nhiều. Thế là trọng lượng thừa của chúng đã làm giảm ổn định của tàu. Giờ đây nguyên nhân chìm của tàu Đapné đã rõ: với độ ổn định ban đầu thấp, dưới tác dụng của dòng chảy, gió và các vận nặng không được cố định (kể cả người trên tàu) đã tạo ra mô men nghiêng ngang đủ để mép boong của tàu ngập nước. Hơn nữa trên tàu Đapné các lớp lót các nổi hơi vẫn để hở, khi mép boong xuống nước, nước đã theo các lỗ này vào tàu. Hội tụ đủ các yếu tố trên đi đủ gây ra thảm họa.

Năm 1961 kì hạm Vaz đã được trục vớt và trở thành bảo tàng duy nhất trên thế giới về loại này với hàng vạn hiện vật. Bảo tàng tàu Vaz, tất biển đông của tàu Captain vì các nguyên nhân chìm của tàu Đapné đã nhắc chúng ta rằng Tàu thủy là công trình kỹ thuật nổi phức tạp với nhiều yêu cầu kỹ thuật trái ngược nhau, phải tìm cứ liệu khoa học để dung hòa tất cả các yêu cầu đó, nếu làm khác đi, tai họa là điều khó tránh ■

NGUYỄN VĂN HỒI *suu tân*

## Nghề cá nước ngọt

**T**rung Quốc là một trong những quốc gia có vùng biển đặc quyền kinh tế rộng lớn, nguồn lợi hải sản phong phú, nhưng với sự phát triển nhanh công nghiệp đánh bắt và vớt cá tự nhiên để nuôi làm cho nguồn lợi hải sản ngày càng cạn kiệt. Để bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, ngoài việc hạn chế đánh bắt gần bờ, Trung Quốc phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản, năm 1996 sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 13,31 triệu tấn. Trong nuôi trồng thủy sản, nuôi hải sản mà chủ yếu là cá phát triển nhanh chóng, đặc biệt là từ giữa những năm 90 trở lại đây. Để đáp ứng nhu cầu nuôi, việc nghiên cứu sinh sản nhân tạo các loài cá biển được Trung Quốc rất quan tâm.

Điểm lại lịch sử sinh sản nhân tạo cá biển của Trung Quốc ta thấy, vào cuối những năm 50 Trung Quốc đã bắt đầu nghiên cứu sinh sản nhân tạo, lấy họ cá đối làm đối tượng nghiên cứu. Từ đó đến hết những năm 70 mới rộng ra một số đối tượng khác

thuộc họ cá bơn, cá tráp đỏ. Nguồn cá giống thời kỳ này chủ yếu là bắt cá bố mẹ đã thành thục từ tự nhiên về cho đẻ hoặc vớt

những trứng đã thụ tinh có sẵn ở các vùng biển về ấp nhân tạo. Từ đầu những năm 80 đến giữa những năm 90, đối tượng nghiên cứu là những loài cá có giá trị kinh tế. Có 40 loài đã cho sinh sản nhân tạo thành công, trong đó có khoảng 20 loài đã đạt trình độ sản xuất công nghiệp (hàng loạt). Trong thời gian này nguồn cá bố mẹ thành thục là những loài được nuôi vỗ nhân tạo và những cá thành thục khai thác trên biển. Từ giữa những năm 90 trở lại đây, trên cơ sở những kết quả trước đây, việc sản xuất giống nhân tạo các loài cá biển thu được những thành tựu to lớn, 90 loài đã cho sinh sản nhân tạo thành công, trong đó có 40 loài đạt trình độ sản xuất công nghiệp, từng bước thoả mãn nhu cầu của người nuôi. Riêng với loài *Sciaenops cellatus* nhập giống từ Mỹ sau khi nuôi vỗ cũng đã trở thành cá bố mẹ. Nguồn cá bố mẹ thời gian này, ngoài 3 nguồn như đã nêu trên còn tạo được nguồn nữa là nuôi những cá giống do sinh sản nhân tạo thành cá bố mẹ thành thục. Biện pháp nuôi vỗ cá bố mẹ chủ yếu là nuôi trong lồng trên biển, ngoài ra còn nuôi trong ao đất hoặc trong bể xi măng.

Sản xuất thức ăn ổn định, vừa miệng và đủ dinh dưỡng cho cá là một trong những yếu tố quan trọng để ương nuôi giống cá biển. Sau thời gian nghiên cứu Trung Quốc cũng đưa ra được qui trình sản xuất thức ăn cho nhiều loài cá.

Việc sản xuất giống cá biển ở Trung Quốc đến nay đã có sự phân công rõ rệt, việc nghiên cứu ban đầu là trách nhiệm của các viện nghiên cứu, sau đó mở rộng thành quả vào xã hội, sự phân công trong các xí nghiệp sản xuất cá giống cũng hết sức chi tiết, có người chuyên nuôi cá bố mẹ, có người chuyên sản xuất cá giống và thương nhân trung gian, việc sản xuất thức ăn ở thời kỳ đầu của cá cũng được chuyên môn hóa.

Cá giống sinh sản nhân tạo ở Trung Quốc sản xuất ra chủ yếu dùng để phục vụ cho nhu cầu trong nước. Cá giống sản xuất ra không dừng lại ở nuôi nơi cha ông chúng đã từng sinh sống mà còn được di giống đến nơi có điều kiện. Với sự phát triển của sản xuất cá giống trong nước, cá giống nhập nội ngày càng mất đi thị trường tiêu thụ.

Bên cạnh những thành tựu đạt được, sản xuất giống cá biển của Trung Quốc còn nhiều nội dung phải làm như việc chủ động nuôi vỗ cá bố mẹ thành thục; kỹ thuật cho đẻ để có kết quả ổn định; tìm hiểu một cách đầy đủ, chính xác về cơ lý phát triển của cá con; thức ăn của cá khi mới bắt đầu ăn; sản xuất thức ăn cho cá thời kỳ đầu trên qui mô công nghiệp... ■

**TẮT ĐẠT**

### NUÔI VÀ CHẾ BIẾN THỦY SẢN Ở NGA

Những năm gần đây, nhờ được công nghiệp hóa ngành nuôi, qui mô nuôi cá nước ngọt và nuôi các loài thủy sản của Nga không ngừng tăng lên. Về mô thức nuôi cũng có thay đổi, từ thiên về nuôi cá nước lạnh trước đây như các loài cá tầm, cá hồi nước ngọt, cá hồi lưng gù, cá hồi trắng, cá hồi chấm..., nay các đối tượng này tiếp tục mở rộng và nhập nhiều giống mới có nguồn gốc từ châu á thuộc các quốc gia: Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Thái Lan... như cá trắm cỏ, trắm đen, mè trắng, mè hoa, tôm nước ngọt...

Ngoài ra sản phẩm thủy sản chế biến (chủ yếu là đồ hộp, cá muối nhạt, cá xông khói...) cũng đang được cải tiến mạnh mẽ. Những sản phẩm đồ hộp của Nga trước đây thường có mùi tanh và mặn, hương vị chưa hấp dẫn... không được thị trường quốc tế ưa chuộng. Cán bộ nghiên cứu khoa học nghề cá đều hiểu rằng nếu không thay đổi mùi vị và phương pháp chế biến sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả xuất khẩu vì vậy đã đầu tư kinh phí và nhân lực, tập trung vào khâu pha chế. Họ được gợi ý từ phía Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ... trong việc chế biến sản phẩm thủy sản. Trong quá trình chế biến cần cho thêm các loại gia vị: đường, rượu, mì chính, hạt tiêu... Các cải tiến này trước tiên đã được người tiêu dùng trong nước rất hoan nghênh.

Theo Ch.Fish. Eco.Research. 1/97

# *Nghề cá vùng công hải*

## **HIỆN TRẠNG VÀ XU THẾ PHÁT TRIỂN**

### **NGUỒN LỢI HẢI SẢN VÙNG CÔNG HẢI (BIỂN QUỐC TẾ)**

Gọi nghề cá vùng công hải là để chỉ hoạt động đánh bắt hải sản ở vùng nước ngoài lãnh hải của các quốc gia và toàn bộ vùng đại dương.

Nguồn lợi hải sản vùng công hải chia làm 2 phần: nguồn lợi mang tính biển cạn và nguồn lợi mang tính đại dương. Nguồn lợi mang tính biển cạn, ở đó các loài hải sản phần lớn có chu kỳ sinh sống nằm trên thềm lục địa, phần phía trên của dốc thềm lục địa; nguồn lợi mang tính đại dương phần bố chủ yếu ở ngoài thềm lục địa hoặc đi cư phổ biến tới vùng đại dương bao la. Theo tài liệu của FAO trong số đó có 50 loài chân đầu, 40 loài cá mập (nhám), 60 loài động vật có vú và 230 loài cá đã hợp thành chúng quần thuộc phạm vi thế giới và là chúng quần di cư cao độ. Phần lớn nguồn lợi đại dương trong biển quốc tế có diện phân bố rộng nên khó mà khai thác một cách kinh tế, đồng thời cũng khó lòng nghiên cứu chính xác được. Để khai thác một cách kinh tế, vùng khai thác của các tàu cá viễn dương thường tập trung vào những nơi chúng kiếm mồi hoặc sinh đẻ. Đối tượng khai thác chủ yếu là cá ngừ, mực, cá hồi, cá tuyết, cá nhám, các loài cá nổi khác, động vật có vú, moi Nam Cực....

### **HIỆN TRẠNG NGHỀ CÁ VÙNG CÔNG HẢI**

Loại ngư cụ khai thác nguồn lợi hải sản có giá trị kinh tế ở vùng công hải là do mật độ của chúng quần, vị trí vùng nước và điều luật thực thi quyết định.

Lưới vây dùng để đánh bắt các loài cá đại dương có kích thước lớn (chủ yếu là cá ngừ) được khởi sự từ những năm 60 tại vùng đông Thái Bình Dương, đến năm 70 mở rộng sang vùng tây Thái Bình Dương. Sang những năm 80 phát triển tận Ấn Độ Dương. Tàu khai thác phát triển theo hướng to dần, trang bị hiện đại, hiện nay có sử dụng cả máy bay trực thăng, hoặc phi thuyền để trinh sát, chỉ đạo tàu đánh bắt, và còn sử dụng cả kỹ thuật viễn thám để xác định vùng biển có thể đánh bắt, nhờ vậy mà rút ngắn thời gian tham dò.

Nghề đánh bắt bằng lưới rê khởi sự từ những năm 50 tại Thái Bình Dương. Đối tượng chính là cá hồi. Hiệp định song phương, một bên là Nhật Bản, một bên là Mỹ và Canada đã làm giảm nguồn lợi cá hồi, buộc phải chuyển sang đánh cá ngừ và những nam gần đây lại phải đánh mực.

Trong 10 năm gần đây tàu cá của Nhật Bản đã cùng với tàu của Hàn Quốc, Triều Tiên và Đài Loan cùng nhau khai thác bằng lưới rê trôi tại vùng

công hải. Thế nhưng kể từ năm 1993 trở đi lưới rê bị cấm khai thác ở vùng công hải.

Nhiều nước ở châu Á, những nam gần đây đều khai thác cá ngừ bằng câu vàng, lấy cá ngừ kích thước lớn làm đối tượng khai thác trên các đại dương thế giới.

Nghề câu mực là một nghề được các nước Nhật Bản, Hàn Quốc... sử dụng nhiều, kết hợp dùng ánh sáng, tập trung mực thành đàn để khai thác.

Vào những năm trước 60, câu cần là ngư cụ chủ yếu dùng để câu cá ngừ và cá thu nhưng đến nay đã được thay thế bằng lưới vây và lưới rê. Gần đây, tàu lưới kéo dài của Pháp đã dùng lưới kéo tầng giữa cỡ lớn để đánh cá ngừ vây dài tại Thái Bình Dương. Ở vùng biển Nam Cực thì đánh mọi bằng lưới kéo tầng giữa. Ở Tây Phi thì đánh các loài cá tầng giữa kích thước nhỏ, lưới kéo đáy được sử dụng để khai thác ở vùng rìa thềm lục địa. Theo thống kê của FAO, sản lượng hải sản ở công hải vào năm 1970 đạt 5.800.000 tấn, đã tăng lên 12.400.000 tấn năm 1991.

### **VIỆC QUẢN LÝ NGHỀ CÁ VÙNG CÔNG HẢI NGÀY CÀNG TRỞ NÊN CHẶT CHẼ**

Kể từ khi các quốc gia ven biển thực thi chế độ vùng đặc quyền kinh tế - 200 hải lí, vùng công hải bị thu hẹp lại thì nghề cá vùng công hải cũng được phát triển thêm lên. Hiện nay tổng sản lượng thủy sản toàn cầu ước đạt trên 100 triệu tấn, trong đó 75% do biển đem lại; trong sản phẩm thủy sản biển, 5% óc được từ vùng công hải mà có. Sự cạnh tranh trong nghề cá vùng công hải giữa các nước ngày càng gay gắt, nhưng do việc quản lý nghề cá vùng công hải rất khó khăn, khó mà thi hành các biện pháp bảo vệ nguồn lợi và bảo vệ môi trường có hiệu quả, do vậy đến nay năng lực khai thác của tàu cá toàn cầu đã quá mức so với nguồn lợi hiện có đã gây áp lực rất lớn đối với nguồn lợi hải sản vùng công hải.

Nhiều quốc gia ven biển gần kề công hải cho rằng việc quản lý, khống chế nghề cá công hải là một trong những vấn đề khó khăn và có ảnh hưởng tới việc quản lý nghề cá nằm trong vùng nước do quốc gia đó cai quản.

Hiện nay số quốc gia có khả năng đánh cá viễn dương chỉ có khoảng 20, tất nhiên chiếm thiểu số. Vì vậy trong các hội nghị nghề cá và trong đàm phán của thế giới, nước có nghề cá viễn dương luôn ở địa vị bất lợi. Phải thừa nhận rằng việc quản lý nghề cá vùng công hải sẽ phát triển theo hướng có lợi cho các nước ven biển và bất lợi đối với các nước có nghề cá viễn dương.

Năm 1991, FAO đã đề xuất việc thực hiện "Nghề khai thác hải sản có trách nhiệm" trong vùng

công hải, tháng 5/1992 một hội nghị về nghề khai thác thủy sản có trách nhiệm tại Mêhicô đã ra tuyên bố đề nghị Liên hợp quốc lấy 10 năm sau đó là "10 năm nghề khai thác thủy sản có trách nhiệm". Sau hội nghị này, trên thế giới đã nhiều lần triệu tập hội nghị nghề cá mang tính quốc tế, đều lấy nghề cá có trách nhiệm và bảo vệ nguồn lợi thủy sản đại dương làm điểm xuất phát nhằm bảo vệ và quản lí các loài cá di cư và các nguồn lợi xuyên thế giới, tìm ra các đối sách để giải quyết.

Tóm lại, hiện nay trên thế giới vấn đề "Nghề khai thác hải sản có trách nhiệm từ chỗ suy nghĩ, chuẩn bị đã đi vào thời kì có các định chế cụ thể "chuẩn tắc hành vi quốc tế về chế độ khai thác hải sản có trách nhiệm". Văn bản cuối cùng về chuẩn tắc hành vi này sẽ chuyển đến hội nghị lần thứ 28 của FAO thông qua.

Đi đôi với nghề đánh cá có trách nhiệm, việc quản lí và hạn chế đánh cá vùng công hải càng ngày càng nghiêm ngặt, nghề cá vùng công hải càng gặp nhiều vấn đề mới mẻ. Các hạn chế đối với quản lí nghề cá công hải bao gồm các nội dung dưới đây:

1. Coi trọng việc các nước đánh cá hợp tác với các quốc gia ven biển nằm kề vùng công hải. Loại hợp tác này chủ yếu được xây dựng trên cơ sở của "Công ước về Luật Biển của Liên hợp quốc", đồng thời thông qua việc liên hệ, hợp tác với các tổ chức quốc tế có tính khu vực hoặc tính toàn cầu để thực hiện.

2. Ngư cụ và phương pháp khai thác thiếu tính chọn lọc hoặc có ảnh hưởng lớn tới điều kiện sinh thái sẽ phải hạn chế hơn nữa. Nếu lưới rê công hải bị cấm toàn diện thì rồi đây việc đánh lưới vây tại một số vực nước vùng công hải cũng có triển vọng bị hạn chế. Đối với việc sử dụng các ngư cụ có tính chọn lọc cao vẫn phải đề phòng đánh vướng phải các sản phẩm thủy sản là đối tượng phải bảo vệ.

3. Tăng cường việc giám sát, không chế và kiểm tra tàu cá và hoạt động đánh bắt vùng công hải như việc qui định tiêu thức thống nhất cho tàu thuyền và ngư cụ; trên tàu cần lắp đặt các thiết bị kiểm soát như máy thu từ vệ tinh để tiện theo dõi vị trí mà tàu cá công hải đang hành nghề, tiến hành kiểm soát quốc tế; cử quan sát viên lên tàu; xây dựng chế độ sổ ghi chép tàu cá và giấy phép hoạt động khai thác.

4. Yêu cầu nước có cờ trên tàu phải đảm nhận nhiều nhiệm vụ trong khi hoạt động đánh bắt ở công hải như thống kê sản lượng, nhật kí hàng hải, nghiên cứu khoa học nghề cá hàng hải, đánh giá nguồn lợi, dùng các biện pháp hữu hiệu bảo đảm chắc chắn tàu cá của nước mình và dân trong nước tuân thủ các qui tắc quốc tế có liên quan.

5. Mâu dịch sản phẩm hải sản sẽ phải chịu sự không chế của các biện pháp bảo vệ nguồn lợi công hải ■

**LÊ TRỌNG**

*Theo Chinese.Fish.Econ.Research 1/97*

## **DỰ BÁO TÌNH HÌNH NGHỀ CÁ THẾ GIỚI**

Báo cáo nghề cá của tạp chí Fishing News International (8/97) về diễn biến tình thế nghề cá thế giới đã đưa ra dự báo như sau:

Đi đôi với sự phát triển dân số, tăng mức sinh hoạt và thu nhập tăng, nhu cầu sản phẩm thủy sản của Trung Quốc sẽ tăng rất cao.

Giá thủy sản của thế giới hiện nay thấp sẽ tăng cao, các sản phẩm đó đã đi vào các nước đang phát triển.

Trung Quốc sẽ là nước có nghề cá viễn dương chủ yếu, đội tàu của họ sẽ đánh bắt tại các biển quan trọng. Sản phẩm làm ra nhằm tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Họ sẽ trở thành đối tác chủ yếu trong nghề khai thác cá ngừ ở Thái Bình Dương; tàu câu vàng, câu tay (cần) và lưới vây lần đầu tiên đến khai thác ở vùng nước Micronesia.

Nam Phi sẽ trở thành đối tác mới về thị trường các loài cá ít mỡ của thế giới, lần đầu tiên tiêu thụ cá tuyết không râu, sau đó sẽ mở ra các nơi khác.

Lưới kéo đôi là phương pháp đánh cá ngừ được lưu hành trên các biển trừ Đại Tây Dương, các vấn đề về sản phẩm cá pha tạp và các động vật có vú được quan tâm

Sản phẩm cá pha tạp vẫn là vấn đề quan trọng của giới nghề cá, nhưng sẽ được chia thành các bước để đi vào từng giai đoạn quản lí thực tế.

Ngư trường cá tuyết không râu và cá vược mõm nhọn sẽ tiếp tục được phát hiện tại các vùng nước Ôxtrâyli, Niu Di lơn và các vùng nước ở nam Bán Cầu ngoài Nam Phi.

Nguồn lợi hải sản vùng biển sâu sẽ được phát hiện tại nam Bán Cầu.

*Theo Mo.Fish.Inf.10/97*

## **300.000 TẤN NGỌC TRAI NƯỚC NGỌT CỦA TRUNG QUỐC ĐƯỢC BÁN Ở MỸ**

Theo Bộ ngoại thương Trung Quốc, mỗi kg ngọc trai nước ngọt có phẩm cấp cao của nước này bán được với giá trên 1.800 USD tại thị trường Mỹ.

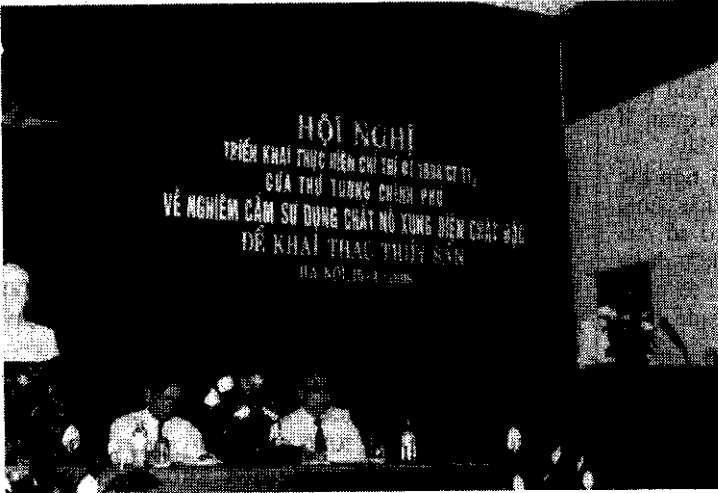
Do cung không đủ cầu trên thị trường Mỹ nên khách hàng tranh mua. Với ngọc có phẩm cách bình thường bán giá 1.300 USD và phẩm cấp thấp hơn nữa bán dưới giá đó.

Theo thống kê, mỗi năm Mỹ nhập khẩu ngọc trai nước ngọt của Trung Quốc khoảng 300.000 tấn.

*Theo Ch.Fish. Eco. Research 6/96*

# BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN

## TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 01/1998/CT.TTg CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ



Thủ trưởng Bộ Thủy sản và Thủ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì Hội nghị

Ngày 15/4/1998 tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo liên ngành về chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản đã tổ chức Hội nghị cho các tỉnh từ Quảng Ninh đến Quảng Nam để triển khai thực hiện Chỉ thị 01/1998/CT-TTg ngày 2/1/1998 của Chính phủ về nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản. Đồng chí Nguyễn Ngọc Hồng, Thủ trưởng Bộ Thủy sản, trưởng Ban Chỉ đạo và đồng chí Phan Khắc Hải, Thủ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin, phó Ban chỉ đạo chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản chủ trì Hội nghị.

118 đại biểu đã về dự Hội nghị. Ở trung ương có đại diện Văn phòng Chính phủ và các Bộ: Thủy sản, Quốc phòng, Nội vụ, Văn hoá - Thông tin; ở địa phương có các Sở: Thủy sản, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có quản lý thủy sản), Công an, Văn hoá - Thông tin, Chánh Văn

phòng UBND các tỉnh, Bộ đội biên phòng và nhiều cơ quan thông tấn, báo chí ở trung ương và Hà Nội.

Hội nghị nhất trí đánh giá, việc chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản mặc dù chúng ta đã triển khai nhiều biện pháp, từ tổ chức, hành chính, pháp luật đến truyền truyền vận động nhưng các tệ nạn trên vẫn đang ở mức báo động, không chỉ ở biển mà cả các vùng nước nội đồng ở nhiều địa phương. Việc Chính phủ ngay những ngày đầu năm ban hành Chỉ thị trên tỏ rõ tính bức thiết phải ngăn chặn và sớm loại trừ tệ nạn này ra khỏi đời sống xã hội, bảo vệ nguồn lợi thủy sản bền vững.

Hội nghị cũng cho rằng, để thực hiện có kết quả Chỉ thị này thì biện pháp phải đồng bộ từ cơ chế chính sách, tổ chức, tuyên truyền vận động đến biện pháp phải thật kiên quyết. Việc triển khai Chỉ thị này không phải chỉ có các tổ chức chính quyền ra tay mà cả các tổ chức Đảng, đoàn thể quần chúng, hội nghề nghiệp từ trung ương đến địa phương phải vào cuộc.

Hội nghị tương tự cho các tỉnh còn lại trong cả nước được tổ chức tại thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/4/1998 ■

# **N** NGHIỆM CẤM SỬ DỤNG CHẤT NỔ, XUNG ĐIỆN, CHẤT ĐỘC ĐỂ KHAI THÁC THỦY SẢN

Khai thác thủy sản bằng chất nổ, xung điện và chất độc (CN, XD, CD) là hành vi vi phạm nghiêm trọng Pháp lệnh BV&PTNLTS, làm huỷ diệt nguồn tài nguyên và môi trường sống của các loài thủy sản; không những gây nguy hiểm cho tính mạng của con người mà còn gây mất ổn định an ninh trật tự xã hội. Đây là vấn đề nhức nhối cần phải được chính quyền các cấp và toàn dân tham gia ngăn chặn tiến tới chấm dứt triệt để.

Từ nhiều năm nay, Nhà nước, Bộ Thủy sản, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng, Bộ Công nghiệp cũng như các ngành, các cấp chính quyền đã có nhiều văn bản pháp qui về việc nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và sử dụng CN, XD, CD để khai thác thủy sản ở tất cả các vùng nước. Các cơ quan thông tấn, báo chí đã nhiều lần lên tiếng cảnh báo tệ nạn này. Thế nhưng trong những năm qua tệ nạn nói trên vẫn tiếp diễn.

Đọc theo tuyến biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang và ở các mặt nước hồ, ao, sông, ngòi việc sử dụng CN, XD, CD để khai thác thủy sản vẫn diễn ra hàng ngày. Các ngư trường có nhiều đối tượng sử dụng chất nổ đánh cá là ở vùng biển Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà. Theo số liệu của Bộ tư lệnh Biên phòng, bình quân hàng năm ngư dân mỗi tỉnh nói trên đã sử dụng trên dưới 50 tấn thuốc nổ để đánh bắt hải sản. Trong khi chỉ dùng vài chục đến vài trăm gam thuốc nổ thì cả một vùng nước có bán kính vài trăm mét các loài cá trong phạm vi ảnh hưởng đã bị rối loạn, xuất huyết, lồi mắt, vỡ bóng hơi và bị chết.

Cùng với việc sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản nhiều đối tượng đã dùng bộ xung điện để đánh bắt thủy sản ở các thủy vực nước ngọt và ngoài biển. Họ có hiểu rằng tác hại ghê gớm của việc sử dụng xung điện là huỷ diệt tất cả những sinh vật nằm trong phạm vi của hai cực điện, đồng thời làm thay đổi môi trường, phá huỷ sự cân bằng sinh thái, làm cho việc sinh nở và các chu kỳ sinh trưởng của các loài thủy sản không bình thường.

Một hành vi nữa không kém phần nguy hiểm đối với các loài thủy sản, đó là việc dùng các chất độc làm tê liệt để đánh bắt các loài thủy sản quý hiếm, hoặc các loài có giá trị kinh tế cao như tôm, cá sống ở các hốc đá, rạn san hô ngoài biển. Ở các vùng nước nội thủy, một số người đã dùng các loại thuốc trừ sâu, các chất độc, các loại hạt, lá cây có chứa độc tố thả xuống nước làm tôm, cá chết để bắt. Hành vi này không



*Đối tượng và tang vật vi phạm bị bắt ở Bến Tre*

những huỷ diệt nguồn lợi thủy sản, làm ô nhiễm môi trường mà còn gây nguy hiểm cho con người khi ăn phải các loài thủy sản đã nhiễm độc.

Hậu quả này dẫn đến các thảm họa khác, sử dụng CN, XD, CD để khai thác thủy sản không những huỷ diệt nguồn lợi mà còn gây ra biết bao nhiêu tang tóc cho các gia đình. Từ năm 1992-1997 đã có 130 người chết, 150 người bị thương. Trước thảm họa trên ngư dân Nghệ An đã có tờ trình Chính phủ về việc kêu cứu bảo vệ tài nguyên, môi trường biển và cuộc sống của hàng ngàn ngư dân ven biển. Ngay ở sát thủ đó, nhân dân 2 huyện Từ Liêm và Thanh Trì đã kêu cứu vì có một số đối tượng dùng xung điện để đánh cá, phá hoại và làm cạn kiệt NLTS sông Hồng.



Các đối tượng sử dụng các phương tiện huỷ diệt nguồn lợi thủy sản ngày càng có nhiều mảnh khỏe tinh vi để trốn tránh. Thuốc nổ cất giấu ở các nơi khó phát hiện trên tàu, thuyền hoặc trên các đảo. Tàu thuyền nguy trang xoá số đăng ký hoặc dùng các phương tiện cũ nát khi bị phát hiện thì phi tang. Nguy hiểm hơn là một số trường hợp, các đối tượng đã chống trả quyết liệt các lực lượng thi hành công vụ, như trường hợp tàu QNg 6064 TS bị phát hiện đánh cá bằng chất nổ, hai thanh tra BVNLTS của Bình Thuận lên tàu kiểm tra thì cả hai đã bị đẩy xuống biển, sau khi vớt được hai thanh tra viên lên tàu kiểm ngư và cho tàu đuổi theo thì các đối tượng trên đã ném mìn về phía sau để chặn tàu kiểm ngư.

Từ năm 1992-1997, các lực lượng thanh tra BVNLTS đã phối hợp với lực lượng biên phòng, công an đã bắt và xử lý 973 vụ tàu thuyền dùng chất nổ đánh bắt thủy sản, đã tịch thu 13.283 kg thuốc nổ; 1.148 quả mìn; 20.209 kíp nổ; 3.128m dây cháy chậm. Chỉ tính riêng năm 1997 đã bắt 71 vụ dùng chất nổ đánh bắt cá, thu giữ hơn 100 thuyền, tịch thu 510 kg thuốc nổ, 612 kíp mìn, hàng trăm mét dây cháy chậm và đã đưa ra truy tố 11 vụ.

**Nguyên nhân của các vấn đề tồn tại trên là do:** Công tác tuyên truyền về tác hại của việc sử dụng các phương tiện khai thác huỷ diệt NLTS chưa được quán triệt đến dân; chưa quản lý chặt chẽ nguồn chất nổ. Các văn bản pháp luật đã ban hành song chưa đủ hoặc chưa phù hợp và thiếu đồng bộ. Cũng phải nói rằng đa số các đối tượng sử dụng các công cụ huỷ diệt trên là ngư dân nghèo không có khả năng mua sắm phương tiện chuyển đổi nghề nghiệp, vì vậy biết nhưng vẫn làm liều.

Việc đầu tư cho công tác tuyên truyền, giáo dục cũng như đầu tư cho các lực lượng BVNLTS chưa đúng mức. Trong số 40 tàu thuyền của 34 Chi cục BVNLTS thì mới chỉ có 6 tàu có khả năng vươn ra kiểm soát vùng khơi, trong vùng biển rộng trên 1 triệu km<sup>2</sup> và chiều dài bờ biển trên 3260 km. Một số tàu kiểm ngư đóng rồi, nhưng thiếu nhiên liệu hoạt động. Sự phối hợp giữa các Bộ, ngành; giữa trung ương và UBND các cấp chưa có kế hoạch cụ thể, do vậy chưa tạo thành sức mạnh tổng hợp để ngăn chặn có hiệu quả tệ nạn này.

Để ngăn chặn chấm dứt tệ nạn này, ngày 02/01/1998 Thủ tướng Chính phủ đã ra Chỉ thị

01/1998/CT-TTg về việc nghiêm cấm sử dụng CN, XD, CĐ để khai thác thủy sản. Trong Chỉ thị đã nêu rõ nghiêm cấm mọi tổ chức, cá nhân sản xuất, buôn bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép và sử dụng CN, XD, CĐ để khai thác thủy sản ở tất cả các vùng nước. Chỉ thị cũng đã nêu rõ trách nhiệm của các Bộ: Quốc phòng, Nội vụ, Công nghiệp, Văn hoá - Thông tin, Thủy sản cùng UBND các cấp và các đoàn thể trong việc tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức để cho nhân dân, đặc biệt là ngư dân thấy rõ được tác hại, tình nguyện làm bản cam kết từ bỏ việc sử dụng CN, XD, CĐ để khai thác thủy sản. Quản lý nghiêm ngặt các nguồn chất nổ, xung điện, chất độc; phối hợp với các lực lượng và chính quyền các cấp tiến hành kiểm tra, kiểm soát truy quét bắt giữ các phương tiện và đối tượng vi phạm, lập hồ sơ truy tố một số vụ điển hình.

Ban chỉ đạo chống sử dụng CN, XD, CĐ của liên Bộ cũng đã được thành lập nhằm chỉ đạo thống nhất trong toàn quốc triển khai thực hiện Chỉ thị trên của Thủ tướng Chính phủ. Kế hoạch công tác đã được vạch ra và đang triển khai từ trung ương đến địa phương. Nhiều tỉnh, thành phố đã ra Chỉ thị và một số địa phương cũng đã thành lập Ban chỉ đạo về việc cấm sử dụng CN, XD, CĐ để khai thác thủy sản.

Các biện pháp hành chính Nhà nước cũng cần có cơ chế chính sách về thuế cũng như cho ngư dân vay vốn với lãi suất ưu đãi để ngư dân, đặc biệt là ngư dân nghèo có điều kiện chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp phù hợp. Có chế độ khuyến khích thoả đáng các lực lượng tham gia BVNLTS như khen thưởng, cứu trợ và có chế độ khi bị tai nạn hoặc hy sinh trong khi làm nhiệm vụ. Đầu tư thích đáng các phương tiện, trang bị cho các lực lượng kiểm tra, kiểm soát BVNLTS trên biển cũng như các vùng nước nội địa.

Công tác chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản là công việc khó khăn, phức tạp, liên quan đến vấn đề kinh tế, xã hội, trật tự an ninh đồng thời đụng chạm trực tiếp đến cuộc sống của một bộ phận dân cư, vì vậy đây chính là cuộc đấu tranh gay go, phải thường xuyên, liên tục với thái độ kiên quyết. Trước hết phải xác định được BVNLTS là trách nhiệm của toàn dân, là nghĩa vụ của các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội ■

VŨ HUY THỦ

# Phòng tránh bão

## CHO TÀU THUYỀN TRÊN BIỂN

Bão, áp thấp nhiệt đới (sau đây gọi tắt là bão) là thiên tai thường niên đe dọa cuộc sống và lao động của nhân dân ta trong đó có ngư dân, trung bình hàng năm có đến 6,1 cơn bão đổ bộ trực tiếp vào nước ta, đối với các hoạt động ngoài biển xa thì số bão có ảnh hưởng còn lớn gấp hơn hai lần, tức là vào khoảng 15 cơn.

Mùa bão đối với từng khu vực có khác nhau trong năm:

Khu vực Quảng Ninh đến Thanh Hoá từ tháng 6 đến tháng 9, bão nhiều nhất vào tháng 8;

Khu vực Nghệ An đến Quảng Bình từ tháng 7 đến tháng 10, số bão ảnh hưởng đến khu vực này tăng dần từ tháng 7 đến tháng 9 và đạt cực đại vào tháng 10, sau đó giảm đột ngột;

Khu vực từ Quảng Trị đến Ninh Thuận chia thành 2 giai đoạn rõ rệt, từ tháng 3 đến tháng 6 và từ tháng 9 đến tháng 12, tháng 7-8 như một thời đoạn tạm ngưng ảnh hưởng của bão, có đến 84,4% số bão ảnh hưởng đến khu vực tập trung trong giai đoạn từ tháng 9 đến tháng 12, số lượng từng tháng tăng dần và đạt đến cực đại vào tháng 10, tháng 12 khu vực này vẫn còn khả năng chịu ảnh hưởng trực tiếp của bão trong khi đối với khu vực khác khả năng này rất nhỏ;

Khu vực từ Bình Thuận vào Nam Bộ tần suất ảnh hưởng trực tiếp của bão nhỏ nhất so với khu vực khác và chỉ tập trung trong 2 tháng 10 và 11.

Những tổng kết nêu trên là những thông tin khái quát giúp cho việc chỉ đạo phòng tránh bão nói chung và cho các hoạt động trên biển nói riêng.

Để bảo đảm an toàn cho người và tàu thuyền hoạt động trên biển cần thực hiện nhiều công việc khác nhau, trong đó có những việc liên quan đến thông tin dự báo khí tượng là:

Phải thường xuyên theo dõi tin dự báo thời tiết trên Đài phát thanh tiếng nói Việt Nam, những tin này thường được phát ở cuối các chương trình thời sự. Các tàu thuyền có đài thu sóng ngắn tốt có thể thu tin phát thanh nội bộ của Tổng cục Khí tượng Thủy văn vào lúc 10 giờ

sáng và 15 giờ chiều trên các sóng 6920 hoặc 5450 KHz, trong mọi tin báo bão thường có hướng dẫn cho tàu thuyền đang hoạt động ngoài khơi phòng tránh bão, cần tuyệt đối làm theo các hướng dẫn này.

Luôn chú ý quan sát tình trạng bầu trời, mặt biển vùng tàu thuyền đang hoạt động, sự thay đổi hoặc xuất hiện của một hiện tượng khí tượng hải văn, như sự xuất hiện của sóng không tương ứng với gió là dấu hiệu của bão hoặc gió mạnh ở xa, sự xuất hiện màn mây mỏng trên cao từ phía chân trời tiến đến và ngày càng dày đặc thêm là dấu hiệu có bão ở xa...

Trong một cơn bão, nửa phía bên phải so với hướng di chuyển của nó, gió thường mạnh và sóng thường cao hơn nửa bên trái, vì vậy nửa bên phải bão là khu vực nguy hiểm nhất đối với tàu thuyền.

Trong mọi trường hợp, những quan sát tại chỗ có vai trò quan trọng trong việc xác định vị trí của tàu thuyền đối với bão, từ đó có những quyết định hành động tránh bão hợp lý. Những cơn bão có khả năng ảnh hưởng đến nước ta thường có hướng di chuyển lệch tây, vì vậy vị trí nằm bên trái bão thường phải có vĩ độ thấp hơn vĩ độ tâm bão. Những quan trắc hướng gió tại chỗ cũng có khả năng xác định tương đối chính xác vị trí của tàu thuyền đối với bão. Khi có bão ngoài Biển Đông đang tiến gần bờ biển nước ta, nếu quan sát thấy có gió hướng đông nam, đông, đông bắc hoặc các hướng nằm giữa chúng là dấu hiệu tàu thuyền đang nằm ở nửa bên phải bão. Khi thấy gió có hướng tây bắc, tây, tây nam hoặc các hướng nằm giữa chúng là dấu hiệu tàu thuyền đang nằm ở nửa bên trái bão. Nếu quan sát thấy tốc độ gió tăng dần, hướng không đổi hoặc thay đổi nhưng vẫn nằm giữa các hướng từ đông bắc đến bắc hoặc tây bắc là dấu hiệu tàu thuyền đang nằm ở vị trí vùng gió bão mạnh đang di chuyển thẳng đến.

...

(Tiếp trang 27)

# BẢO HIỂM TÀU THUYỀN NGHỀ CÁ

Khai thác thủy sản là một hoạt động mang tính đặc thù, mang lại lợi ích rất to lớn đối với đất nước và chủ tàu, tuy nhiên trong quá trình hoạt động lại có nhiều tai nạn bất ngờ xảy ra mà con người khó có thể lường trước được dẫn đến các thiệt hại to lớn vượt quá sức chịu đựng của chủ tàu làm ảnh hưởng xấu đến kết quả kinh doanh của chủ tàu và các đơn vị kinh tế khác liên quan. Để kết quả kinh doanh của mình được bảo đảm, một trong những biện pháp quan trọng nhất của chủ tàu là tham gia bảo hiểm đầy đủ. Tham gia bảo hiểm chủ tàu phải đóng một số tiền rất ít gọi là phí bảo hiểm nhưng lại được bù đắp với số tiền rất lớn nếu không may tai nạn rủi ro xảy ra.

Khi chủ tàu tham gia bảo hiểm đầy đủ thì chủ tàu sẽ hoàn toàn yên tâm nếu không may tai nạn bất ngờ xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Năm 1965 Tổng công ty Bảo hiểm Việt Nam (BAOVIET) ra đời, đến cuối năm 1986 bảo hiểm tàu cá được hình thành và đi vào hoạt động. Trong hơn 30 năm hoạt động và trưởng thành, BAOVIET nói chung và nghiệp vụ bảo hiểm tàu cá nói riêng đã góp phần không nhỏ vào việc ổn định sản xuất kinh doanh và đời sống của các doanh nghiệp, tập thể, cá nhân tham gia

bảo hiểm, giúp họ đứng vững và ngày càng phát triển.

Để có thể bảo đảm cho các chủ tàu về mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, với nghề cá BAOVIET đã triển khai các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm thân tàu - ngư cụ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu, bảo hiểm thuyền viên, bảo hiểm rủi ro chiến tranh.

Nước ta ở vùng nhiệt đới, hàng năm có hàng chục cơn bão, áp thấp nhiệt đới đổ bộ vào, ngoài ra còn phải đương đầu với lốc, tố, gió mùa Đông Bắc. Riêng các tổn thất do bão trong những năm gần đây đã từng gây bao thiệt hại to lớn về người và tàu thuyền, đơn cử:

Năm 1993: bão số 10 gây thiệt hại nặng nề cho các tỉnh nam Trung Bộ, gần 2.000 tàu thuyền đánh cá bị đắm, hư hỏng trên 400 người bị chết và mất tích.

Năm 1996: bão gây tổn thất nặng nề làm đắm, hư hỏng trên 600 tàu thuyền, trên 100 người bị chết.

Năm 1997: bão số 5 gây thiệt hại nặng nề cho các tỉnh Nam Bộ và nam Trung Bộ, riêng tàu cá đã có gần 4.000 chiếc bị đắm chìm và hư hỏng, hàng nghìn người bị thương tật, chết và mất tích, thiệt hại lên đến hàng ngàn tỉ đồng.

BAOVIET đã bồi thường số tiền nhiều tỉ đồng, góp phần giúp những người tham gia bảo hiểm ổn định đời sống và sản xuất. Về bảo hiểm tàu cá năm 1997: chưa kể các tổn thất khác xảy ra trong năm phải bồi thường trên 10 tỉ đồng, chỉ tính riêng bão số 5 BAOVIET ước bồi thường trên 30 tỉ đồng về vật chất, hàng tỉ đồng về con người. Hàng nghìn tàu thuyền và con người bị thiệt hại được bồi thường, trong khi phí bảo hiểm thu được cả năm chỉ khoảng 12 tỉ đồng. Như vậy các tổn thất do bão thường là rất nặng nề và trên diện rộng, gây thiệt hại lâu dài cho mọi cấp, mọi ngành, mọi thành phần kinh tế.

Ngoài các tổn thất do bão, BAOVIET đã nhận bảo hiểm và đã bồi thường cho nhiều rủi ro khác xảy ra cho đối tượng được bảo hiểm trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh như các thiệt hại do đắm, cháy, mắc cạn, mất tích, đâm va, rủi ro về con người, hàng hoá... Số tiền bồi thường hàng năm lên đến vài chục tỉ đồng. Trong đó đã bồi thường đáng kể cho các chủ tàu trong việc di chuyển xác tàu và các trách nhiệm đối với người thứ ba khác- bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu.

Qua các tai nạn rủi ro BAOVIET đã tham gia tích cực cũng như bồi thường nhanh chóng các sự cố tai nạn cho những tàu cá tham gia bảo hiểm nhưng thực tế mới chỉ là một phần nhỏ trong tổng các thiệt hại đã xảy ra, còn lại Nhà nước cũng như xã hội vẫn phải gánh chịu phần thiệt hại lớn hơn rất nhiều. Điều này đã không xảy ra nếu tất cả các đơn vị kinh tế (Nhà nước, tập thể, tư nhân) đều tham gia đóng bảo hiểm đầy đủ về số lượng cũng như điều kiện bảo hiểm.

Theo thống kê, số tàu thuyền nghề cá tham gia bảo hiểm chỉ chiếm rất ít khoảng gần 20% trong tổng số tàu thuyền đang hoạt động. Việc tàu thuyền tham gia bảo hiểm với tỉ lệ rất thấp là do:

- Đặc thù của kinh doanh bảo hiểm là quy trình ngược, định giá sản phẩm trước (phí bảo hiểm), sản phẩm được hình thành sau (bồi thường và các trợ giúp khác) nên các chủ tàu không thấy lợi ích của việc tham gia bảo hiểm và vẫn nghĩ rằng đóng bảo hiểm là một loại lệ phí.

- Các chủ tàu kinh doanh khó khăn nên không muốn bỏ thêm chi phí dù là với số tiền nhỏ nhưng ích lợi lớn.

- Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự chủ tàu là bảo hiểm tự nguyện nên các chủ tàu thường không tự giác tham gia bảo hiểm. Trong đó các chủ tàu là doanh nghiệp nhà nước thường không muốn chi thêm phí bảo hiểm vì sợ tăng giá thành, khi có tổn thất thì Nhà nước phải gánh chịu do tài sản là của Nhà nước đầu phải của người lãnh đạo doanh nghiệp đó.

- Trật tự an toàn giao thông thủy vẫn còn lỏng lẻo, các chủ tàu không bị kiểm soát.

- Một bộ phận ngư dân còn quan niệm không đúng, cho rằng mua bảo hiểm là mua rủi ro vào cho mình.

- Công tác tuyên truyền, vận động có làm nhưng còn nhiều khiếm khuyết.

Cũng theo số liệu thống kê, số tàu tham gia bảo hiểm thường thấp dưới giá trị thực tế, những tàu tham gia bảo hiểm cũng không bảo hiểm đầy đủ các

điều kiện như chỉ bảo hiểm tổn thất toàn bộ mà không bảo hiểm mọi rủi ro, hay chỉ tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự mà không tham gia bảo hiểm vật chất thân tàu hoặc ngược lại nên số tiền bồi thường của BAOVIET không bù đắp được cho chủ tàu tất cả các thiệt hại xảy ra.

Từ thực tế trên, theo chúng tôi:

- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền làm cho lao động nghề cá thấy được lợi ích của BAOVIET từ đó tự giác tham gia bảo hiểm.

- Kiến nghị Nhà nước chỉ đạo các cấp, các ngành tập trung đưa trật tự an toàn giao thông thủy vào nền nếp. Tạo cho hoạt động giao thông thủy ngày càng lành mạnh và phát triển.

- Kiến nghị Nhà nước cho bắt buộc bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu như đã bắt buộc đối với bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ xe cơ giới nhằm tạo sự ổn định đời sống xã hội trong trường hợp chủ tàu không đủ khả năng chi trả cho những người mà chủ tàu có trách nhiệm bồi thường do lỗi của chủ tàu.

- Kiến nghị Nhà nước cần yêu cầu các doanh nghiệp nhà nước tham gia bảo hiểm vật chất đối với tài sản của họ, trong đó có tàu thuyền, nhằm bảo toàn được vốn của Nhà nước trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh nếu không may tai nạn bất ngờ xảy ra.

**TRUNG THÔNG**

## *Phòng tránh bão...*

(tiếp trang 25)

Trong trường hợp đã gặp gió mạnh, sóng cao thì phải khẩn trương hành động thoát khỏi hoặc rời xa vùng gió bão mạnh càng nhanh càng tốt, có thể phải chấp nhận việc đi xa bờ, xa bến hơn. Trường hợp khó khăn và nguy hiểm nhất khi tàu thuyền nằm ở nửa bên phải bão, phải nhanh chóng hướng tàu thuyền chạy ngược gió, hướng gió thổi tới mũi tàu và lệch phải mũi tàu khoảng 30 độ, điều đó là rất khó khăn khi máy đẩy của tàu thuyền không đủ mạnh, nhưng đó cũng là hành động cần thiết duy nhất để hi vọng thoát hiểm. Nếu tàu thuyền đang nằm ở nửa bên trái bão hoặc ở vị trí vùng gió bão mạnh đang di chuyển thẳng đến thì phải hướng tàu thuyền chạy xuôi gió, hướng gió thổi tới đuôi tàu và lệch trái đuôi tàu khoảng 30 độ. Trong quá trình điều khiển tàu thuyền thoát hiểm gió bão mạnh, tuyệt đối không cho tàu thuyền chạy dọc con sóng hoặc chạy ngang hướng gió, ở những tư thế này tàu thuyền dễ bị lật úp.

Tố, lốc, vòi rồng cũng là những hiện tượng vô cùng nguy hiểm đối với tàu thuyền đang hoạt động trên biển, những hiện tượng này thường xuất hiện ở những đám mây dông, phần mây phía dưới thường có màu đen, chân mây thấp. Những tàu thuyền trên biển cần nhanh chóng rời xa những khối mây này khi thấy chúng xuất hiện.

**PTS. ĐẶNG TRẦN DUY**

# Phương tiện cứu sinh

## Áo phao cứu sinh cá nhân

**Đ**ể bảo đảm an toàn cho lao động nghề cá khi hoạt động trên biển, việc trang bị các phương tiện cứu sinh trên các tàu cá là việc làm bắt buộc.

Phương tiện cứu sinh đã được Công ước quốc tế qui định về bảo vệ sinh mạng trên biển với mã số SOLAS.74.

Với Việt Nam, ngay từ năm 1995 đã được Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước (nay là Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường) ban hành tiêu chuẩn với mã số TCVN 4018-85.

Phương tiện cứu sinh có nhiều loại, trong bài viết này chúng tôi chỉ giới thiệu áo phao cứu sinh và phao tròn cứu sinh cá nhân trong qui phạm về phương tiện cứu sinh.

Áo phao cứu sinh và phao tròn cứu sinh mỗi loại đều có các tính năng riêng biệt.

**ÁO PHAO CỨU SINH:** Áo phao cứu sinh dùng để trang bị cho mỗi thành viên trên tàu trong quá trình đi biển. áo phao bảo đảm chất lượng phải thỏa mãn 6 yêu cầu:

1. Có khả năng loại trừ mọi rủi ro do mặc áo không đúng cách; bảo đảm khả năng mặc áo từ phía nước.

2. Bảo đảm cho người bị ngã xuống nước đã kiệt sức và bất tỉnh vẫn nổi, mặt quay lên phía trên và giữ người trên mặt nước sao cho mồm cao hơn mặt nước 12cm, thân người ngã về phía sau so với vị trí thẳng đứng một góc từ 20-50°.

3. Trong bất kỳ trường hợp nào cũng xoay thân người ở phía trong nước ngửa về phía sau, khi đó thời gian xoay đến lúc nổi mồm lên trong thời gian 5 giây.

4. Khi người nhảy từ độ cao 3m xuống nước, chân xuống trước, áo phao cứu sinh không bị xô dịch, không gây ra những cảm giác đau đớn cho người sử dụng.

5. Kết cấu áo phao cứu sinh phải bảo đảm cho người mặc quần áo mùa hè hay mùa đông đều mặc được áo phao cứu sinh một cách nhanh chóng và dễ dàng. Dụng cụ để buộc áo phao cứu sinh vào người phải đơn giản và với thời gian ít nhất. áo phao cứu sinh phải có màu da cam sáng.

6. Tính nổi của áo phao cứu sinh không được phép giảm 5 % sau khi ngâm vào trong nước

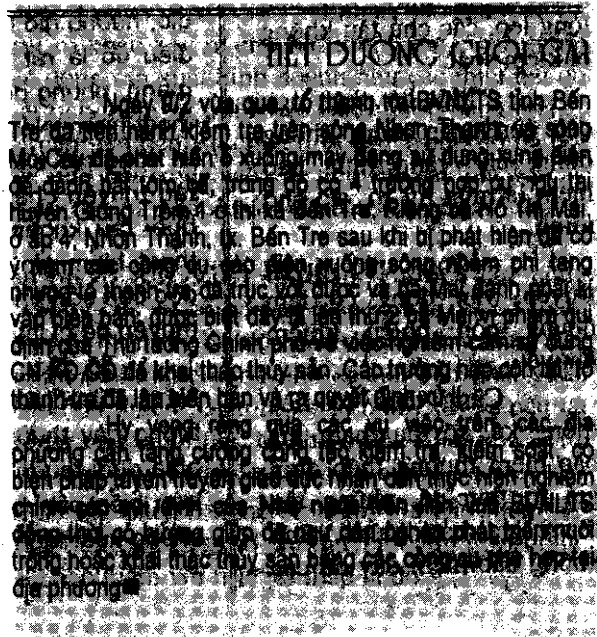
ngọt 24 h. Trên phao được trang bị một còi, một đèn hiệu.

**PHAO TRÒN CỨU SINH:** phao tròn cứu sinh dùng để cứu người khi rơi xuống nước và là loại phao có thể dùng thay thế phao bè cứu sinh đối với tàu cấp III. Số lượng phương tiện cứu sinh trên các tàu phụ thuộc vào công dụng và cỡ loại tàu. Phao tròn cứu sinh phải là loại khép kín, có đường kính trong không nhỏ hơn 400mm và không lớn hơn 450mm. Phao phải sơn màu da cam sáng trên toàn bộ phao hoặc màu trắng, đồ xen kẽ nhau. Phao phải có độ bền sao cho nó không bị hư hỏng khi ném xuống nước từ độ cao 25m. Phía ngoài của phao phải có dây vịn, có đường kính không nhỏ hơn 8mm, được gắn theo chu vi tại 4 chỗ cách đều nhau. Chiều dài của dây vịn không được nhỏ hơn 4 lần đường kính ngoài của phao. Dây cứu sinh đối với phao loại này phải có đường kính không nhỏ hơn 8mm và làm bằng vật liệu nổi và chiều dài 1/m được xác định theo công thức  $L = H + 10(m)$ , trong đó H là chiều cao từ vị trí bố trí phao tròn tới đường nước thấp nhất của tàu, không được nhỏ hơn 27,5 mm.

Phao tròn cứu sinh phải được nổi trong nước ngọt 24 h khi treo một khối lượng thép không nhỏ hơn 14,5 kg.

Trên phao còn được trang bị đèn tự cháy hoặc thiết bị sinh khói....

Áo phao cứu sinh và phao tròn cứu sinh phải ghi nhãn hiệu, trên đó có dấu của đảng kiểm hoặc của cơ quan quan khác được đảng kiểm uy quyền■



# Bình Thuận

## CHỈ THỊ 01 - nguồn tiếp sức mới cho công tác Bảo vệ nguồn lợi thủy sản



*Lập biên bản việc sử dụng chất nổ để khai thác thủy sản*

Bình Thuận là một trong những tỉnh trọng điểm nghề cá cả nước, có ngư trường giàu hải sản, được cả ngư dân nhiều tỉnh bạn cùng đến hoạt động đánh bắt gần như quanh năm.

Với tiềm năng đó, tất yếu sẽ đặt trước những người làm công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản (BVNLTS) của tỉnh nhiệm vụ nặng nề, khó khăn và phức tạp.

Bởi vậy, mặc dù là một Chi cục được hình thành và đi vào hoạt động sớm so với cả nước (1991), nhưng những công việc mà Chi cục BVNLTS đã làm được trong thời gian qua tuy đã nhiều nhưng vẫn chỉ là bước đầu và ở mức độ giới hạn, còn nhiều bộn bề công việc phải nỗ lực tiếp tục.

Chỉ kể 3 năm gần đây (1995-1997), cùng với các lực lượng phối hợp và những ngư dân tốt, lực lượng BVNLTS Bình Thuận đã tiến hành tổ chức kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, bắt giữ và xử lý theo pháp luật 4.646 vụ vi phạm. Riêng năm 1997, đã bắt và xử lý tổng số 1.375 vụ vi phạm, có 4 vụ sử dụng chất nổ đánh cá.

Nếu tính từ năm 1992 - 1997, lực lượng BVNLTS Bình Thuận đã phối hợp để bắt giữ và xử lý 40 vụ khai thác hải sản bằng chất nổ, bình quân mỗi năm gần 7 vụ. Như vậy trên phương

diện bề nổi, hiện tượng sử dụng chất nổ đánh cá gần đây ở Bình Thuận có giảm hơn trước. Đối tượng vi phạm rất tinh vi, xảo quyệt đã dùng những thủ đoạn khó phát hiện hơn như:

- Chỉ dùng lượng thuốc nổ nhỏ (0,1 - 0,2 kg/khối) để đánh, gây tiếng nổ nhỏ và không xuất hiện cột nước; cá chỉ lơ lờ mà không bể bụng, lồi mắt... như trước đây.

- Theo dõi lịch hoạt động của kiểm ngư để đối phó.

- Ngụy trang dưới nhiều hình thức (xoá số đăng ký, ngụy trang bằng ngư lưới cụ hợp pháp...) để cất giấu tang vật, khi bị phát hiện thì phi tang.

- Liều lĩnh, dùng thuyền nhỏ, trang bị thô sơ; nếu bị bắt, sẵn sàng bỏ phương tiện để trốn.

- Sử dụng nhiều thuyền có liên lạc bằng VTD với nhau, phân công bộ phận theo dõi và đánh lạc hướng tàu kiểm ngư; bộ phận đánh chất nổ, bộ phận thu vớt cá nhằm lẫn tránh và che dấu bớt hành vi vi phạm khi bị bắt.

Điều khó khăn cho công tác BVNLTS ở Bình Thuận là đối tượng đánh cá bằng chất nổ hầu hết là ở ngoài tỉnh như Khánh Hoà, Ninh Thuận, Quảng Ngãi (chiếm 70%) nên khi bắt giữ và xử lý đã gặp nhiều trở ngại cho cơ quan chức năng.

Để ngăn chặn tiến đến loại trừ tệ nạn này, được Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ tiếp thêm sức mạnh, Chi cục BVNLTS Bình Thuận đã đề xuất nhiều giải pháp vừa mang tính chiến lược lâu dài vừa giải quyết nhiệm vụ trước mắt như:

- Đã xây dựng kế hoạch triển khai việc cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản; ra thông báo số 01 ngày 05/1/1998 về "Một số qui định hiện hành trong lĩnh vực BVNLTS" đến với ngư dân trong tỉnh.

(tiếp trang 32)

# TỔNG ĐÀI NGHỀ CÁ

*nhu cầu bức xúc của ngư dân Bến Tre*

Cùng với sự phát triển của ngành thủy sản cả nước, ngành thủy sản Bến Tre có bước phát triển đáng ghi nhận, đã và đang là ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, sản lượng hải sản đánh bắt được ngày càng tăng. Trong 1.825 tàu thuyền nghề cá được đăng ký tại Chi cục BVNLTS đã có đến hơn 800 phương tiện có khả năng bám biển dài ngày, trong đó có 189 tàu có công suất từ 90CV trở lên. Ngoài ra từ nguồn vốn ưu đãi cho tàu khai thác xa bờ và vốn đóng, sửa chữa tàu để khắc phục hậu quả cơn bão số 5, khả năng sắp tới Bến Tre sẽ đưa vào hoạt động thêm từ 50 đến 60 tàu có công suất từ 90 đến 350 CV. Nhìn chung tàu thuyền trong tỉnh đang có xu hướng phát triển vươn dần ra khơi. Từ thực tế đó, nhu cầu về thông tin liên lạc trên biển là hết sức bức xúc, việc thành lập tổng đài nghề cá hiện nay là rất cần thiết, không chỉ giúp bà con ngư dân liên lạc được với đất liền để nắm các thông tin mà còn kịp thời bảo vệ tài sản của ngư dân khi có bão tố xảy ra. Tuy nhiên trong thời gian qua, việc thông tin liên lạc giữa các tàu và đất liền còn gặp nhiều khó khăn mà nguyên nhân chủ yếu là các thiết bị thông tin liên lạc trang bị trên tàu hầu hết

có công suất thấp từ 12 đến 15 watt, do đó chỉ có thể liên lạc giữa các tàu với nhau trong phạm vi hẹp. Các thông tin về ngư trường để khai thác có hiệu quả, giá cả sản phẩm cũng như mọi sinh hoạt trên đất liền ngư dân hầu như không nắm được, các thông tin về thời tiết chỉ nghe qua đài bán dẫn, do vậy khi các thông tin nhận được trên tàu không còn phù hợp với yêu cầu thực tế, thậm chí hiện nay tàu muốn liên lạc với đất liền phải qua nhiều máy để truyền thông tin từng đoạn quá là không tiết kiệm, mất thời gian và thiếu kịp thời.

Ngày nay, các tàu đánh bắt càng có xu hướng ra khơi xa hơn để khai thác so với trước đây, các dự án xây dựng cảng cá ở Ba Tri, Bình Đại khi được triển khai thực hiện sẽ phục vụ tốt cho đánh bắt hải sản xa bờ. Bên cạnh đó, việc trang bị một tổng đài trong hệ thống thông tin liên lạc cho nghề cá là rất cần thiết, nó giúp cho ngư dân nắm được các thông tin xuyên suốt giữa tàu và đất liền về khí tượng thủy văn, mùa vụ, cũng như các dịch vụ hậu cần cần thiết phục vụ trên biển như: giá cả sản phẩm từng thời điểm, chọn bến bãi để tàu cập bến bán sản phẩm hoặc mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ cho chuyến ra khơi tiếp theo để tiết kiệm được chi phí và thời gian, đặc biệt là khi xảy ra bão tố, cơ quan chuyên ngành sẽ có điều kiện thông tin kịp thời để các tàu thuyền đang khai thác ngoài khơi nắm bắt được diễn biến của thời tiết không rơi vào tâm bão, tránh được tổn thất đến mức thấp nhất.

Đây là vấn đề hết sức bức xúc mà trong thời gian qua ngư dân đã quan tâm mong mỏi. Rất mong các cơ quan chức năng nhanh chóng xem xét thành lập dự án khả thi góp phần đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ngành thủy sản Bến Tre ■



*Trạm bờ của Công ty dịch vụ thủy sản Tây Nam*

**HOÀNG NGUYỄN**

## WWF - CHIẾN DỊCH BẢO VỆ BIỂN VÀ DUY TRÌ CÁC NGUỒN CÁ

**B**iển rộng bao la, phủ hơn 70% diện tích bề mặt trái đất, luôn luôn biến động và chứa đựng sự sống của muôn loài. Phần lớn các loài sinh vật biển đóng vai trò quan trọng trong đời sống của con người: cung cấp cho chúng ta thức ăn, thuốc chữa bệnh và khoáng chất. Cá và các loài động vật biển cung cấp 14% lượng chất đạm động vật trên toàn thế giới, con người sử dụng 70% lượng chất đạm đó. Song trong nhiều năm qua, con người đã lạm dụng biển cả, khai thác nguồn cá biển, đầu độc biển bằng nhiều loại chất ô nhiễm và tàn phá các vùng ven biển. Kết quả là biển cả đang ở trong tình trạng bị đe dọa. Người Mỹ năm 1994 đã tiêu thụ một số lượng cá kỉ lục là 1,79 tỉ kg. Ở Trung Quốc, lượng tiêu thụ đã tăng gấp đôi trong vòng một thế kỉ qua. Ở các nước đang phát triển, gần 200 triệu người sống dựa vào nghề chài lưới. Nhưng số lượng cá đang giảm đi rõ rệt ở mọi nơi. Theo FAO, ít nhất 60% trong số 200 loài cá biển hàng đầu trên thế giới đã bị đánh bắt quá mức hoặc đã bị đánh bắt tới giới hạn. Cá biển bị đánh bắt nhanh hơn mức sinh sản của chúng. Thế giới đang bị kẹt trong một cuộc khủng hoảng của các công nghiệp hải sản mà sự khủng hoảng này đã vượt qua cả giới hạn chính trị và ảnh hưởng đến cả nước giàu lẫn nước nghèo. Từ Bắc Mỹ đến Indônêxia, nghề chài lưới đã hỗ trợ cuộc sống của các cộng đồng ven biển hàng thế hệ qua đang dần biến mất. Vấn đề còn tồi tệ hơn, nhiều bằng chứng ngày càng cho thấy rằng các hoạt động đánh bắt cá có ảnh hưởng đến môi trường biển. Các thiết bị đánh bắt cá như lưới ngầm, lưới cỡ lớn làm hại tới các hệ sinh thái biển và làm giảm đa dạng sinh học biển. Ở Việt Nam, một số nơi còn dùng chất nổ, xung điện, chất độc để bắt hải sản thì hậu quả còn tệ hại hơn nhiều.

Vấn đề trở nên cấp bách đến mức Quỹ quốc tế về Bảo tồn thiên nhiên (WWF) đã phát động một chiến dịch lớn trên thế giới nhằm cứu vãn nguồn cá và các hệ sinh thái mà sự tồn tại của các loài cá phụ thuộc vào. Năm 1995, chiến dịch của WWF đã dành được thắng lợi khi kêu gọi Đại hội đồng Liên hợp quốc hành động khẩn cấp chống lại việc khai thác cá quá mức bằng cách khuyến khích các quốc gia đứng đầu về thủy sản kí vào Hiệp ước của Liên hợp quốc về các nguồn cá. Hiệp ước này đặt ra các tiêu chuẩn quốc tế mới cho việc bảo tồn cá biển và đã mở ra con đường cho những khu vực khai thác cá bền vững hơn, đặc biệt ở những khu công hải (vùng biển quốc tế). Đến nay đã có 59 nước đã ký vào Hiệp ước, trong đó có 4 nước (Mỹ, Nga, NaUy và Ai-len) trong số 20 nước đứng đầu trên thế giới về thủy sản đã phê chuẩn Hiệp ước. Cần phải có ít nhất 30 quốc gia phê chuẩn, Hiệp ước này mới có hiệu lực.

Hiệp ước cũng yêu cầu các quốc gia hợp tác với nhau và các tổ chức khu vực trong việc quản lý ngành thủy sản; khuyến khích việc sử dụng các công cụ đánh bắt "sạch" và không mang tính phá hoại; uỷ thác cho ngành thủy sản tư giáp mặt với sự kiểm tra của công chúng; và có được các bộ máy giải quyết các tranh chấp được thiết lập để ngăn chặn "các cuộc chiến tranh về cá trong tương lai".

Là một tổ chức phi Chính phủ, WWF đã và đang hoạt động tích cực nhằm đảm bảo bởi các Chính phủ và các tổ chức khu vực nhanh chóng phê chuẩn và thực thi Hiệp ước này trên toàn thế giới. Năm 1998 là "Năm quốc tế Đại dương" nên WWF đang tích cực phát động chiến dịch trên toàn thế giới với mục đích:

Một là: Cho đến năm 2000 thiết lập các kế hoạch phục hồi có hiệu quả cho các loài cá biển chủ yếu đang bị đe dọa.

Hai là: Đưa ra các sáng kiến về kinh tế cho việc đánh bắt cá bền vững vào năm 2000.

Ba là: Giảm hoặc bỏ những phương thức đánh bắt cá mang tính huỷ diệt và tình trạng đánh bắt ngẫu nhiên các loài sinh vật biển trên toàn thế giới vào năm 2005.

Để đạt mục đích trên, WWF đã đề ra các hoạt động trong chiến dịch là:

- Cơ quan giám sát tình hình buôn bán động vật hoang dã của WWF-TRAFFIC đang thực hiện một nghiên cứu lớn về buôn bán vây, da và sụn cá mập trên thế giới. Cá mập và các loài cá lớn sống ở tầng nước mặt như cá ngừ và cá kiếm đang ngày càng bị đe dọa do khai thác quá mức.

- WWF đang vận động Uỷ ban quốc tế về bảo tồn cá ngừ Đại Tây Dương giảm chỉ tiêu đánh bắt quá mức đối với cá ngừ và cá kiếm.



- WWF đang phát triển một chiến lược và một loạt các hoạt động nhằm giảm bớt áp lực của Chính phủ và các động cơ kinh tế khác dẫn đến đánh bắt cá không bền vững.

- WWF đang cố gắng giảm sử dụng chất độc và chất nổ của ngư dân trên các rạn san hô ở vùng nam Thái Bình Dương.

- WWF đang hoạt động với các cơ quan của Chính phủ Ôxtrâyliya và ngành công nghiệp hải sản để loại trừ việc đánh bắt vô tình các loài chim hải âu lớn và các loài chim biển khác trong khi đánh bắt cá ngừ, sau khi đưa ra 1 bản báo cáo của WWF về vấn đề đó.

- WWF đang nghiên cứu tiềm năng xây dựng một cơ quan đưa ra tiêu chuẩn chứng nhận cho các cơ quan đánh bắt cá mang tính bền vững ■

**ANH ĐÀO**

(Theo tài liệu của WWF)

## Bình Thuận ...

(tiếp trang 29)

- Chuẩn bị sẵn sàng 5 tàu kiểm ngư, 2 canô cao tốc và các trang thiết bị khác phục vụ công tác tuần tra, kiểm soát trên biển; và đã phối hợp với lực lượng biên phòng tổ chức các chuyến kiểm tra trên biển, cùng những hiện tượng khả nghi trước khi rời bến đi hoạt động tại các cửa lạch. Kiểm tra thường xuyên ở các khu vực được xác định là nơi thường xảy ra vi phạm theo từng mùa vụ.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình cũng đã xuất hiện những vấn đề mà chúng tôi cần kiến nghị lên cấp trên xem xét và giúp đỡ như:

- Chính phủ cần bổ sung thêm kinh phí để tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát trên biển ở khu vực xa bờ (là nơi bọn đánh chát nổ đang "vươn" ra) với thời gian dài ngày hơn thì mới đạt hiệu quả. Đồng thời Chính phủ cần chỉ đạo

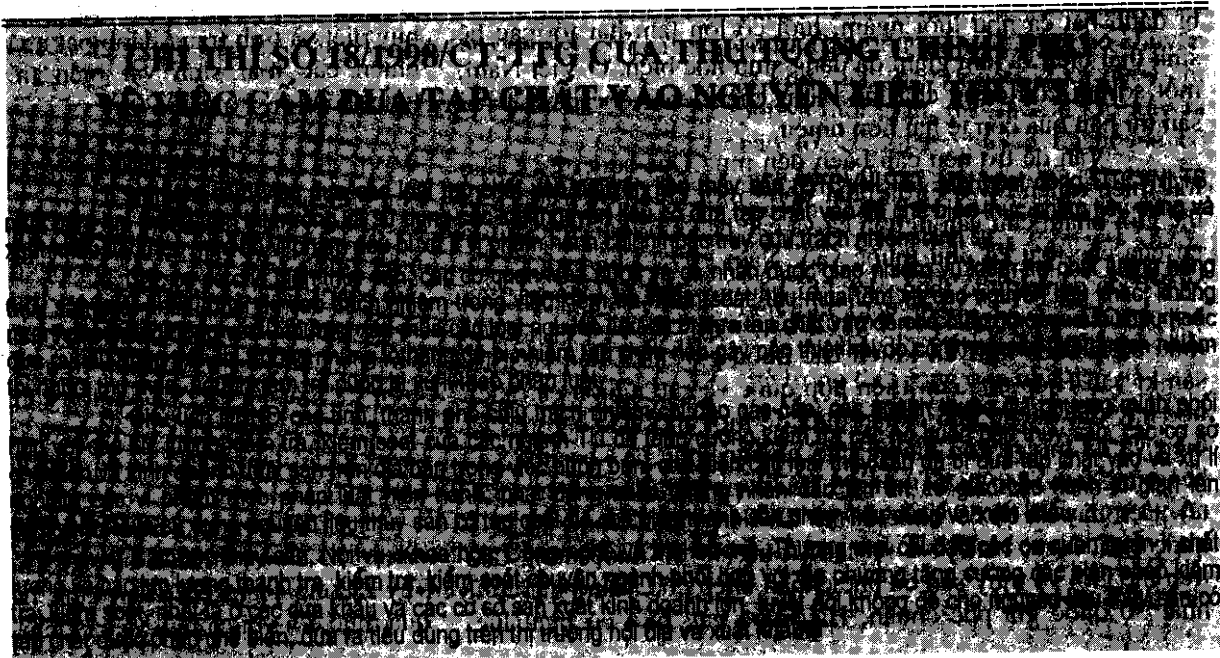
các ngành chức năng thực hiện nghiêm túc Nghị định 47/CP về quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ để triệt tiêu nguồn cung cấp phương tiện cho hành vi phạm pháp.

- Sửa đổi và bổ sung Khoản 6, Điều 6 Nghị định 48/CP: phạt tiền từ 02 triệu đồng đến 05 triệu đồng đối với một vụ vi phạm về vận chuyển, chế biến, tiêu thụ các loại thủy sản do đánh chát nổ mà có, đồng thời tịch thu tang vật và phương tiện vận chuyển thay vì trước đây phạt theo số lượng (kg) thủy sản.

- Sửa đổi việc áp dụng Điều 95 và 96 Bộ luật hình sự: tàng trữ, mua bán từ 0,2 kg thuốc nổ trở lên thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự, thay vì trước đây là từ 01 kg trở lên.

Với tinh thần và sức mạnh mới của Chỉ thị 01/1998 của Chính phủ, đã trang bị thêm năng lực cho cán bộ và nhân viên chi cục BVNLTs Bình Thuận vươn lên, phấn đấu đạt những thành tích mới trong sự nghiệp "giữ biển" của mình ■

**TRẦN TRỌNG THƯƠNG**



## Hoạt động bảo vệ nguồn lợi thủy sản

● CỤC BVNLTS SẼ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC hướng ứng "Năm quốc tế Đại dương" như Hội thảo khoa học về bảo vệ nguồn lợi và môi trường thủy sản bền vững; xây dựng và phát hành tập bản đồ bảo vệ nguồn lợi thủy sản; xây dựng phim phóng sự "Trình diễn mô hình nuôi tôm bảo vệ môi trường thủy sản". Ngoài ra, Cục sẽ phối hợp với một số tổ chức quốc tế tổ chức các lớp tập huấn về truyền thông cho cán bộ tuyên truyền thuộc các Chi cục để tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục ngư dân về bảo vệ nguồn lợi và môi trường sống thủy sản.

### CẦN THƠ

Trong quý I/1998, Chi cục đã triển khai phổ biến rộng rãi Chỉ thị 01/1998/CT-TTg ngày 2/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ về chống sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời tiếp tục triển khai Quyết định 2232/QĐ UBT.97 và hướng dẫn 367/CV.NN.97 về BV&PTNLTS trong tỉnh. Đã phát hành 5.000 tài liệu bướm về công tác BVNLTS đến từng phường, xã và cho đến nay mọi người đều có hiểu biết nhất định, nhận thức được tầm quan trọng của công tác này. Chi cục cũng có những biện pháp xử lý kiên quyết đối với các đối tượng vi phạm Pháp lệnh BV&PTNLTS như: tịch thu, huỷ bỏ 1.509 bộ xung điện (dân tự giao nộp 141 bộ); xử lý hành chính 21 ghe cào có dynamo, 5 cơ sở bán bộ xung điện ở huyện Thốt Nốt và Mĩ Khánh, cảnh cáo 1 vụ dùng điện rã cá, 19 đối tượng cam kết không dùng xung điện; phạt 1 vụ về vi phạm kiểm dịch giống thủy sản.

Để thực hiện tốt công tác phát triển nguồn lợi thủy sản, qua tổ chức Hội nghị thủy sản ngày 27/2/1998, Chi cục rút kinh nghiệm công tác thủy sản năm 1997 và chuẩn bị kế hoạch năm 1998. Hiện nay, với phong trào nuôi thủy sản ngày càng phát triển rộng rãi (diện tích nuôi quý I/98 đạt 3.800 ha chiếm 28,3% kế hoạch nuôi thủy sản cả năm), Chi cục có những hoạt động như: hỗ trợ trại tôm Long Mỹ chuẩn bị sản xuất tôm càng xanh bột, soạn tài liệu kỹ thuật phổ biến kỹ thuật nuôi và kết hợp với khoa Nông nghiệp Đại học Cần Thơ chuẩn bị đề tài "Bảo vệ và phát triển nguồn lợi cá tự nhiên ở tỉnh Cần Thơ" nhằm tái tạo nguồn lợi thủy sản tự nhiên.

### AN GIANG

Làm tốt công tác tuyên truyền, thanh kiểm tra về BV&PTNLTS, triển khai Chỉ thị 01/1998/CT-TTg ngày 2/1/1998 của Thủ tướng Chính phủ về chống sử dụng CN, XD, CD để khai thác thủy sản nên đã có những chuyển biến rõ rệt. Kết quả là hoạt động bàng cào điện trên các tuyến sông chính giảm nhiều, trong 47 vụ vi phạm nghề cào mà Chi cục phát hiện chỉ có 19 vụ có sử dụng điện, các tang vật vi phạm đã được tạm giữ để xử lý.

Chi cục đã tiến hành cấp được 36 giấy phép hoạt động nghề cá, thẩm định và gia hạn cho 353 bè nuôi cá, 57 giấy hoạt động cho bè nuôi cá mới, 9 trại nuôi thủy đặc sản, 15 tàu chở cá. Ngoài ra, Chi cục cũng theo dõi các điểm trình diễn nuôi cá ao, hướng dẫn phòng trị bệnh cho cá, bè, ao nuôi cá. Tiền hành kiểm dịch được 1.035 tấn thủy sản và 155.000 con cá giống. Sang quý II/1998, Chi cục sẽ tổ chức 3 lớp tập huấn kỹ thuật nuôi cho ngư dân trong tỉnh và một số các hoạt động tăng cường công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản trong toàn tỉnh.

### TIỀN GIANG

Trên cơ sở Pháp lệnh BV&PTNLTS và các văn bản pháp qui có liên quan cùng với kết quả của đề tài: "Đánh giá nguồn lợi thủy sản tỉnh Tiền Giang" được thực hiện từ năm 1994-1997, Chi cục BVNLTS, Sở NN&PTNT đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Quy định tạm thời về quản lí, BV&PTNLTS trên địa bàn tỉnh Tiền Giang theo Quyết định 2996/QĐ.UB ngày 28/10/1997. Đến ngày 02/01/1998 Sở NN&PTNT đã có hướng dẫn số 05/HD.NNPTNT hướng dẫn thực hiện quyết định này.

"Quy định tạm thời về quản lí, BV&PTNLTS trên địa bàn tỉnh Tiền Giang" là cơ sở pháp lí cụ thể theo đặc điểm tình hình của địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương các cấp thực hiện tốt hơn công tác quản lí, BV&PTNLTS của tỉnh nhà trong thời gian tới.

Sau khi các văn bản trên được ban hành, bước đầu Chi cục đã tổ chức quán triệt đến 674 đại biểu đại diện chính quyền địa phương và các ban ngành đoàn thể trong toàn tỉnh.

### BẾN TRE

Thực hiện chương trình đánh bắt xa bờ, Bến Tre đã được Nhà nước đầu tư 10 tỉ đồng. Trong đó 8,7 tỉ đồng được giải ngân để đóng 8 tàu đánh cá xa bờ.

Ngày 08/4/1998, chiếc tàu đầu tiên tàu có công suất 370CV với đầy đủ trang thiết bị hàng hải hiện đại với tổng kinh phí đầu tư trên 1,6 tỉ đồng, chủ đầu tư Phạm Văn Nhì, cư ngụ tại ấp 6, Quới Sơn, huyện Châu Thành đã được nghiệm thu và đưa vào sử dụng. Tàu do Chi cục BVNLTS Bến Tre và Cục BVNLTS phối hợp giám sát kĩ thuật. Xí nghiệp 1-5 (Tiền Giang) thi công. 7 chiếc còn lại cũng đã đóng xong, chuẩn bị nghiệm thu và đưa vào hoạt động.

Được biết, ngoài nguồn vốn 10 tỉ đồng, Bến Tre còn được cấp vốn ưu đãi khắc phục hậu quả cơn bão số 5 với tổng số tiền là 36,8 tỉ đồng để đóng mới và sửa chữa tàu thuyền bị hư hại, 14 chủ đầu tư đang được hướng dẫn làm thủ tục xin vay.

*Tin BVNL của Hồng Liên, Hoàng Nguyên, Kim Hạnh*

# Trà Vinh

## Tôm nuôi bị chết & biện pháp khắc phục

**D**ầu năm 1998 đến nay Trà Vinh đã thả nuôi gần 150 triệu tôm giống, tăng gấp 2,5 lần so với cùng kì năm 1997. Số tôm nuôi thả đợt đầu trên 2 tháng tuổi hiện phát triển tốt, số tôm còn lại đang được chăm sóc và phát triển bình thường. Tuy nhiên, qua thống kê đến nay đã có 350 hộ có tôm nuôi bị chết. Nguyên nhân tôm bị chết là do một yếu tố sau:

- Thời tiết năm nay có hiện tượng bất thường, nắng nóng kéo dài, nhiệt độ nước và độ mặn lên cao, chênh lệch thủy triều giữa nước kém và nước cường quá lớn, môi trường bị biến động làm tôm nuôi bị "sốc" dẫn đến chết hoặc suy yếu

- Qua phân tích của Viện nghiên cứu nuôi trồng thủy sản II về các mẫu tôm và nước ở huyện Duyên Hải thì hầu hết trong nước sông, rạch và ao nuôi đều có vi khuẩn Vibrio Spp. Và virus SEMBV gây bệnh đốm trắng với mật độ vừa và cao, nếu tôm nuôi có sức khỏe yếu sẽ bị mầm bệnh tấn công.

- Một số hộ nuôi tôm xây dựng ao nuôi không đủ tiêu chuẩn kĩ thuật, không có ao lắng lọc trừ nước, độ sâu ao nuôi không đủ để giữ mức nước cần thiết, nên khi nước kiệt thì thiếu nước làm tôm bị sốc nhiệt. Bờ ao không chắc chắn và đủ độ cao, khi nước cường thì nước tràn bờ làm môi trường biến động, tôm suy yếu hoặc bị trôi theo dòng nước ra sông, rạch.

Trước tình hình nêu trên, thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh, ngành thủy sản Trà Vinh đã họp Ban Chỉ đạo nuôi tôm sú vùng ngập mặn với đủ thành phần ở các huyện ven biển và các cơ quan chuyên môn trực thuộc, phân công cán bộ kĩ thuật bám sát địa bàn, theo dõi tình hình sức khỏe tôm nuôi, tập huấn kĩ thuật phòng trị bệnh tôm, thu mẫu tôm, mẫu nước nơi có hiện tượng tôm chết đi phân tích ở Tp. Hồ Chí Minh. Thành lập tổ chuyên môn giám sát về bệnh tôm, cử những cán bộ kĩ thuật hàng đầu của ngành đảm nhiệm, thường xuyên theo dõi, phân tích kết luận để thông báo đến các cơ quan quản lí và bà con nông

dân để phòng trị bệnh, không để bệnh lan ra ở diện rộng.

Khắc phục các nguyên nhân trên, hạn chế thiệt hại do tôm bệnh chết, Sở Thủy sản đã có một số khuyến cáo:

+ Hiện tượng nắng nóng còn tiếp tục kéo dài, thời tiết sẽ còn diễn biến thất thường, để hạn chế bớt rủi ro, đề nghị bà con nông dân nuôi tôm cần phải xây dựng hoặc tu sửa ao trữ lắng lọc nước, tôn cao bờ bao, có máy bơm dự phòng, thay nước ao nuôi tôm qua ao lắng, không được trực tiếp thay nước từ bên ngoài sông rạch vì môi trường bên ngoài có lúc xấu và có mầm bệnh.

+ Theo dõi sát tình hình diễn biến môi trường do cơ quan chuyên môn thông báo để có kế hoạch quản lí nguồn nước ao nuôi, sức khỏe tôm nuôi theo đúng kĩ thuật mà ngành chuyên môn hướng dẫn.

+ Chuẩn bị sẵn vôi bột để bón ao và bờ ao khi cần thiết để chống phèn từ bờ ao đổ xuống trong những cơn mưa đầu mùa.

+ Chăm sóc tôm nuôi trong giai đoạn sau 2 tháng nuôi bằng thức ăn có đủ dinh dưỡng và kích cỡ phù hợp, cho tôm ăn đúng liều lượng, quản lí chế độ thức ăn bằng cách cho ăn từ hơi thiếu đến vừa đủ, tránh để thức ăn thừa làm ô nhiễm môi trường. Thường xuyên kiểm tra sức khỏe tôm nuôi, nếu thấy có hiện tượng bất thường thì báo ngay đến cơ quan kĩ thuật gần nhất hoặc chính quyền địa phương để được hướng dẫn xử lí.

+ Đối với những hộ có ao tôm bị tràn bờ vừa qua, cần phải sửa chữa tôn cao bờ ao, xử lí thu gom các chất cặn bã, cỏ rác, kiểm tra lượng tôm còn lại trong ao, xử lí thuốc ngăn ngừa dịch bệnh, cho ăn thích hợp theo đúng lượng tôm còn lại trong ao.

+ Các ngành chức năng nhất là Phòng Nông nghiệp huyện, Trung tâm Khuyến ngư kết hợp với Ban chỉ đạo nuôi tôm sú vùng ngập mặn, thường xuyên quan trắc môi trường và thông báo

rộng rãi bằng mọi phương tiện đến người nuôi tôm kịp thời để chủ động trong chăm sóc, quản lí tôm nuôi. Tiếp tục thu mẫu tôm bệnh, mẫu nước để phân tích tìm nguyên nhân chính xác có kế hoạch phòng ngừa kịp thời.

+ Nếu phát hiện ao nuôi đang bệnh nặng, trị bệnh không có hiệu quả cần phải đóng cống và

dùng Chorin để huỷ diệt, nhằm tránh lây lan rộng ra bên ngoài.

+ Trung tâm Khuyến ngư và Chi cục Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cần tập trung cán bộ kĩ thuật, bám sát địa bàn để hướng dẫn nhân dân phòng trị bệnh và sẵn sàng dập tắt các ổ dịch không để lan ra diện rộng ■

TRẦN HOÀNG PHÚC

## KĨ THUẬT NUÔI CÁ BỔNG TƯỢNG

**C**á bống tượng tên khoa học *Oxyleotrix marmoratus*, sống ở tầng đáy trong các thủy vực nước ngọt như sông, ngòi, đầm, hồ và có thể sống nước lợ có độ mặn 15‰, ăn động vật. Là đối tượng có giá trị kinh tế cao vừa là cá thực phẩm vừa là cá cảnh. Cũng chưa đáp ứng được cầu nên gần đây phong trào nuôi cá bống tượng phát triển nhất là các tỉnh Nam Bộ, một số tỉnh miền Trung cũng bắt đầu nuôi. Do nguồn giống tự nhiên ngày càng khan hiếm, do nhu cầu thị trường nên việc nghiên cứu sinh sản nhân tạo loài cá này đã có kết quả. Bài viết này xin giới thiệu một số kĩ thuật nuôi cá bống tượng.

### NUÔI TRONG LỒNG BÈ

**1. Vị trí đặt lồng:** Lồng đặt ở sông, kênh rạch. Nơi đặt lồng phải sâu, mặt trên của lồng nổi cách mặt nước 0,2-0,4m, mặt dưới của lồng cách đáy sông, kênh rạch ít nhất 0,4m nơi có dòng chảy 0,2 - 0,3m/giây, là phù hợp, nguồn nước trong sạch. Không đặt quá dày, lồng nọ cách lồng kia 4-5m, đặt so le để nguồn nước chảy vào lồng luôn sạch.

**2. Vật liệu và cách làm lồng:** Khung lồng thường làm bằng gỗ tốt như gỗ sao, chổi, hoặc tre. Bao quanh khung lồng để giữ cá có thể làm bằng gỗ, tre hoặc lưới thép. Khoảng cách các thanh gỗ tre hoặc mắt lưới thép dày hay mỏng cũng tùy thuộc vào cỡ cá thả. Vật liệu làm lồng phải được phơi khô, bào vót, nhả để tránh xây xước cho cá. Phao để giữ cho lồng có độ nổi ổn định là thùng phuy, thùng nhựa hoặc tre nửa bó lại.

Thể tích lồng không nên đóng lớn, có 2 loại được dùng phổ biến, loại lớn có kích thước dài 6m, rộng 3m, cao 2m; loại nhỏ tương ứng là 3x2 x 1,5m.

Giữ cho lồng ổn định, người nuôi thường neo hoặc cọc. Để thả, chăm sóc, thu hoạch cá,

mặt trên của lồng để lại một cửa có qui cách 0,6 x 0,6m.

**3. Thả giống, thức ăn:** Cá nuôi phải đều, khỏe mạnh, không tróc vảy, xây sát, bệnh tật, cỡ giống thả tốt nhất từ 100 đến 150 g/con, với mật độ từ 50 đến 70 con/m<sup>3</sup>. Trước khi thả, để phòng bệnh cần tắm cho cá bằng nước muối có nồng độ 2-3‰ từ 3-5 phút.

Thức ăn là tôm, cá, tép, ốc... còn tươi. Cá lúc còn nhỏ thức ăn phải xay nhỏ trộn với cám hoặc bột gạo, ngô cho, khi cá đã lớn tùy theo khối lượng cơ thể mà thái nhỏ hoặc để nguyên con cho ăn.

**4. Chăm sóc, quản lí, thu hoạch:** Thường xuyên kiểm tra lồng, nếu hư hỏng phải sửa ngay để cá không bị thất thoát ra ngoài. Thấy cá bị bệnh hoặc xây sát phải tách riêng để điều trị, môi trường nước bất lợi cho cá phải chuyển lồng đến nơi thích hợp.

Cá nuôi 6-7 tháng đạt khối lượng 400g/con trở lên có thể thu hoạch. Loại nhỏ hơn nuôi tiếp. Để tránh cho cá xây sát trong thu hoạch, dùng vợt hoặc lưới để bắt cá.

### NUÔI CÁ TRONG AO

**1. Vị trí ao nuôi:** Ao nuôi phải gần nguồn nước để tiện cho việc cấp, thoát nước. Ao nuôi phải là ao đất thịt hoặc đất thịt pha sét. Diện tích ao nuôi 200-500m<sup>2</sup>, hình chữ nhật, độ sâu 1,5-2m.

#### 2. Cải tạo ao:

Trước khi đưa cá vào nuôi, ao phải tháo cạn nước, diệt cá dữ, cá tạp. Tu sửa bờ ao chắc chắn, vét bùn đáy ao (giữ lớp bùn đáy ao không quá 20cm), dọn sạch bụi rậm, cỏ quanh ao.

Dùng vôi bột với liều lượng 7-10kg/100m<sup>2</sup> rắc khắp đáy và bờ ao để tẩy ao. Ao nuôi có phèn nhiều cần bón tăng lên.

Do tập tính của cá bống tượng thích sống nơi hang hốc, nên ở đáy ao cần đặt các gốc cây để làm chỗ trú ẩn cho cá.

Để tăng độ màu của ao, dùng phân gia súc, gia cầm và phân xanh bón lót. Liều lượng, phân gia súc, gia cầm bón 30-40kg/100m<sup>2</sup>, phân xanh 50-60kg/100m<sup>2</sup>.

### 3. Thả giống, chăm sóc, quản lý

Chọn và xử lý cá giống như nuôi trong lồng bè, cá giống loại 60-70g/con là thả được, mật độ thả 8-10con/m<sup>2</sup>, nếu cá lớn hơn thả 5-7 con/m<sup>2</sup>.

Để phòng bệnh gây hại cho cá, trước khi thả giống xuống ao cần tắm cá bằng dung dịch nước muối 3-5%, từ 3-5 phút.

Thả cá lúc sáng sớm hoặc chiều mát.

Nguyên liệu làm thức ăn, cách chế biến, liều lượng và cách cho cá ăn như nuôi trong lồng bè, nhưng giàn cho cá ăn cần làm 4-5 điểm vì diện tích ao nuôi lớn hơn nuôi trong lồng.

Thường xuyên kiểm tra bờ, cống, lưới chắn để bảo đảm an toàn cho cá và thay nước định kì để nước trong ao luôn sạch.

4. Thu hoạch: Cá nuôi 8-10 tháng đạt qui cỡ như nuôi trong lồng là thu hoạch, cá nhỏ hơn giữ lại nuôi tiếp. Để thu hoạch dễ dàng, trước khi bắt cá cần tháo bớt nước, dùng lưới để bắt cá ■

VIỆT HÙNG

**T**rong những năm vừa qua, nghề nuôi trồng thủy sản ở tỉnh miền núi Sơn

La có rất nhiều cố gắng và

đã đạt được những kết quả nhất định. Vào những năm đầu chuyển đổi cơ chế, sản xuất cá giống tại hầu hết các tỉnh miền núi bị trì trệ, nhiều trại cá giống bị phá sản hoặc thua lỗ, nhưng ở Sơn La sản xuất cá giống vẫn đứng vững. Đến nay, tỉnh đã xây dựng được một mạng lưới cá giống gồm 6 trại cá có diện tích mặt nước trên 15ha, trong đó 4 trại có các công trình cho cá đẻ nhân tạo có thể sản xuất cá giống đủ cung ứng cho nhu cầu nuôi cá của nhân dân trong tỉnh và một phần cho tỉnh bạn. Nhiều trại cá giống làm ăn có lãi, lương bình quân trên 600.000đ/người/tháng.

Phong trào đào ao nuôi cá phát triển rất mạnh, nhờ đó, diện tích hoang hóa giảm dần, năng suất nuôi thả bình quân đạt 1,67 tấn/ha/năm. Có những gia đình đạt năng suất 5-10 tấn/ha/năm. Song song với nuôi cá ao hồ, hình thức nuôi cá lồng bè trên sông suối và hồ sông Đà cũng được phát triển, có năm lên đến gần 800 chiếc, sản lượng trung bình 200-300kg/lồng/năm. Nhờ phát triển các hình thức nuôi cá và chú trọng thâm canh, sản lượng cá nuôi ở Sơn La ngày một tăng, năm 1997 đạt 1.600 tấn. Nghề nuôi thủy đặc sản như ba ba, lươn cũng bắt đầu phát triển, có những hộ đạt 30-50 triệu đồng doanh thu một năm. Với những kết quả trên, Sơn La được Bộ Thủy sản đánh giá là tỉnh có phong trào nuôi trồng thủy sản phát triển trong các tỉnh phía Bắc.

## TỈNH MIỀN NÚI SƠN LA

### *làm gì để phát triển nuôi trồng thủy sản*

Tuy vậy, nghề nuôi thủy sản ở Sơn La vẫn còn không ít khó khăn. Trước hết là vốn, do thiếu vốn, ao hồ không được cải tạo và xây dựng kiên cố dễ bị phá hỏng. Giống chưa được đầu tư thỏa đáng. Thức ăn cũng chưa được đầu tư, chủ yếu dùng thức ăn tận dụng nên năng suất nuôi thả thấp. Cũng do thiếu vốn, tình trạng mua giống chịu, nợ dầy dụa khó đòi đã gây khó khăn cho các cơ sở sản xuất giống. Một khó khăn nữa là dịch bệnh; bệnh đốm đỏ lở loét là lực cản đáng kể trong việc phát triển nuôi cá. Ở Sơn La do độ dốc cao, thiên tai lũ lụt thường gây thiệt hại cho người nuôi cá; nhưng đây là khó khăn bất khả kháng, chỉ có thể hạn chế bằng cách xây dựng ao hồ kiên cố, có hệ thống thoát lũ và dâng chắn tốt. Dân cư phân bố phân tán, đường giao thông chưa phát triển cũng gây trở ngại cho việc cung ứng giống cũng như tiêu thụ sản phẩm. Sự hiểu biết về nuôi cá của người dân còn bị hạn chế, phần nhiều nuôi theo kinh nghiệm. Công tác chỉ đạo vĩ mô chưa được chú trọng, lực lượng cán bộ quản lý nhà nước còn rất mỏng, chủ trương đầu tư phát triển thủy sản còn chưa tương xứng với tiềm năng một tỉnh có trên 8.000 ha mặt nước....

Để khai thác tiềm năng thế mạnh nuôi cá của tỉnh, đặc biệt là phục vụ tốt công trình thủy điện Sơn La và chuẩn bị cho việc khai thác mặt nước hồ Sơn La - khi nhà máy thủy điện khổng lồ này được

xây dựng, tỉnh miền núi Sơn La cần làm gì để phát triển nuôi trồng thủy sản?

Về sản xuất giống. Tiếp tục hoàn thiện các cơ sở sản xuất giống theo hướng kiên cố hóa cơ sở vật chất để giảm nhẹ sức lao động và giảm chi phí sửa chữa. Tiếp cận công nghệ mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất giống để hạ giá thành sản phẩm giống. Bổ sung giống cá và giống thủy sản mới đưa vào sản xuất nhằm đáp ứng nhu cầu của nhân dân và của thị trường.

Về thức ăn, phòng trừ dịch bệnh phục vụ nuôi cá thương phẩm. Cần phát triển nhiều hình thức nuôi như nuôi cá ao hồ, nuôi cá lồng bè và nuôi cá ruộng. Trước mắt cần tập trung nuôi thâm canh ao hồ, từng bước mở rộng nuôi cá lồng bè và nuôi cá ruộng kết hợp với trồng lúa. Chuyển nhanh từ nuôi cá thâm canh trình độ thấp sang nuôi cá thâm canh trình độ cao, tiến tới nuôi bán công nghiệp và công nghiệp. Kết hợp sử dụng các giống cá nuôi truyền

thống và các giống cá du nhập có khả năng chống chịu dịch bệnh, chịu thâm canh như rô phi "mới" đơn tính, trê lai, chép lai. Nhanh chóng đưa công nghiệp chế biến vào nuôi trồng thủy sản khi sản lượng thu hoạch cho phép. Từng bước phổ cập ứng dụng thức ăn công nghiệp trong nuôi cá, tiến tới sản xuất thức ăn nuôi cá tại chỗ. Vấn đề bệnh đốm đỏ lở loét cần phải được khắc phục bằng luân canh nuôi thả các giống cá mới như rô phi đơn tính, chép lai, trê lai với các giống cá truyền thống.

Làm tốt các vấn đề nêu trên, đồng thời có kế hoạch cho người nuôi cá vay vốn với lãi suất hợp lý, sẽ tạo ra nguồn thực phẩm dồi dào, tại chỗ, nguồn hàng xuất khẩu phong phú, góp phần xoá đói, giảm nghèo. Trên cơ sở đó công nghiệp chế biến của Sơn La sẽ hình thành - trong xu thế công nghiệp hóa, hiện đại hóa các ngành sản xuất của tỉnh ■

**DƯƠNG VĂN LANG**

## KHOẺ SẠC nhờ nuôi cá lóc

Là một xã thuộc huyện Tam Nông (Đồng Tháp), Phú Thọ đang phát triển nghề nuôi cá lóc trong ao ruộng. Hiệu quả kinh tế từ nghề nuôi cá này khá cao. Cá lóc đang giúp người nông dân trở thành triệu phú. Bí quyết nuôi cá lóc ở Phú Thọ thành công là: Cá giống được thả nuôi trong giai (vèo) bằng lưới cước. Cứ 10 ngày phải tuyền lựa một lần, bắt cá lớn chuyển sang giai khác nuôi. Cá lóc là loài cá dữ nên chỉ cần chênh lệch nhau với tỉ lệ 1/1,7 là cá lớn ăn thịt cá bé. Gạn lọc suốt 2 tháng như vậy mới tránh được cái nét dữ dằn có thể ăn thịt lẫn nhau của chúng.

Thức ăn cho cá lóc thả nuôi trong giai là cá con say nhuyễn trộn với bột gòn làm chất kết dính. Khi cá đạt kích cỡ giống lớn thả ra ao ruộng thì không cần say nhuyễn thức ăn nữa. Trước mùa nước đổ, nguồn thức ăn cho cá lóc là cá biển vụn khoảng 2.000đ/kg. Tới mùa "nước đổ", cá linh tràn đồng, thả hồ cho cá lóc "xơi". Vừa dứt mùa nước đổ thì tết tới nên cá lóc tấp ao mấp ú, đầy mỡ. Cá lóc Đồng Tháp mỗi con từ 0,5kg trở lên đã có giá không dưới 20.000đ/kg. Với giá đó, mỗi ao địa có diện tích 1.000m<sup>2</sup> thả 2 ngàn con cá giống, sau thời gian 9 tháng (từ đầu mùa mưa đến tết). Số lãi lên đến hàng chục triệu đồng. Đối

chiều diện tích, thời gian, công sức bỏ ra so với trồng lúa hết sức hấp dẫn. Rõ ràng một ao địa thả nuôi cá lóc có diện tích 1.000m<sup>2</sup> có lãi suất hơn 1 hecta ruộng (10.000m<sup>2</sup>).

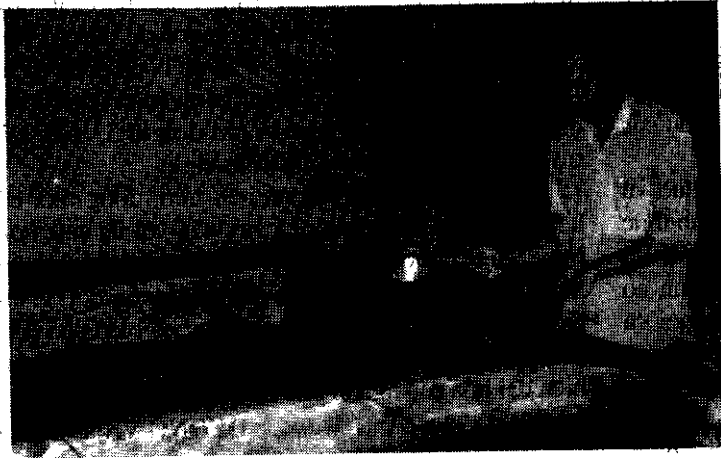
Điều kiện cho vay vốn thả nuôi cá lóc của ngành ngân hàng Đồng Tháp hiện nay là: Có chủ quyền sử dụng đất hợp pháp, có phương án thả nuôi rõ ràng hợp lý, có tài sản thế chấp tương xứng với vốn vay, cam kết không nợ dây dưa với ngân hàng. Tuy nhiên nguồn vốn vay thường đến chậm, bà con đành vay tư nhân với lãi suất 6-7%. Bà con mong Nhà nước giúp đỡ vốn vay thả nuôi kịp thời vụ vì ngoài chi phí sửa chữa, cải tạo ao địa ra còn phải mua sắm đăng, lưới bao quanh bờ tránh cá nhảy vượt ra ruộng, rồi cá giống, thức ăn... Hơn nữa ở địa phương năm nào của có lũ, mấy tháng nước nổi người thả nuôi cá lóc gặp nhiều khó khăn.

Nghề thả nuôi cá lóc ở Phú Thọ đã đi vào nền nếp, được địa phương tổ chức hỗ trợ khá tốt từ kỹ thuật thả nuôi đến cách phòng trị bệnh cho cá, tạo mối đoàn kết bảo vệ lẫn nhau không để bị bắt trộm hay dùng hóa chất, xung điện bắt cá. Tuy vậy bà con cho rằng cần có sự qui hoạch cụ thể từ các nhà quản lý để con cá lóc có đầu ra ổn định ■

**LÊ MINH HOÀNG**

# Thăm cơ sở sản xuất tôm sú giống

## Phú An



Kiểm tra tôm giống

Trong vài năm gần đây, phong trào nuôi tôm sú ở huyện Sông Cầu phát triển rất mạnh, nhu cầu con giống gia tăng, từ thực tế đó nhiều người ở huyện Sông Cầu đã đầu tư vốn xây dựng cơ sở sản xuất tôm sú giống. Đến đầu năm 1998 toàn huyện có 23 cơ sở, tập trung nhiều nhất ở xã Xuân Thọ 2.

Cơ sở sản xuất tôm sú giống Phú An nằm ở khu vực Gành Đỏ, xã Xuân Thọ 2, nơi chúng tôi về thăm để nắm bắt tình hình. Cơ sở gồm 6 người góp công, góp vốn cùng làm do anh Nguyễn Sĩ Thành chịu trách nhiệm chính. Anh Thành cho chúng tôi biết, tổ hợp của anh bắt đầu đi vào thả nuôi vào đầu tháng 9/1996, lúc đầu cơ ngơi chỉ có 600m<sup>2</sup>, vốn lưu động và cố định trên dưới 150 triệu đồng. Vừa làm, vừa học hỏi kinh nghiệm qua sách báo, qua tài liệu tham khảo trong nước và nước ngoài do Trung tâm khuyến ngư cung cấp. Thấy nhu cầu của người nuôi ngày càng nhiều không chỉ trong huyện mà còn rộng ra

các huyện, tỉnh bạn, tổ hợp của anh đã mở rộng cơ sở lên 1.200m<sup>2</sup> vào giữa năm 1997, vốn cố định khoảng 350 triệu đồng và vốn lưu động 100 triệu đồng. Gồm 40 bể, trong đó 2 bể nuôi tôm sú bố mẹ, 20 bể cấy tạo, 18 bể còn lại cho tôm đẻ và chứa nước mặn từ biển lên có sức chứa 100m<sup>3</sup> - đủ phục vụ cơ sở bể ương, 3 máy phát điện.

Có đến Phú An mới biết công việc sản xuất tôm sú giống lắm công phu. Một con tôm bố mẹ mua của người đi biển về nhìn thấy giàn trứng đẹp, sáng mua tối đẻ liền, giá 7 đến 8 triệu đồng. Một con tôm bố mẹ bình thường nuôi 15 ngày đến 1 tháng đẻ, giá 1,5 đến 2 triệu đồng. Có những lúc gặp những con mua về nuôi mà không đẻ, đành chịu mất oan tiền mua, công chăm sóc và cả thức ăn. Mỗi vụ tổ của

anh Thành nuôi 50 đến 60 con giống bố mẹ, mỗi con 150 đến 200g. Theo lý thuyết, mỗi con có khoảng 1 triệu trứng, nhưng khi nở thành post chỉ còn 1/3. Mỗi năm cơ sở anh Thành sản xuất cung cấp cho người nuôi 6 triệu post. Từ tháng 9 âm lịch năm trước đến tháng 7 âm lịch năm sau là thời gian nắng ráo không có lũ lụt, bà con nuôi tôm nhiều. Tôm post sản xuất ra là nhưng con li ti nhỏ bằng sợi tóc, từ 10 đến 12 ngày tuổi xuất bán cho các hộ chuyên ương tôm. Những hộ này cho tôm từ từ thích nghi với môi trường khí hậu ao đĩa ngoài biển, rồi từ đó họ mới xuất bán cho các hộ nuôi tôm thịt thả nuôi ở diện tích rộng.

Nghề sản xuất tôm sú giống thành công nhiều, nhưng thất bại cũng không ít. Ngoài thời tiết, khí hậu thích hợp, người nuôi phải bằng mọi cách tránh dịch bệnh cho tôm, bởi lẽ tỉ lệ tôm giống hao hụt ít thì lãi từ nghề này mang lại sẽ nhiều và ngược lại ■

KIỀU BA

### TRƯỜNG TRUNG HỌC THỦY SẢN IV - 61 KỸ SƯ THỦY SẢN TẠI CHỨC TỐT NGHIỆP

Năm 1993 Trường trung học thủy sản IV (THTS4) đã được phép tuyển sinh theo học hệ tại chức thuộc 2 chuyên ngành nuôi trồng thủy sản và kinh tế thủy sản. Đến nay số học sinh đã tuyển các khóa tại chức lên đến 559 học sinh. Ngày 20/4/1998 nhà trường đã lễ tốt nghiệp cho 61 học sinh ngành NTTS khóa học 1993-1998. Trong đó có 32,5% đạt khá giỏi.

Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - Lao động Bộ Thủy sản Trần Lê Thế, Hiệu trưởng Trường đại học Thủy sản Quách Đình Liên đã đến dự và phát biểu ý kiến.

Đánh giá kết quả khóa học, Hiệu trưởng THTS4 Trần Văn Bình cho rằng, có được kết quả trên, trước hết đó là sự quan tâm của Nhà nước đã cho chủ trương và tạo nguồn tài chính, tiếp đến là sự nỗ lực cao của Trường THTS 4 và Trường đại học Thủy sản từ khâu đầu là tuyển sinh, giảng dạy và đến thi cử bảo đảm nghiêm túc, khách quan và đúng qui chế.

Số học sinh ra trường khóa học này đã đáp ứng một phần nhu cầu cán bộ có trình độ đại học của các tỉnh phía Bắc. Được biết, năm 1998, Trường THTS4 sẽ tuyển 120 học sinh đào tại chức cho 2 chuyên ngành nói trên.

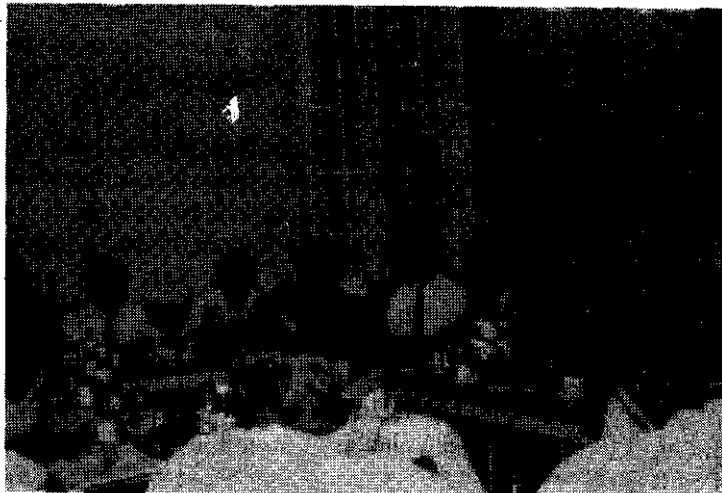
# TIN HOẠT ĐỘNG NGHỀ CÁ

## ● BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG LỤT BÃO VÀ TÌM KIẾM, CỨU NẠN, NGƯỜI, TÀU THUYỀN NGHỀ CÁ ĐƯỢC THÀNH LẬP

bởi Quyết định số 71/1998/QĐ-BTS ngày 21/2/1998 của Bộ Thủy sản. Theo Quyết định, Thứ trưởng Nguyễn Ngọc Hồng làm trưởng ban; Phó Vụ trưởng Vụ Nghề cá Nguyễn Văn Châu phó ban thường trực phụ trách về phòng chống lụt bão; Quyền Cục trưởng Cục BVNLTS Đào Văn Thiện phó ban thường trực phụ trách về tìm kiếm, cứu nạn; Chánh Văn phòng Bộ Ngô Sỹ Hoàn - phó ban; một số lãnh đạo cấp vụ, đơn vị trực thuộc, Giám đốc các Sở Thủy sản các tỉnh ven biển và một số chuyên viên thuộc Bộ làm ủy viên.

Quyết định nêu rõ, Ban có nhiệm vụ xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương đơn vị thực hiện Quyết định này; phối hợp với các Bộ ngành có liên quan và chính quyền các địa phương chuẩn bị mọi mặt cho công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn; tổ chức huấn luyện; được quyền huy động các phương tiện và điều kiện vật chất cần thiết trong ngành khi khẩn cấp để phục vụ cho việc phòng chống, khắc phục hậu quả lụt bão,....

## ● ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH VÀ BỘ THỦY SẢN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT LIÊN TỊCH



Ngày 30/3/1998, tại trụ sở Trung ương đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bộ Thủy sản do Bộ trưởng Tạ Quang Ngọc dẫn đầu và Đoàn TNCS Hồ Chí Minh do Bí thư thứ nhất Vũ Trọng Kim dẫn đầu đã họp kiểm điểm việc triển khai thực hiện Nghị quyết liên tịch và Chương trình phối hợp hoạt động giữa Trung ương Đoàn và Bộ Thủy sản kí ngày 8/7/1997.

Hội nghị nhất trí đánh giá, thời gian qua tổ chức đoàn và ngành thủy sản các cấp đã tích cực phối hợp triển khai và đã đạt được kết quả bước đầu. Đến nay 10 đơn vị đã báo cáo việc triển khai, đó là Thanh Hóa, Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Bình Định, Phú Yên, Hải Phòng, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Trường trung học kỹ thuật thủy sản I và Tổng công ti hải sản Biển Đông.

Trung ương Đoàn, ngoài việc hướng dẫn, theo dõi, chỉ đạo đã tập trung chỉ đạo một số dự án như dự án nuôi trồng thủy sản của TNXP Bắc Bằng, Thạch Hà, Hà Tĩnh. Dự án khai hoang phát triển nông lâm ngư ở Hải Hoà, Hải Ninh, Quảng Ninh với số vốn 15 tỉ đồng. Đầu tư 2,3 tỉ đồng (vốn 120) cho 22 dự án về nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản. Điển hình là dự án nuôi ba ba ở Tiên Hải, Thái Bình; dự án chế biến hải sản ở Bồ Trạch, Quảng Bình; dự án nuôi tôm ở Thạch Hà, Hà Tĩnh; dự án nuôi cá nước ngọt ở Yên Hưng, Quảng Ninh... và triển khai dự án 334 "Tri thức trẻ tình nguyện". Đã hướng dẫn các đơn vị TNXP về đánh bắt hải sản xa bờ. Đề xuất với Chính phủ chọn Bạch Long Vĩ để xây dựng đảo thanh niên...

Hội nghị cho rằng, kết quả đạt được chưa cao, tiến độ triển khai còn chậm, nhiều cấp tỉnh chưa tổ chức được các hoạt động hưởng ứng, và một số tồn tại khác.

Để đẩy mạnh tiến độ thực hiện, Hội nghị đề ra các biện pháp cần triển khai trong năm 1998, trọng tâm là đẩy mạnh hơn nữa công tác chỉ đạo để Nghị quyết liên tịch triển khai được ở hầu



khắp các địa phương và có kết quả cụ thể. Xây dựng các dự án, các văn bản hướng dẫn về các mô hình như câu lạc bộ khuyến ngư, làng cá kiểu mẫu, đội tàu đánh bắt xa bờ, đảo thanh niên... để các địa phương triển khai thực hiện. Tăng cường hơn nữa công tác tuyên truyền. Trong đó tổ chức Đoàn và Bộ Thủy sản tập trung xây dựng một số mô hình điểm.

● **SẢN XUẤT KINH DOANH TOÀN NGÀNH 4 THÁNG ĐẦU NĂM.** Mặc dù chịu hậu quả cơn bão số 5, nhưng do tích cực sửa chữa và huy động tàu thuyền bám biển, đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nên sản xuất toàn ngành vẫn đạt cao hơn so với cùng kỳ năm 1997. Khai thác hải sản đạt 311.000 tấn, nuôi trồng thủy sản đạt 156.000 tấn, so cùng kỳ tương ứng là 101,63% và 105,40%.

Về kinh doanh xuất nhập khẩu, do ảnh hưởng của khủng hoảng tiền tệ trên thế giới, sức mua của thị trường có tỉ trọng cao đều giảm: Nhật Bản gán 20%, EU và Mĩ gán 10%, Hàn Quốc gán như đóng cửa nên giá trị xuất khẩu chỉ đạt 230 triệu USD, bằng 99,13% so với cùng kỳ năm 1997.

● **CHƯƠNG TRÌNH ĐÁNH BẮT HẢI SẢN XA BỜ** tính đến 20/3/1998 có 26/30 tỉnh, thành phố

nâng công suất từ dưới 90CV lên trên 90CV, 4 tàu cải hoán có công suất 600CV.

Trong tổng số 311 tàu nói trên có 61 chiếc đã đi sản xuất, 89 chiếc đang lắp máy, 161 chiếc đóng xong vỏ đang chờ lắp máy. Đã giải ngân được 195 tỉ đồng chiếm 61% giá trị được vay

Tuy nhiên, chương trình này còn một số vướng mắc về vốn, như tỉ lệ vốn tự có, chưa có qui định về thế chấp tài sản, tiến độ giải ngân.... Bộ Thủy sản đang cùng các ngành liên quan và các địa phương tháo gỡ.

● **TỔNG CÔNG TI THỦY SẢN HẠ LONG ĐƯỢC THÀNH LẬP** theo Quyết định số 99/1998/QĐ-BTS ngày 25/2/1998 của Bộ Thủy sản. Thành viên gồm có:

5 doanh nghiệp hạch toán độc lập: Công ti khai thác thủy sản Hạ Long, Công ti dịch vụ và XNK Hạ Long, Công ti chế biến thủy sản Hạ Long, Công ti cơ khí tàu thuyền Hạ Long và Công ti xây lắp Hạ Long.

3 doanh nghiệp hạch toán phụ thuộc: Cảng cá Hạ Long, Chi nhánh Hà Nội và Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.

1 đơn vị sự nghiệp: Trường công nhân kĩ thuật Hạ Long.

1 đơn vị liên doanh với nước ngoài: Liên doanh gỗ dăm HATACO.

Tổng công ti thủy sản Hạ Long tổ chức và hoạt động theo mô hình tại Quyết định 90/TTg ngày 7/8/1994 của Thủ tướng Chính phủ.

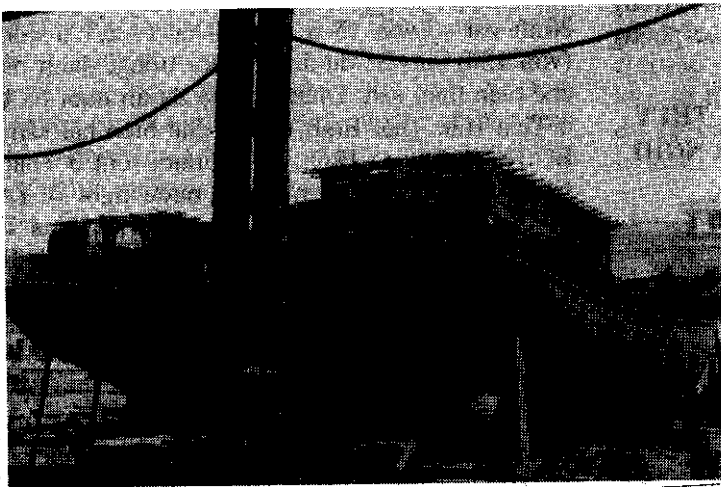
● **TUYỂN SINH CHÍNH QUI NĂM 1998**

#### I. Hệ đại học

1. *Đại học Thủy sản*, Nha Trang, Khánh Hòa

- Hệ đại học, tuyển 1.600 học sinh vào các ngành: Khai thác, nuôi trồng, công nghệ chế biến, kinh tế thủy sản, cơ khí tàu thuyền, cơ khí động lực, cơ khí chế tạo, công nghệ thực phẩm, quản trị kinh doanh, kế toán doanh nghiệp và tin học.

- Hệ cao đẳng, tuyển 200 học sinh vào các ngành đào tạo như trên và có thêm ngành cơ điện lạnh.



*Tàu đánh cá xa bờ của Hải Phòng đang được đóng lắp*

đã cơ bản thực hiện được các dự án đóng tàu theo kế hoạch vốn 1997. Tổng cộng có 209 dự án đã thực hiện, 311 tàu đã đóng mới, trong đó có 172 tàu loại 90-100CV, 139 tàu loại 150-450CV, 12 tàu được nâng cấp cải hoán, trong 12 tàu có 8 tàu



*Mẫu tàu composite của Trường đại học Thủy sản thiết kế*

2. Các trường đại học: tuyển sinh vào ngành nuôi trồng thủy sản có: *Nông Lâm*, thuộc Đại học quốc gia tp. Hồ Chí Minh, *Nông nghiệp I*, Gia Lâm - Hà Nội, và *Cần Thơ*, đường 30/4 tp. Cần Thơ.

## II. Hệ trung học và công nhân dạy nghề

1. Trường trung học kỹ thuật thủy sản I, Cầu Rào- Hải Phòng.

- Hệ trung học, tuyển 300 học sinh vào các ngành khai thác hàng hải thủy sản, chế biến thủy sản, vận hành máy tàu và cơ điện lạnh.

- Hệ công nhân, tuyển 310 học sinh vào các ngành thủy thủ tàu đánh cá biển, máy tàu, máy lạnh, điện tàu thủy.

2. Trường trung học kỹ thuật nghiệp vụ thủy sản II, quận Bình Chánh - tp. Hồ Chí Minh

- Hệ trung học, tuyển 300 học sinh vào các ngành khai thác hàng hải thủy sản, nuôi trồng thủy sản, chế biến và bảo quản thủy sản, vận hành máy tàu, cơ điện lạnh, hạch toán kế toán và tin học.

- Hệ công nhân, tuyển 290 học sinh vào các ngành thủy thủ đánh cá biển, máy lạnh chế biến thủy sản và máy tàu.

3. Trường trung học thủy sản IV, Tiên Sơn - Hà Bắc

- Hệ trung học, tuyển 300 học sinh vào các ngành nuôi trồng thủy sản và hạch toán kế toán.

- Hệ công nhân, tuyển 200 học sinh vào ngành nuôi trồng thủy sản.

## ● KHÁNH THÀNH NÂNG CẤP TRẠI CÁ GIỐNG VĂN CHẤN

Được UNDP tài trợ, nguồn trực tiếp của Đại sứ quán Vương quốc Anh trong khuôn khổ dự án VIE 96/006, với tổng số tiền là 23.000USD, Trại cá giống Văn Chấn- tỉnh Yên Bái được khởi công nâng cấp từ quý IV/1997.

Các hạng mục nâng cấp gồm 2 ao chứa làm bể lắng, lọc, áp lực; 2 bể vòng ấp trứng; 1 bể cá để hình tròn kiểu mới, 1 nhà bao che cho toàn bộ khu sinh sản nhân tạo; 19 cống tưới và hệ thống dẫn nước ngầm vào các ao chứa.

Sau gần 6 tháng thi công, ngày 6/3/1998 Trại cá giống Văn Chấn đã làm lễ khánh thành. Đến dự có ông Đại sứ Vương quốc Anh cùng phu nhân, ông Lê Kinh Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư và nhiều quan chức của dự án, của tỉnh, huyện, các cơ quan hữu quan cùng toàn thể CBCNVCS Sở Kế hoạch -Đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và nhân dân quanh phường Phú Trang.

Cùng ngày trại đã cho cá chép và trắm cỏ đẻ lứa đầu tiên, hàng triệu trứng đã ra đời, đang ương ấp để có cá giống phục vụ cho phòng trào.

Năm 1998 trại phấn đấu cho sinh sản nhân tạo 50-60 triệu cá bột, 5-6 triệu cá hương các loại cung cấp cho phòng trào NTTS ở Văn Chấn và cho một số tỉnh bạn.

*Tin, ảnh của Khắc Thủy, Văn Tân, Sĩ Cổ, PV*



*Đại sứ Anh và giám đốc Sở KHĐT Yên Bái cắt băng khánh thành*

# HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN

**T**hủy sản Việt Nam là một trong những ngành kinh tế lâu đời nhất, trải qua những bước thăng trầm của lịch sử,

đến nay ngành đã có vị trí trong nền kinh tế quốc dân, được xác định là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của đất nước. Từ năm 1981 đến nay ngành phát triển với tốc độ cao, qui mô ngày càng lớn, nếu như năm 1981 tổng sản lượng khai thác, nuôi trồng mới đạt 580.000 tấn, xuất khẩu đạt 13 triệu USD, đến năm 1997 đã nâng lên với con số tương ứng là 1.579.000 tấn và 776 triệu USD, giải quyết việc làm cho trên 3 triệu lao động.

Để tạo nên thành quả trên, lao động nghề cá đã góp phần không nhỏ về công sức, trí tuệ, trong đó phong trào lao động sáng tạo cũng đã có đóng góp đáng kể. Trong bài viết này chúng tôi chỉ đề cập tới phong trào lao động sáng tạo trong khối công nhân viên chức.

Để có đánh giá đầy đủ vai trò và tác dụng tích cực của phong trào giai đoạn 1981 đến nay, trước hết chúng ta bắt đầu bằng những con số. Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, đến nay trong khối này đã có 64 cá nhân được tặng 95 bằng Lao động sáng tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam; trong đó nhiều cá nhân được Nhà nước tặng thưởng huân chương và bằng khen, ở đây không kể đến hàng ngàn sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã làm lợi cho Nhà nước nhiều ngàn tỉ đồng.

Trong tổng số 95 bằng Lao động sáng tạo, có 36 trong lĩnh vực chế biến, trong chế biến chủ yếu trong lĩnh vực chế biến xuất khẩu - nơi mà ngành xác định là lĩnh vực kinh tế mũi nhọn,

11 trong nuôi trồng thủy sản, 14 trong quản lý kinh tế, 25 trong cơ khí thủy sản, số còn lại thuộc các lĩnh vực khác của ngành.

động và của cải cho xã hội, chống ô nhiễm môi trường, giữ vững cân bằng sinh thái.

Cải tiến qui trình công

## CHUYỂN PHONG TRÀO LAO ĐỘNG SÁNG TẠO ngành thủy sản sang thời kỳ mới

Trong tổng số 64 đồng chí được tặng bằng lao động sáng tạo có 13 đồng chí (chiếm 20,3%) được tặng từ 2 bằng trở lên. Điển hình như đ/c Nguyễn Thị Phi Yến nguyên giám đốc Công ti hệ biển TSXX Hải Phòng, có 8 bằng; đ/c Lê Trọng Cử giám đốc Nhà máy đóng tàu Sông Đào, Nam Định có 4 bằng....

Cũng từ số liệu thống kê, trong tổng số bằng Lao động sáng tạo có 55% số người làm công tác quản lý, 27% số người là công nhân trực tiếp sản xuất và 18% số người làm công tác nghiên cứu khoa học. Địa phương có nhiều bằng Lao động sáng tạo là Hải Phòng: 30, Hà Tĩnh: 14, Quảng Ninh: 8, Nam Định: 8, tp. Hồ Chí Minh: 8. Đơn vị được tặng nhiều bằng lao động sáng tạo, dẫn đầu là Công ti chế biến XKTS Hải Phòng: 24, tiếp đến có Công ti XNK thủy sản Hà Tĩnh (F46): 14, Công ti kỹ nghệ lạnh (Seaprodex Việt Nam): 8, Nhà máy đóng tàu Sông Đào, Nam Định: 8.

Điểm qua nội dung của các sáng kiến, giải pháp hữu ích được cấp bằng Lao động sáng tạo chúng ta thấy những sáng kiến, giải pháp đã góp phần quan trọng giúp cho nhiều DN vượt qua khó khăn, không chỉ tồn tại mà còn đứng vững và phát triển. Đó là:

Đổi mới cơ chế quản lý không những có ý nghĩa về kinh tế mà còn mang lại ý nghĩa về mặt xã hội như giải quyết công ăn việc làm, thu nhập người lao

động và nâng cao chất lượng sản phẩm đặc biệt trong chế biến.

Chế tạo, cải tiến, phục hồi máy móc thiết bị, công cụ để khỏi tốn ngoại tệ mua sắm hoặc nâng cao hiệu quả mua sắm thiết bị đã có.

Phát triển các giống loài thủy sản mới, sinh sản nhân tạo, giải pháp phòng trị bệnh đã góp phần nâng cao hiệu quả trong nuôi trồng thủy sản.

Từ kết quả phong trào trên ta thấy, bên cạnh những mặt đạt được còn một số hạn chế:

Phong trào phát triển chưa đồng đều, nhiều địa phương, đơn vị chưa được tặng 1 bằng Lao động sáng tạo nào; từng lĩnh vực trong ngành sự phát triển cũng không đồng đều, trong khai thác thủy sản số người được cấp bằng chiếm tỉ lệ quá khiêm tốn.

Phong trào chỉ tập trung trong lĩnh vực quốc doanh và sự nghiệp, lĩnh vực ngoài quốc doanh phong trào chưa được khởi động, điều này cần nghĩ: vì sao trong lĩnh vực ngoài quốc doanh thời gian qua chưa được tặng một bằng Lao động sáng tạo nào.

Điểm cuối cùng là phong trào phát triển chưa ổn định, lúc lên lúc xuống, kì kế hoạch 1984 - 1985: 18 bằng, kì kế hoạch 1986 - 1990: 43 bằng, kì kế hoạch 1991 - 1995: 31 bằng (bằng 72% so kì kế hoạch 1986-1990), năm 1996 mới có 3 bằng, năm 1997 theo thông báo mới chỉ có 1 bằng.

Nguyên nhân của hạn chế trên, theo chúng tôi là: Trong

chỉ đạo thiếu sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền và cả tổ chức công đoàn, nhiều địa phương, đơn vị không có hướng dẫn, sơ kết tổng kết. Về phía Bộ Thủy sản, sau hội nghị sáng kiến năm 1988 ở Đồ Sơn, Hải Phòng, đến nay gần 10 năm chưa có hội nghị nào tiếp theo. Hội đồng sáng kiến của Bộ và nhiều địa phương, đơn vị có thành lập nhưng không hoạt động, thiếu cán bộ chuyên trách theo dõi.

Sự phối hợp giữa công đoàn và chuyên môn có nơi, có lúc thiếu chặt chẽ. Những nơi có sự phối hợp lại thiếu sự đổi mới cho phù hợp với tình hình - khi

mà nền kinh tế của ta chuyển sang cơ chế thị trường. Thêm nữa, nghề cá Việt Nam là nghề cá nhân dân nếu chúng ta không đưa ra được giải pháp thích hợp sẽ không tổng kết, động viên khuyến khích kịp thời các lực lượng tham gia phong trào.

Cuối cùng là chính sách, chế độ khen thưởng cũng chưa thoả đáng với những kết quả mà sáng kiến và giải pháp tạo ra, như Nghị định 31/CP của Chính phủ ban hành điều lệ sáng kiến và sáng chế đến nay đã hơn chục năm nhiều điểm chưa hợp lý nhưng vẫn chưa được sửa đổi. Bộ cũng chưa có chính sách nào để

khuyến khích, động viên khen thưởng và ngay như Hội nghị những người lao động sáng tạo vừa qua do CĐTSVN tổ chức cũng chỉ biểu dương, không có khen thưởng.

Hội nghị những người lao động sáng tạo của ngành vừa qua được tổ chức, phong trào đã được phát động, là tín hiệu bước đầu của việc chuyển phong trào sang giai đoạn mới, chúng ta hi vọng phong trào sẽ có bước chuyển biến tích cực. Tương lai đang ở phía trước ■

TẮT ĐẠT

## Kỉ niệm Ngày truyền thống ngành & QUYÊN GÓP ỦNG HỘ QUỸ NHÂN ĐẠO NGHỀ CÁ

Ngày 30/3/1998, tại Hà Nội, Bộ Thủy sản và CĐTSVN tổ chức Lễ kỉ niệm Ngày truyền thống ngành thủy sản. Trưởng ban kinh tế TU Phan Diễn, Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Công Tấn đã đến dự và phát biểu ý kiến.

Diễn văn đọc tại Lễ kỉ niệm, Bộ trưởng Bộ Thủy sản Tạ Quang Ngọc đã ôn lại lịch sử truyền thống nghề cá Việt Nam, nêu nhiệm vụ ngành phải phấn đấu trong năm 1998.

Trong buổi lễ, Hội đồng Quỹ nhân đạo Nghề cá VN đã phát động đợt quyên góp ủng hộ Quỹ năm 1998 và đã có trên 100 tập thể, cá nhân ủng hộ với tổng số tiền là 9.175.000 đ và 300 USD trong đó đơn vị góp nhiều nhất là Công ti XNK thủy sản Hộ Phòng (Giáp Rai, Bạc Liêu) 2.425.000 đồng, Seaprodex Hà Nội 2.000.000 đồng, Trung tâm Kiểm tra chất lượng và Vệ sinh huy sản 1.000.000 đồng, Hội Nghề cá Việt Nam 500.000 đồng; cá nhân có ghi danh đóng góp nhiều nhất là các đồng chí: Phan Diễn (Ban kinh tế TU) 150.000đ; Nguyễn Văn Tùng (Văn phòng Chính phủ), Vũ Huy Thủ, Nguyễn Duy Bông (Cục BVNLTS) mỗi cá nhân 100.000đ.

Cũng tại buổi lễ, thực hiện Quyết định của Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tấn gắn huân chương Lao động hạng nhất và Bộ trưởng Bộ Thủy sản Tạ Quang Ngọc gắn huy chương Vì an ninh Tổ quốc của Bộ Nội vụ cho đ/c Nguyễn Tấn Trịnh nguyên Bộ trưởng Bộ Thủy sản nay là Phó Trưởng ban thường trực Ban kinh tế TU.



Hương ứng cuộc vận động trên, vừa qua Công ti Exostar S.A.R.L Import - Export có trụ sở đóng tại Pa ri - Pháp, là doanh nghiệp có quan hệ buôn bán hàng thủy sản với Việt Nam đã gửi về ủng hộ Quỹ 30.000 phrăng Pháp, trong đó 5.000 phrăng giúp ngư dân nghèo miền Bắc và 5.000 phrăng giúp ngư dân nghèo miền Trung. Cùng thời gian trên Trường trung học kĩ thuật và nghiệp vụ thủy sản II đã mở đợt quyên góp và đã thu được 1.800.000 đồng gửi về Quỹ.

# PHÁT ĐỘNG THI ĐUA LAO ĐỘNG SÁNG TẠO TRONG NGÀNH THỦY SẢN

Nhân dịp kỷ niệm 39 năm Ngày truyền thống ngành thủy sản, Hội nghị những người lao động sáng tạo xuất sắc ngành thủy sản được tổ chức tại Hà Nội ngày 24/3/1998, Chủ tịch CĐTSVN Nguyễn Thị Hồng Minh đã phát động phong trào thi đua lao động sáng tạo trong toàn ngành. Sau đây là toàn văn nội dung:

## Mục tiêu:

- Đơn vị nào cũng có sáng kiến, giải pháp sáng tạo nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

- Động viên mạnh mẽ từng cán bộ, công nhân, lao động toàn ngành phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, xây dựng ngành thủy sản thành ngành kinh tế mũi nhọn, công nghiệp và hiện đại.

- Tạo những nhân tố trong ngành để tiến tới Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 2000 mà Chủ tịch nước đã nêu.

## Biện pháp

1. Các cấp công đoàn phối hợp chặt chẽ với chính quyền, đặc biệt là công đoàn cơ sở và giám đốc doanh nghiệp, thủ trưởng đơn vị tổ chức phát động thi đua sâu rộng tới từng cán bộ, công nhân, lao động phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý

hóa sản xuất tạo thành phong trào quần chúng mạnh mẽ trong toàn ngành,

2. Từng lĩnh vực, từng đơn vị nêu các trọng tâm công tác, hướng các giải pháp, các ứng dụng khoa học công nghệ vào các khâu then chốt hoặc tháo gỡ khó khăn; hỗ trợ các đề tài nghiên cứu, các sáng kiến, giải pháp của cán bộ, công nhân, lao động.

3. Xét duyệt, khen thưởng kịp thời và thỏa đáng các sáng kiến, cải tiến, giải pháp hữu ích. Tổ chức áp dụng các sáng kiến, giải pháp đã được công nhận.

4. Sơ kết, tổng kết phong trào ở từng cơ sở, địa phương, đơn vị để đề nghị Bộ Thủy sản và CĐTSVN khen thưởng những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào lao động sáng tạo.

Hàng năm vào dịp tổng kết, các cấp công đoàn báo cáo danh sách những người được bằng Lao động sáng tạo trong năm để CĐTSVN khen thưởng.

Trước Đại hội anh hùng và chiến sĩ thi đua toàn quốc năm 2000, toàn ngành sẽ kiểm điểm phong trào và tuyên dương những người lao động sáng tạo xuất sắc trong ngành.

## Dự án ĐÀO TẠO CÁN BỘ CÔNG ĐOÀN THỦY SẢN

Theo đề xuất của Công đoàn Thủy sản Việt



Nam (CĐTSVN), thông qua Ban Đối ngoại Tổng liên đoàn lao động Việt Nam (TLĐLĐVN), sau khi cử cán bộ sang khảo sát, công đoàn Thủy Điện đã chấp nhận tài trợ dự án Đào tạo cán bộ công đoàn cho 2 ngành thủy sản và nông nghiệp.

Dự án được triển khai trong 3 năm, với nội dung: Phát triển công đoàn ngoài quốc doanh. Vai trò của tổ chức công đoàn đại diện cho công nhân lao động (CNLD) và các kỹ năng thương lượng, ký thoả ước lao động tập thể, bảo vệ quyền lợi của CNLD. Phương pháp, hình thức tập hợp CNLD vào tổ chức công đoàn.

Tháng 6/1998, lớp đào tạo cán bộ công đoàn đầu tiên của dự án này sẽ được tổ chức tại Hà Nội. Các giảng viên là những giáo sư có kinh nghiệm của công đoàn quốc tế và của Việt Nam ■

*Trang Công đoàn có sự cộng tác của  
Trịnh Tín, Văn phòng CĐTSVN*